

NEUROTONIC

- ✱ BỒI BỔ ÓC
- TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ
- BẢO VỆ SINH LỰC

LIBRARY

PHO THONG

Giám-đốc. Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ



PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN HOA VIỆT NAM
PHO BIÊN VĂN HOA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-đốc, Chỉ bút ; Nguyễn-Vũ

Đòa-soạn : 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XII — số 254 — 15-10-1970

1 — Không có những sắc tộc	Nguyễn-Vũ	5 — 10
2 — Kim cương	Đào-thị-Ngọc-Diệp	11 — 17
3 — Bát Chai vị lãnh tụ Mèo	hạm-văn-Sơn	18 — 22
4 — Hát dặm nghệ tỉnh	Đông-Tùng	23 — 24
5 — Truyện thắng Chey	Lê-Hương	25 — 37
6 — Ý nghĩ về những ngày	Xuân-Bình	38 — 43
7 — Mở cửa (thơ)	Đặng-Cầm	44
8 — Từ Gia long đến Bảo đại	Ái-L n	45 — 48
9 — Từ kiếng lúp	Chu-minh-Thụy	49 — 51
10 — Tận thế	Trần-lê-Nguyên-Vũ	52 — 60
11 — Bnồn vô duyên (thơ)	Trà-kim-Long	61 — 62
12 — Tương nhảy dù	Nguyễn-khắc-Tiến Tùng	63 — 56
13 — Nền mỹ thuật cổ đô Huế	Tin-Khanh	66 — 73
14 — Bài chánh tả của vua Tự Đức	Thái Bạch	74 — 77

15 — Tiếng nói của thế-hệ	Trần-hữu-Nghiêm	78 — 79
16 — Giờ giới nghiêm ở Huế (thơ)	Trần-hữu-Nghiêm	80
17 — Chiều quốc hồn văn	Nguyễn-Quang-Tô	81 — 86
18 — Nàng tiên cây táo	Trụ-Vũ	87 — 93
19 — Võ thuật	Trần-luân-Kiệt	94 — 99
20 — Hương còn say bướm	Việt-Xuân	100
21 — Chiếc vòng cứu mệnh	Mạch-Quế-Hương	101 — 109
22 — Ngọc Anh Nữ-sĩ	Nguyễn-Vỹ	110 — 117
23 — Sinh khí văn nghệ	Hoàng-Thắng	118 — 121
24 — Sách báo mới	Phổ-Thông	122 — 125

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thề lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỔ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỔ-THÔNG**» và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by **PHỔ-THÔNG**, printed in Việt Nam.



CẢM NGHĨ SAU TUẦN LỄ VĂN NGHỆ TẠI
TRƯỜNG QUỐC GIA ÂM NHẠC

Không có những sắc tộc thiểu số, CHỈ CÓ MỘT DÂN- TỘC VIỆT VĨ - ĐẠI

TÔI vẫn thường nghĩ như vậy mỗi khi người ta nói cho tôi nghe về những «sắc tộc thiểu số», — dịch theo danh từ «Minorités ethniques» của Pháp, — ở rải rác các miền Cao-nguyên Việt Nam.

Sáu đêm Văn-ngệ vừa qua trình-diễn tại trường Quốc-gia Âm-nhạc đã xác - minh hùng-hồn quan điểm của tôi về Dân-tộc Việt-Nam Vĩ-đại và thuần nhất, không phân biệt màu da, tiếng nói, và tập tục mỗi địa-phương.

Tôi tin rằng khi các nhà viết Sử thời xưa ghi chép về sự tích bà Âu-Cơ đẻ ra 100 người con trai, đó không phải là một chuyện hoang đường.

Lạc-Long quân và Hoàng-hậu Âu-Cơ dắt mỗi người 50 đứa con đi tản-mác khắp các miền Núi và Biển, lập nước Văn - Lang gọi là *Bách-Việt*.

Danh từ **Bách Việt** từ 4.000 năm còn truyền lại đến nay, đã xác nhận rằng Dân-tộc Việt gồm cả 100 tộc hệ, trong đó riêng dòng Việt-Nam ta là đông và lớn hơn cả, nhưng còn các tộc hệ khác : Thái, Mường, Mán, Thổ, Mèo, Nháng, Radhés, Bahnar, Stieng, Jarai, Kôhô, v.v... tuy ít hơn nhưng vẫn cùng một nguồn-gốc Lịch-sử, còn một huyết thống Lạc-Long-Quân.

Một vài nhà Khảo-cổ-học Tây-phương tìm nguồn-gốc Dân-tộc Việt ở Tây-Tạng, và chia hai nhánh : Việt, Thái. Nhưng không có gì minh xác sử thuyết đó là đúng. Riêng người Chăm Hồi-giáo, gốc từ Java (Indonesia), và thờ Mahomet, thì không phải dòng giống Việt, nhưng đã đồng hóa với người Việt từ 15 Thế-kỷ, ngày nay đã thành ra người Việt, và cũng là đồng bào của chúng ta.

Vì thế nên tôi cương quyết phản đối danh từ «sắc tộc thiểu số» do người Pháp đặt ra và còn duy trì đến nay.

Cần phải kiểm điểm lại *Lịch-sử Dân-tộc Bách Việt* từ thời Lạc-Long-Quân, để xóa bỏ mặc cảm sai-lầm về các Đồng-bào *Kinh* và *Thượng*. Hai danh từ này đã được thông dụng từ trước thời Pháp-thuộc, trong thời mà Đồng-bào *Thượng* vẫn tôn kính và tuân lệnh của Hoàng-Đế Việt-Nam.

Theo tôi, đồng bào *Kinh* chính là dòng dõi của 50 người con theo Bà Âu-Cơ tràn về miền đồng-bằng và duyên hải. Đồng - bào *Thượng* là dòng dõi của 50 người con theo Lạc-Long-Quân đi rải rác khắp các miền Sơn-Cước.

Sở dĩ có sự cách-biệt chút-ít về màu da, ngôn-ngữ, tập tục giữa *Kinh* và *Thượng*, là vì yếu tố khí hậu, và địa-lý, do sự cách trở và xê dịch khó khăn, thông-thương không có, suốt các thời đại lịch sử.

Ngay như ba miền Bắc Trung Nam, đồng bào *Kinh* thông thương dễ dàng và thường xuyên, mà từ giọng nói đến một số thổ ngữ, một số tập quán, còn cách biệt nhau rõ-rệt.

Riêng miền Trung, từ Thanh Hóa vào Hà-Tĩnh, từ Quảng Bình vào Quảng Trị, vùng Huế và Thừa Thiên, từ Đèo Ai-Vân vào Quảng Nam, vùng Quảng Ngãi, và từ Bình Định đến Phú Yên, từ Khánh Hòa đến Phan-Thiết, đã có nhiều cách biệt trong giọng nói và phong tục của mỗi địa phương.

Hướng chi Đồng bào Thượng ở rải rác từng nhóm khắp các miền Rừng Núi hiểm trở, thì sự kiện bất đồng ngôn ngữ, y phục, tập quán, trải qua các thời đại, là một việc dĩ nhiên càng dễ hiểu hơn.



Không phải do một trí óc tưởng tượng vô căn cứ của người đời sau mà Kinh sử để lại cho chúng ta ngày nay rằng Âu-Cơ đẻ 100 người con, và lần đầu tiên nước Văn Lang lập quốc lấy tên là *Bách Việt*. Các nhà sử học sau này chỉ ghi chép sử sách từ thời Hồng Bàng lưu lại, kể cả các sử sách của Tàu từ thời nhà Hán.

Chính sử xưa nói rằng Âu-Cơ đẻ 100 cái trứng, nở ra 100 người con. Theo thiên ý của

tôi, câu chuyện 100 trứng ấy chỉ để thần thoại hóa nguồn gốc Tiên Rồng của Lạc-Long và Âu-Cơ. Lạc Long là con của Long Nữ ở Đông Đình-Hồ, và vì đó, mà Lạc-Long là con Rồng thì Hoàng-hậu Âu-Cơ đẻ ra 100 trứng Rồng là một chuyện rất hợp lý, dù là một Thần-thoại.

Nhưng, theo Sử chép tên Dân-tộc ta là *Bách Việt*, do 100 người con của Lạc Long, mà con trưởng là Hùng-Vương Đệ nhất, chia nhau để khai khẩn lãnh thổ và giang-san mới, thì tính cách thần thoại không còn nữa, mà Lịch-sử chính-xác của Dân-tộc Rồng Vàng đã bắt đầu với sự hiện diện của 100 con cháu Việt (*Bách Việt*) trên đất Văn Lang.



Cho nên, tôi xin tái xác nhận theo Sử ký Hồng Bàng rằng trên đất Việt Nam từ trên 4800 năm nay, chỉ có một Dân-tộc *Bách-Việt*, gồm người *Kinh* và người *Thượng*, chứ không có những «sắc tộc thiểu số» như người Pháp đã cố tình phân chia, và một số «học giả Việt Nam cũng phụ họa theo.

Toàn thể người Thượng đều là đồng bào

của người Kinh. Toàn thể người Kinh và người Thượng đều là dòng dõi Lạc Long Quân và Âu-Cơ.

Có sự tiến hóa chậm trễ tương đối, và nhiều dị-đồng bề ngoài của mỗi huyết hệ, nhưng tất cả đều cùng một nguồn gốc Lịch-sử. Tất cả đều có quyền kiêu hãnh là dòng dõi Tiên Rồng.



★ **Phổ - Thông kỳ tới, số 255 ra ngày 1-11-1970, đặc biệt kỷ niệm Phổ - Thông năm thứ XIII**

• • • • •
BỨC THƯ TÂY ĐỨC
• • • • •

KIM CƯƠNG

★ **ĐÀO-THỊ-NGỌC-DIỆP**

KIM cương là loại than đá cứng nhất. Đồng họ với kim cương là than chì (graphit). Đun kim cương ở nhiệt độ 900—15000 kim cương sẽ biến thành than chì. Than chì đun ở nhiệt độ 2500o dưới áp suất 100.000 thì thành kim cương. Ngoài công dụng làm nữ trang, kim cương còn dùng trong kỹ nghệ như: cắt kính, mài kính, cắt đá hoa v.v.. Vì thế người ta chỉ dùng 250lo kim cương lấy được để làm nữ trang, còn thì dùng vào các việc khác.

LỊCH SỬ KIM CƯƠNG

Thời thượng cổ ít người dùng kim cương làm đồ trang sức, trừ

ở Ấn-độ người ta cho rằng kim cương làm mất hiệu quả của các chất độc và ngăn chặn được sự thất vọng chán chường cũng như bệnh điên loạn. Việc dùng kim cương trong địa hạt y tế này kéo dài tới tận thời Trung cổ. Kim cương trở thành đồ trang sức tương đối muộn. Sự bành trướng của kim cương như đồ trang sức sớm thấy nhất ở Anh và Pháp. Trước kia người ta dùng kim cương để dùng làm đồ trang sức cho vua chúa, rồi từ thế kỷ thứ 15 kim cương dùng làm nữ trang cho các hoàng hậu và cận thần của hoàng hậu. Năm 1632, vua Pháp đã cho trang điểm cái vương miện của mình bằng kim cương. Vào

khoảng thế kỷ thứ 16 ở bên Pháp kim cương rất được ưa chuộng và là một cách phô trương sự giàu có trong xã hội quý tộc. Bá tước Ernst zu Schaumburg năm 1620 đã cho trang điểm cái khung gương của Ông bằng 1424 viên kim cương. Sự đánh giá kim cương đạt đến cao độ ở thế kỷ thứ 18 cùng với nghệ thuật kim hoàn phát triển mạnh mẽ. Những người thích kim cương đặc biệt là vua Friedrich I và Friedrich II nước Phổ, cho trang điểm ấn kiếm của mình bằng kim cương.

Nữ hoàng Viktoria ở nước Anh rất thích đeo hoa kim cương bằng những hạt nổi tiếp thật dài. Khi vua Eduard VII lên ngôi, món quà đầu tiên của Ông tặng nữ hoàng Alexandra là giây đeo cổ đầy những hạt kim cương chiếu sáng.

Ở bên Nga dưới thời Nữ hoàng Katharina II những viên đá quý ở vương miện được thay bằng kim cương và viên kim cương Orlov trở thành đồ trang sức của nữ hoàng. Viên kim cương này được gắn Vương miện và ấn kiếm nam kim cương vào cái vương trượng. Năm 1905 người ta tìm thấy viên kim cương lớn nhất

từ trước đến giờ tên gọi Cullinan đặt theo tên viên Chủ-tịch của công ty «Premier Diamond Company» ở Pretoria lúc bấy giờ. Viên kim cương này được đem biếu vua Anh và sau đó được xẻ ra làm 105 viên để dùng. Những viên lớn nhất được gắn vương miện, vương trượng và nhẫn của Anh hoàng. Từ thế kỷ thứ 15 ở Đức người ta dùng kim cương để khắc kính. Cũng từ thế kỷ thứ 15 kim cương được thịnh hành trong lễ đính hôn và lễ cưới. Nhẫn đính hôn thường đeo ở bên tay trái, vì bàn tay này đặt thẳng vào trái tim. Từ thế kỷ thứ 19 ở nhiều nước người ta rất thích dùng kim cương vào lễ đính hôn.

VỀ ĐỊA HẠT KINH TẾ

Sự sản xuất kim cương tăng từ 11,47 triệu Karat (năm 1938) lên đến 28,7 triệu karat vào năm 1964 trong đó 7700 là kim cương dùng cho kỹ nghệ. Congo là xứ sản xuất kim cương nhiều nhất tính theo trọng lượng với 51,40% của tổng số kim cương sản xuất hàng năm tới trên thế giới phần nhiều là kim cương ở Congo dùng cho kỹ nghệ. Nam Phi là xứ sản xuất kim cương

cũng nhiều nhất tính theo trị giá vì đa số kim cương ở Nam Phi dùng làm đồ trang sức. Vào khoảng 4500 nhu cầu kim cương kỹ nghệ trên thế giới được tiêu thụ ở Âu châu (12

triệu karat, trong số đó Tây-Đức dùng 2 triệu karat : 1/6 của tổng số Âu-châu).

Dưới đây là bản thống kê kim cương sản xuất từ năm 1930 đến 1964 :

SỐ KIM CƯƠNG SẢN XUẤT (tính theo 1000 karat)

Các nước	1933	1948	1960	1961	1964
Angola	651	796	1050	1.148	1.149
Brésil	114	250	350	350	350
Congo (K)	7206	5825	13453	18143	14572
Ghana	1297	786	3273	3214	2668
Libérie	—	—	976	1096	571
Sierra Leone	690	466	2055	2045	1650
Nam Phi	1239	1382	3140	3788	4450
Tây Nam Phi	—	—	935	906	1541
Tansania	—	150	548	692	664
Cộng Hòa Trung Phi	—	119	70	49	442
Cả thế giới (1)	11474	10270	27300	33100	28700

(1) Không kể nước Nga

THỊ TRƯỜNG KIM CƯƠNG

Trên thị trường giá kim cương được cơ sở Central Selling Organization (CSO) London định đoạt. Giá kim cương được định theo giá vàng và nhu cầu thị trường Mỹ, tuy nhiên người ta cũng tìm cách giữ cho giá được thăng bằng hay tăng lên tùy

hoàn cảnh. Giá kim cương dùng cho đồ trang sức chênh lệch tùy theo phẩm chất từ 150 đến 500 bảng Anh mỗi karat. Kim cương kỹ nghệ giá 1 bảng Anh 1 karat, Năm 1965 ở Bỉ (Anvers) có 12.500 thợ kim hoàn chuyên mài dũa kim cương, ở Ấn-độ có 8.000 người, Do-thái 6.000 người, ở Hoa-kỳ (Nữ-ước, Chicago, Boston) 3500 người, ở

Tây-đức (Nanau, Idar-Oberstein, Pfalz, Odenwald) 3500 người, ở Hòa-lan (Amsterdam, Hilversum) 800 người, ở Nam-phi 600 người.

Từ năm 1900 giá kim cương tăng lên 300%, và trong thời gian gần đây mỗi năm tăng lên khoảng 50%. Nếu bạn biết cách mua kim cương thứ đó cũng là một cách để dành tiền. Biết cách mua kim cương tức là: mua kim cương đúng với giá trị của nó. Bởi vậy điều quan trọng nhất khi mua kim cương cần nhờ những người chuyên buôn bán về kim cương góp ý kiến.

MẤY TIÊU CHẤU KHI MUA KIM CƯƠNG :

Ở Âu-châu, nếu đến cửa hàng kim cương để mua kim cương thì chủ tiệm sẽ hỏi vì mục đích gì bạn mua kim cương? Cũng như mọi người khác, bạn mua kim cương để làm đồ trang sức hay là một cách để dành tiền? Điều này cần cho biết rõ vì người bán hàng sẽ đưa cho bạn 2 hột kim cương lớn bằng nhau, nhưng giá tiền chênh lệch, bạn phải soi qua kính để biết rằng hạt kim cương giá rẻ hơn có 1 lỗi gì đó.

4 điều quan trọng cần chú ý đến khi mua kim cương là:

- Nước kim cương (màu sắc)
- Sự đồng chất của kim cương (hột phải trong).
- Cách cắt hột kim cương.
- Và độ lớn của kim cương.

4 chữ C bằng tiếng Anh nhắc nhở người mua kim cương những điểm trên là: colour, clarity, cut và carat.

Colour : Màu sắc của kim cương rất quan trọng, nó làm cho kim cương đẹp hơn, chiếu sáng hơn và giá trị hơn. Màu của kim cương trong như giọt nước là màu đắt tiền nhất. Cũng có nhiều màu khác như vàng, da cam, xanh nhạt. Riêng kim cương có màu trắng xanh (nước xanh) thì rất khó tìm và quý.

Clarity : Có rất ít hạt kim cương không bọt, nghĩa là soi vào kính thấy trong suốt, không lỗi gì. Một hạt kim cương không có bọt khi soi vào kính (10 lần lớn hơn) chúng hột kim cương rất quý và đắt giá.

Cut : Cách cắt hột kim cương

cũng làm cho kim cương chiếu sáng thêm tùy theo nghệ thuật cắt.

Carat. : Trọng lượng của kim cương tính theo karat, và 1 hột

kim cương càng lớn càng giá đắt gấp mấy lần các hột kim cương nhỏ (cùng trọng lượng với hột lớn). Ví dụ 1 hột kim cương 2 karat đắt gấp nhiều lần 2 hột kim cương mỗi hột 1 karat.



hột kim cương không có bọt soi qua kính thấy trong suốt

nơi gọn bọt

có nhiều bọt

NGHỆ THUẬT MÀI KIM CƯƠNG :

Thuở ban đầu kim cương chưa chiếu sáng, còn bị những lớp dầu ở dưới đất làm mờ đi, vì kim cương được tìm thấy ở dưới đất (sâu 25m). Hàng trăm năm qua người ta không biết rằng lớp dầu bao quanh này có thể mài đi được, hay kim cương có thể chạm thành những hột nhỏ, để những hột đó thu nhận ánh sáng, phản chiếu và do đó

tạo ra màu sắc óng ánh.

Người Ấn-độ đặc khảm phá ra trước nhất là chỉ có kim cương mới có thể cắt kim cương được, điều này ngày nay vẫn còn đúng. Người Ấn-độ mài đá quý, mài kim cương hoàn toàn theo cảm giác của mình. Họ mài kim cương thành những mặt không đều nhau, để che dấu những thiếu sót (lỗi) của kim cương và để kim cương chiếu ra nhiều ánh sáng, Họ có

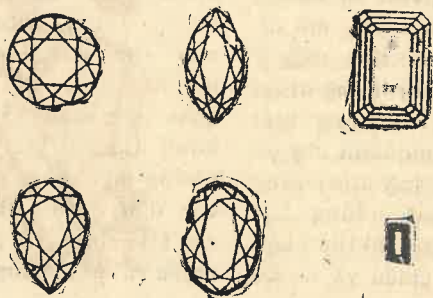
gắng sao cho lúc mài kim cương càng bớt mất trọng lượng chừng nào hay chừng đó,

Tiến bộ lớn lao đầu tiên trong nghệ thuật mài kim cương được đạt đến có lẽ vào khoảng thế kỷ 15 khi mà ở Hòa-lan người ta tìm ra được 1 mẫu mực hình học rõ ràng để mài. Mẫu mực này đem lại cho kim cương 1 vẻ óng ánh và cách chiếu sáng trước đó người ta chưa bao giờ thấy cả.

Tiến bộ thứ hai đặt được vào thế kỷ thứ 17 do sự khám phá của một người Venice tên là Peruzzi, khám phá đó được gọi là « nét cắt sáng ». Cách cắt đặt tới nghệ thuật cao độ và sau một vài sửa đổi cho đến ngày nay vẫn là cách cắt được dùng nhiều nhất.

Việc mài kim cương đòi hỏi

không ít thì giờ và thận trọng. Trước hết viên đá 8 mặt được xem xét kỹ càng, sau đó ở khoảng giữa được đánh dấu 1 đường chia đôi. Phải mất rất nhiều thì giờ để cắt đôi một hạt kim cương nhỏ. Người ta cắt kim cương bằng 1 cái cưa mỏng được chế bằng những hạt bụi kim cương pha với dầu. Cưa này được kéo với tốc độ thật nhanh, sau đó kim cương được đặt vào 1 chỗ để giữ cho chắc và được mài bằng tay. Người mài giữ viên kim cương, đặt viên kim cương sát vào 1 cái cưa khác quay tròn bên dưới như cái đĩa hát. Kim cương mài thành nhiều mặt, mặt nọ nối liền với mặt kia theo những góc nhất định. Để chắc chắn, người mài đã phải kiểm soát qua kính lúp hàng trăm lần, bởi vì một khi đã mài rồi thì không sửa chữa lại được.



PHẢI SĂN SÓC KIM CƯƠNG THỂ NÀO ?

Kim cương rất bền vững, nhưng có thể bị bẩn hoặc mờ đi và mặt bị sây sứt, do đó người sở hữu chú ý săn sóc kim cương, để kim cương giữ mãi được vẻ đẹp và vẻ chiếu sáng của nó.

Khi rửa tay, đánh phấn, rửa bát hoặc làm việc nên tháo nhẫn kim cương ra, vì xà phòng, crême, phấn và đất làm cho kim cương bớt sáng.

Đừng bao giờ để mạnh kim cương trên một mặt phẳng hoặc vật gì. Cũng đừng ném kim cương vào ngăn kéo cũng những vật khác, vì những vật cứng trong đó làm cho mặt kim cương sây sứt.

Theo với thời gian kim cương cũng bị mờ đi. Để chông lại có thể tự săn sóc kim cương bằng cách sau đây : lấy 1 muỗng (canh) ammoniac, 1 chút xà phòng bột, 2 tách nước ấm, rượu. Trước hết hãy ngâm kim cương vào ammoniac, lấy 1 bàn chải mềm (bàn chải chải mi mắt) chải nhẹ mặt kim cương, rồi

ngâm kim vào nước xà-phòng (bọt), sau đó ngâm kim cương vào nước ấm rửa lại, và sau cùng cho kim cương vào rượu để tẩy sạch những bọt xà-phòng còn dính lại, xong xuôi tất cả rồi thì đặt kim-cương vào vải thấm nước (hoặc bông) để cho khô. Mỗi năm 1 lần nên mang kim cương đến cửa hàng chuyên môn để họ soi xem kim cương có bị xứt hay mặt kim cương có bị thủng những lỗ nhỏ không.

ĐÀO-THỊ NGỌC-DIỆP



BÁT - CHAI, vị lãnh tụ Mèo

**đã chống Pháp đầu thế kỷ
20 như thế nào ?**

★ PHẠM-VĂN-SƠN

(Tiếp theo P.T. 253)

S A U năm 1911 các miền thượng-du xứ Bắc đã im-lìm trong một không-khí buồn tẻ, vắng lặng vì những tiếng súng kháng chiến cũng như tiếng trọng-pháo của giặc Pháp đã bật tiếng thì đời sống của đồng bào Sơn-cước bắt đầu uể-oải đầy căm hận và gần như ngột thở.

Thực-dân tha hồ bắt phu, bắt thuế và bắt cả lính rồi chúng đặt nhân dân Mèo, Thổ, Thái... dưới chế-độ quan binh (conmandant de territoire militaire) sau khi cử một nhà Lang hay một Quản-dạo có uy-tín trong các bộ-lạc ra cầm đầu việc cai trị. Chúng yên-trí dân Mèo không còn sức quật khởi nữa, nhưng chúng đã làm.

Đầu năm 1918 một thầy Mo & Điện-biên-phủ là Bát-Chai (có tài-liệu gọi là Giang-tả-Chay, một Thống-lý-Mèo) đã đứng ra cổ vũ đồng-bào nối tiếp cuộc kháng-biến 6 năm trước. Buổi sơ-khởi của lãnh-tụ Bát-Chai không được may mắn lắm. Ông bị bọn Mèo & Chapa (Hà-Giang) phản-động, làm nội-tuyến cho giặc Pháp nên ông bị bắt đem nộp, nhưng Pháp đã thi-hành một chánh-sách ân-uy đối với ông nên ông lại được phóng thích.

Trên đây chúng tôi đã nói, bọn thực-dân rất khôn ngoan. Chúng biết rằng nếu giết một vài lãnh-tụ của dân Mèo không phải là Trừ-tiết được tinh-thần để kháng của họ bởi kẻ này ngã sẽ có người khác nối tiếp thì không gì bằng mua chuộc được các lãnh-tụ, các tù-trưởng, một khi mua chuộc được các cừ-mục, gây được cảm tình với họ. cuộc bình-dịnh sẽ được lâu dài.

Nhưng với Bát-Chai, Chiến-lược này vô hiệu.

Ông không phải là con người dễ tin vào chánh-sách lấy ân làm uy của quân thống-trị, ông biết quá rõ thủ-đoạn nguy hiểm của

chúng nên một khi con hùm thiêng lọt ra khỏi bẫy nó lại bay vút về núi ngàn đồi làm trọn cái sứ-mạng chúa-tể sơn-lâm của nó. Rồi Bát-Chai lại ráo riết vận-động dân Mèo cầm súng cầm gươm tiếp tục đánh phá các cơ-quan hành chánh, các đồn bót của Pháp và chặn cướp các xe tải lương thực tiền bạc, lưu-động ở các địa-phương.

Việt bắt phu, bắt lính của địch đương nhiên bị ngừng lại, cũng như việc thuế mà trong các vùng nghĩa-quân kiểm soát. Qua các truyền đơn kêu gọi dân Mèo ông giới-thiệu mình là phái-viên của vua Mèo cũ.

Tháng 7-1918 dân Mèo Ta-phin nổi dậy hưởng-ứng lời hiệu-triệu của Bát-Chai nhưng Pháp đàn-áp được ngay.

Cuối tháng 10 dân Mèo Điện-biên cũng khởi-nghĩa theo lời kêu gọi của Bát-Chai và phong trào ngày một lan rộng.

Giai-đoạn thứ nhất. Giai-đoạn này kéo dài từ đầu năm 1918 đến tháng hai 1919. Trong thời gian này ảnh-hưởng của Bát-Chai mỗi ngày một lớn khiến quân thống-trị phải e-ngại nên vào

ngày 14-1-1918 Trung-tá DEY là Chỉ-huy-trưởng đạo binh thứ tư phải đứng ra mở cuộc đánh dẹp. Quân của y gồm những quân trừ-bị ở địa phương và một số viện-binh lấy từ Yên-bá đem qua gồm 70 tên thuộc đạo quân Bắc-Kỳ thứ nhất, 29 công-binh, 48 lính khổ xanh, 58 lính đồng Mèo và Thái.

Giặc tập-trung Mường-Phong rồi chia làm 4 toán. Hai toán thuộc Đại-úy Vinet, hai toán thuộc Thiếu-úy Gautui đốc-xuất.

Giặc tung ra kế-hoạch tuyên truyền.

Và tuyên truyền và hứa hẹn, lừa phỉnh.

Nhưng nghĩa-quân không đáp-ứng.

Trong khi chờ đợi, đoàn xe vận tải của địch bị tập-kích rồi ngày 4-12 một đơn-vị của chúng tại Nam-ngon bị đánh úy. Giặc tức lắm liền đánh mạnh vào một làng Mèo có công-sự chiến đấu trong ngày 12-12 Bát-Chai rút về Sơn-la. Gautier đem quân Truy-Kích thì ngày 3-1-1919 nghĩa-quân tấn công chúng ở Bàn Lan và 5 hôm sau ở Xuân-Yêng. Giặc phá được vị-trí của nghĩa-quân trên đỉnh núi Long-hé. Ở

đây phong trào cũng lên mạnh do Thầy Mo Cam-Xu điều-khiển và thấy tình thế không có tiến-bộ, bọn Pháp thay Trung-tá Dey bằng Đại-úy Chatry. Từ ngày 16-1 đến ngày 21 quanh vùng núi Long-hé địch mở nhiều cuộc giao phong quyết liệt nhưng không có kết quả. Nghĩa-quân chiến đấu vẫn dẻo dai và không ham chiến, nghĩa là lúc đánh, lúc rút, không cố-thủ, không đánh lâu. Giặc càng quét mạnh và tưởng nghĩa-quân đã tan rã nên ngày 22-2 chúng ngừng cuộc hành quân sau khi mất 7 tên tử thương và bị thương 8 tên trong đó có Gautier và một hạ-sĩ-quan.

Giai đoạn thứ hai: Từ tháng 3-1919 đến tháng 4 1920 trái với sự tưởng-tượng của giặc Pháp, sau những trận kể trên phong trào kháng chiến của dân Mèo đã không tan rã mà ảnh-hưởng của Bát-chai còn bành trướng sang cả Lai-châu. Rồi vượt đến cả Thượng-Lào bao gồm hai bờ sông Nam-hu (chi nhánh phía tả sông Cửu-long) về phía Tây và Điện-biên-phủ về phía Bắc. Dân Mèo về phía Nam, tại Sầm-Neua và Trấn Ninh cũng vùng lên ủng-hộ cuộc khởi-nghĩa-Độc-Điểm của-địa phương này là

rừng núi trùng-trùng điệp điệp, đi lại chỉ có những con đường mòn nhỏ hẹp khuất khúc, giặc Pháo không sao thông tỏ được hết nên chúng phải chịu rất nhiều sự vật và trong các cuộc hành quân để chúng ta phải liên tưởng rằng bọn thực dân đã đổ khá nhiều máu và nước mắt trên mỗi tấc đất của xứ này trong công cuộc chinh-phục của họ.

Nơi xuất phát quân đội của giặc là Louang-prabang và từ Louang-prabang (Lào đến Xiêng-Khoảng quân Pháp phải đi mất 10 ngày vào mùa khô ráo và 12 ngày nếu đi từ Hà-nội tới Sầm-Neua, 15 ngày từ Hà-nội đến Xiêng-khoảng vào mùa mưa, nước lũ đổ xuống như thác, việc lưu thông giữa miền Tây-Bắc Việt-Nam tới Thượng-Lào và miền triền sông Cửu-Long còn khó khăn gấp bội. Thực lực của chúng ở vừa Thượng-Lào bấy giờ chỉ có một ít lính khổ xanh, lại không có liên lạc và tin tức. Nhưng đến khi biết cuộc khởi nghĩa có bề trầm-trọng, tên Ủy-viên chánh-phủ Pháp ở Louang-prabang đã huy-động một toán lính khổ-xanh và đồng cùng một toán khổ đỏ thuộc Trung-đội 11 của Lữ-đoàn người Việt từ Mường-ngoi tiến

đến Nam-hu tính tiêu-diệt nghĩa-quân ở đây. Cuộc va-chạm bắt đầu từ ngày 1-9-1919.

Giặc thất bại ở Xénophon trong một thung-lũng phía trên sông Nam-hu. Trung-úy Distanti bỏ mạng cùng một số lính và một hạ-sĩ-quan bị thương. Sau trận này Đại-tướng tổng-chỉ-huy Pháp là Leblois chỉ-định Đại-úy Bourel cầm quân với chỉ-thị không được ra quân một cách liều lĩnh, phải nghiên cứu địch-tình cho cẩn thận. Rồi Bourel mang một Trung-đội lính Việt và một toán lính Lào rời khỏi Louang-prabang giữa lúc nghĩa-quân Mèo đột-kích Mường-heup do lính khổ đỏ và khổ xanh chiếm đóng. Việc này xảy ra vào ngày 1 - 11 - 1919. Địch được tụi Mường-heup bị vây ngặt giặc vội cho đội khổ đỏ và khổ xanh từ Mường-ngoi và Hát-Sê đến cứu nhưng tới nơi thì Mường-heup đã bị thất thủ sau bốn ngày năm đêm cầm cự. Quân địch đã phải bỏ chạy về Hát-Sê sau khi viên trưởng đồn người Pháo là một hạ-sĩ-quan bị giết và 7 ngục binh bị thương.

Cũng lúc này tại biên giới Lào Xiêm, mé trên sông Cửu-long cũng nghĩa-quân nổi lên như ăn

nhập với nghĩa-quân miền Tây Săm-Neua và xiêng-khoảng Tỉnh hinh càng thêm rối-ren và Kháng-chiến đã vượt khỏi phạm-vi một địa-phương nghĩa là phong trào đã tràn khắp vùng Thượng-Lào là vùng có dân Mèo sinh-tụ từ lâu đời. Pháp bắt đầu hoảng-ợ hồi chúng lo phong trào có thể lôi cuốn cả nguy-bình Lào quay súng trở lại. Chúng liền ra lệnh cho lính khố xanh Lào tại vùng ảnh-hưởng của nghĩa-quân phải trực thuộc quận chỉ-huy của Bộ Tổng tư lệnh-Pháp. Thâm độc hơn nữa là chúng mang lính khố

xanh người Việt tới đây để Việt-Lào kiểm chế lẫn nhau (Đây là phương-pháp đã quen dùng của tên trùm thực dân Lyautly ở nhiều thuộc-địa Pháp thuở đó) Phương-pháp này thuộc chính sách chia rẽ dân tộc).

Ngày 31-10 chúng tăng viện đến Thượng-Lào ba trung-đội khố đỏ do Đại tá Prévost cầm đầu Prévost đánh cả hai mặt một lúc là vừa đánh bằng quân sự, vừa đánh bằng chánh trị, nhưng vẫn thất bại.

(Còn 1 kỳ nữa)



- *Good Wine needs no bush.*
A bon vin point d'enseigne.
Hữu xã tự nhiên lương.

TỤC NGŨ ANH, PHÁP
TÀU.

HÁT DẠM NGHỆ - TỈNH trong văn chương bình dân (Cách mạng) Việt-Nam

Lê-Trọng-Đôn, Phan-Bội-Châu, Ngô-Đức-Kể, Lê-Văn-Huân, Cự Tín-Thầu

●●● ĐÔNG-TÙNG

(tiếp theo P.T. 253)

CỰ TÍN-THẦU VỚI BÀI
VỀ KỶ-NIỆM QUỐC SĨ Ở
THÁI LAN

Năm 1928, 1929, 1930 Cự Tín-Thầu thường có mặt ở Thái-lan, ông chung sống với đám Việt Kiều bên đó.

CỰ Tín-Thầu người làng Kim-liên tổng Lâm-thịnh huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ-An, một dân «cặ gỗ» chính cống.

Nguyên Việt Kiều ở Thái, hàng năm có làm lễ kỷ niệm quốc sĩ, vào ngày 23-5 Âm lịch. Nhân gặp lễ kỷ niệm Quốc-sĩ, Cự làm bài về sau đây :

Bữa (hôm) ni, hăm ba tháng
năm

Lễ kỷ niệm quốc sĩ
Ta ngoảnh mặt về đông
Ta ha hồn nước dậy
Ta kêu gọi người Việt
Ta nói với quân Tây :
Pháp ơi Pháp hỡi !
Choa thử hỏi mi
Răng mi độc ác rứa ?
Bắt choa làm tru (trâu) ngựa
Đề mi tắc hò ri
Nước là nước của choa
Mầm răng mi trặc hết
Đất là đất của choa
Bắt choa phải lưu ly
Choa thì cà chua cơm hằm
Mi thì rượu chát bánh mì
Đồng bào ơi !

Mau mau mau cách mệnh
Xin chớ có trì nghi .
Vì ta có hèn nhát
Thằng Tây mới khinh khi

.
. (1)

Mặc dù đang còn hết sức ít ỏi,
nhưng đọc qua một số bài kể trên,
quý vị độc giả có thể thấy được,
hát dặm nghệ Tĩnh đã đóng một

vai trò quan hệ trong văn chương
bình dân nghệ Tĩnh. Quý vị còn
thấy nó đã tự tạo nên một vẻ
riêng biệt, một màu sắc văn nghệ
của một địa phương, có thể thêm cho
kho tàng khi ca Việt Nam, một
lối thơ củ nhưng mới có quy
buộc dễ dàng, có âm ba tiết điệu
của một lối văn nghệ bình dân, để
gây truyền cảm.

(1) Bài về đang còn dài,
nhưng chúng tôi quên.

ĐÔNG TÙNG



Truyện thằng

CHEY

*** LÊ HƯƠNG

(Tiếp theo P.T. 253)

Vị Sãi cả trong chùa nghe
tin THMENH CHEY đối đáp với
các ông Tàu bằng cách ra dấu
tay, muốn biết ý nghĩa đó là gì
mới tìm CHEY hỏi rằng :

— Khi ông thách đố với người
Tàu ông làm cách gì đối với họ ?

CHEY giải thích sự việc :

— Mấy ông Tàu vẽ vòng tròn
bằng ngón tay, tôi nghĩ họ nói :
«Người ta bắt cả bằng cái lò».
Tôi bèn trả lời bằng cái cùi chỏ
nghĩa là : «Với cái lò lớn như
thế, người ta bắt được cả to bằng

cánh tay. «Tôi đưa năm ngón tay
có nghĩa là : «Bắt được cả cỡ
đó, người ta xẽ mỗi
con được năm miếng khô».
Khi tôi đưa ra một ngón tay, đó
là tôi trả lời : «Mỗi ngày ăn một
miếng khô, thì một con cá ăn
được năm ngày.» Thế thôi !

Vị Sãi cả hài lòng nghe lời
giải thích thông thái này, trở về
chùa.

Vị Hoàng-thân giữ chức Đại-
thần trong Triều đến hỏi
THMENH CHEY :

— Ngải cho tôi biết những ý nghĩa của mấy thai đồ vừa rồi. Tôi muốn biết sự thật thế nào.

CHEY đáp :

— Mấy ông Tàu vẽ hình cái lò có nghĩa là Muốn chiếm nước ta. Tôi đưa cùi chỏ, chống lại rằng : Tôi sẽ đương sự bằng tay tôi ! Bọn Tàu ra dấu : « Chúng tôi đồng tâm ! » Tôi đưa một ngón tay cho họ biết : « Tôi chỉ có một mình mà vẫn đánh, tôi không sợ các ông đâu ! »

Hoàng-thân thỏa mãn lắm.

Nhà Vua gọi CHEY vào Triều phản hồi :

— Khi mấy ông Tàu ra thai đồ, Ngải trả lời như thế nào ?

CHEY giải thích rằng :

— Mấy ông Tàu vẽ vòng tròn bằng ngón tay là có ý hỏi tôi : « Trên thế giới có gì ». Tôi đưa cùi chỏ trả lời : « Có núi Tudi (Méru) ở ngay chính giữa. » Đưa năm ngón tay, họ hỏi tôi : « Năm Đức Phật thuyết pháp vào thời nào ? » Tôi đưa một ngón tay, đáp lại : « Có năm Đức Phật, nhưng chỉ có bốn vị thuyết pháp rồi, còn một vị chưa thuyết pháp ».

CHEY lấy từ Đức Vua về nhà.

Khi vị Sãi cả và Hoàng-thân

được Đức Vua mời đến, mỗi vị thuật lại lời CHEY giải thích khác nhau. Đức Vua nghe xong, phán rằng :

— THMENH CHEY trả lời với Trẫm, Đại đức và Hoàng-thân khác nhau. Quả thật không ai có thể biết đúng sự thật về các thai đồ này.

Thế là từ Vua, đến toàn thể bề quan đều thần phục mưu trí của Thmenh Chey.



Về nhà, THMENH CHEY bảo đem mực, tấm bằng hình vuông, giấy trắng, mấy bộ sách và của đã bỏ trong chậu. Chey đề tấm bằng dưới đất ngay giữa phòng, đặt bốn chậu ở bốn góc, rồi trải giấy lên bằng. Ông ta bắt một con cua nhún vào mực cho bò lên giấy : chân cua vẽ thành hình ngoằn ngoèo quái gở đầy mặt giấy. Ông treo giấy phơi khô, và tiếp tục cho vẽ hết xấp giấy, cuốn lại như là tác phẩm quý giá. Ông đẹp bằng và bốn chậu mực, gọi một số đồng trẻ con đến ngồi đầy phòng, mỗi đứa cầm một tờ giấy « của vẽ ». Ông bảo chúng cứ nói ba láp, bà xàm, muốn nói gì thì nói; làm bộ như đọc bài trên giấy này.

Sáng lại, bốn nhà thông thái Trung - Hoa đến ra thai đồ mới. THMENH CHEY đón tiếp niềm nở, cầm tay dắt vào nhà mời uống nước. Trong phòng bên cạnh, tiếng trẻ con nói quàng, nói xiềng ồn ào như vỡ chợ. Bốn ông Tàu lấy làm lạ đứng dậy lại gần, cầm mảnh giấy xem, ngàng mặt nhìn nhau. Ông CHEY bèn hỏi :

— Quý ông biết chữ này không ?

Bốn ông thú thật không hiểu. Ông CHEY giải thích :

— Đây là chữ MING-CHVÈNG và BREAM-CHAM (1). Nếu quý ông không biết thì không thể nào trả lời nổi những câu đố của tôi sắp đưa ra. Tôi đã thắng quý ông về môn đố chữ này.

Các nhà thông thái Trung-Hoa nhìn nhận không thể giải đáp được loại chữ mới. Ông CHEY phán rằng :

— Quý ông đã chịu thua, vậy tôi tịch thu hết đồ đặt trong bốn chiếc thuyền của quý ông. Tôi cho quý ông bốn chiếc thuyền không để trở về xứ. Còn lãnh thổ Trung-Hoa tôi xin nhường cho Quốc-Vương của quý ông. Từ này về sau, khi quý ông nghe đến tên THMENH CHEY, nhà mưu trí Cao-Miên, hãy tránh đừng so tài nữa.

Bốn ông Tàu giao hết đồ đặt, ngồi nghe không về nước. THMENH-CHEY đem dâng Đức Vua, không giữ món nào. Nhà Vua hay tin CHEY thắng cuộc và nộp hết chiến lợi phẩm vào kho, lấy làm vui sướng lắm. Ngải hỏi :

— « Quan » CHEY ! Quan có giữ phần nào riêng không ?

Chey đáp không. Nhà Vua bèn tuyên bố :

— Trẫm tặng cho quan một cung nữ trong Triều để làm vợ quan và một phần của cải này. Chắc hẳn quan sẽ được đầy đủ hạnh phúc.

Chey chưa :

— Tàu Bệ hạ, tôi không bao giờ muốn cưới mấy bà đó vì họ không phải là đàn bà, chính họ là giống cái !

Nhà Vua hỏi :

— Vậy quan kiếm đàn bà ở đâu ra !

Chey tàu :

(1) Danh từ tượng tượng của CHEY muốn gheo mấy ông Tàu bằng lối nhái theo tiếng nói của họ.

— Tàu Bệ hạ, nếu Bệ hạ cho phép, tôi sẽ đi tìm một người. Khi gặp được, tôi sẽ dắt về trình Bệ hạ. Tôi chỉ xin Bệ hạ một điều là cho tôi nhiều cái chăn thêu bông và hàng lụa đủ thứ để tôi đem theo.

Nhà Vua chấp thuận, cho Chey nhiều hàng lụa. Ông ta gói lại, mang bên vai, lên đường.



Đến một xóm đông người, Chey hỏi :

— Xứ này có đàn bà không ?
dân làng đáp :

— Có, ở đây có đàn bà.

CHEY đảo mắt một vòng, lắc đầu nói :

— Không phải ! chắc chắn không phải đàn bà. Đó là giống cái đấy !

Đoạn, ông tiếp tục đi nữa.

Một hôm, ông vào một làng hỏi câu thường lệ. Nhiều người đáp :

— Chúng tôi hết sức ngạc nhiên trước câu hỏi của ông. Những người thuộc về phái yếu không phải là đàn bà hay sao ?

CHEY nói :

— Không phải ! Đây chỉ là giống cái thôi.

Ông lại đi nữa.

Sau cùng, một buổi chiều ông đến làng kia tỉnh cờ gặp một cô gái tên SOUOS (1) đang ngồi trước nhà. Ông hỏi :

— Cô em kia ơi ! Ở đây có đàn bà không ?

Cô gái hỏi lại :

Còn ở xứ ông có đàn ông không ?

CHEY nghĩ thầm .

«Đây là cô gái mà người ta gọi là có hạnh phúc».

Ông đáp :

— Trong xứ tôi có một người đàn ông. Cô có biết tên ông ấy không ?

Cô gái nói :

Tôi biết tên ông ấy là gì : ông ấy phải tên CHEY vì tên CHEY ở trên tất cả tên khác. Đó là tên gọi một người đàn ông vì ông ấy tên CHEY.

(1) SOUOS nghĩ là HẠNH-
PHÚC, giống như CHEY
là CHIẾN-THẮNG.

Đoạn, cô gái tiếp :

— Còn ông, ông có biết một người đàn bà không ?

CHEY đáp :

— Tôi biết tại sao người ta gọi cô đó là «Đàn bà» vì cô đó chắc là tên SOUOS nghĩa là hạnh phúc trên khắp thế gian. Nếu người ta gọi cô đó là «Đàn bà» chỉ vì cô đó tên là SOUOS.

Đoạn ông tiếp :

— Cô có sợ hay không sợ ?

Cô SOUOS đáp :

— Tôi không sợ gì cả. Còn ông, ông có sợ không ?

CHEY đáp :

— Tôi không sợ. Nay cô, khi tôi hỏi cô có sợ không, cô có hiểu gì chẳng ?

Cô SOUOS đáp :

— Tôi biết ông muốn hỏi tôi có chồng chưa ? Nếu tôi có rồi thì phải sợ bị rầy mắng về tội nói chuyện với một người lạ. Tôi chưa có chồng nên trả lời rằng không sợ. Còn ông có hiểu câu tôi hỏi chẳng ?

— Tôi biết cô hỏi tôi có vợ chưa. Nếu tôi có thì phải sợ

trong lúc vắng nhà. Tôi chưa có vợ nên không sợ gì cả.

THMENH CHEY biết cô SOUOS còn độc thân, để bao xuống mỡ ra trình hàng lụa cho bà má cô xem.

Ông bà ngắm nghía một hồi, hỏi CHEY :

Cậu em, đem những món này đi đâu ?

CHEY vái chào hai cụ kính cẩn thưa :

— Tôi mang theo mình để tìm một người vợ. Nếu cha mẹ rủ lòng thương con, con sẽ làm con rể trong nhà. Gánh nước, chẻ củi xây lúa, con làm được hết, con sẽ không làm biếng và lơ đãng. (1)

Nói xong, CHEY xin cáo từ. Hai ông bà gọi cô gái vào bàn luận :

— Cậu trai đó muốn cưới con. Chắc nó là con nhà giàu nên có nhiều hàng lụa quý giá như thế. Chúng ta nên gả con cho nó.

(1) Thời xưa, con trai muốn cưới vợ phải ở rể một thời gian 1 hay 3 năm.

THMENH CHEY mang gói vào một chỗ vắng không người qua lại, lấy giấy viết tờ thiếu nợ giả mang tên tất cả các quan lớn nhỏ trong Triều, mỗi vị thiếu ông ta từ 10 lượng bạc đến 400 hay 500 lượng. Viết xong ông bỏ trong bao trở lại nhà cô gái, chào ông bà lão và ngồi chờ.

Ông lão hỏi :

— Chúng tôi muốn biết lòng cậu em đối với con gái chúng tôi. CHEY đáp :

— Tôi muốn cưới cô SOUOS làm vợ do lòng tôi mến trọng cô. Tôi chỉ sợ ông bà không chấp thuận lời tôi cầu xin. Nếu ông bà nhận tôi làm rể, tôi rất sung sướng mà ở giúp việc nhà bao lâu tùy ý ông bà.

Ông lão nói :

— Chúng tôi nhận lời cậu em. Con đi mua gà vịt, thịt heo và rùa để làm lễ cưới. Nếu thiếu rùa ông bà Méba (1) không nhận con đâu.

CHEY nghe lời đi vào xóm tìm những người lớn tuổi lập gia đình từ lâu nhờ làm bà mai gọi là «Me Rùa». Chiều theo địa vị cao quý trong xã hội của mình, ông muốn nhờ ít nhất là bốn bà, nếu có thể nhiều hơn đến tám hay mười làm bà với điều kiện

là có chồng lâu rồi. Mấy người con của bà ấy gọi là «Rùa con». Sau đó, CHEY tìm một vị Trưởng lão học rộng, thông minh giúp ông làm MOHA (1) hợp với mấy bà Mai đi hỏi cô gái cho ông. Bao nhiêu lễ vật bắt buộc phải có ông sắm đủ hết, ngoài ra ông mua bột đường làm một số bánh ngọt đủ loại. Xong rồi, ông gửi thiệp mời quan khách đến dự.

Sáng hôm sau, đến giờ tốt, ông đi theo ông MOHA, các bà «Me Rùa» mang lễ vật, bồng tai, cà rá đến nhà cô gái. Ông bà MÉBA tiếp đón ông MOHA trao cho ông bà MÉBA hai chai rượu để trên cái mâm có chân, mở nắp một cái hộp và tuyên bố :

— Chúng tôi kính cần chào ông bà MÉBA và yêu cầu ông bà nhận chiếc nhẫn và đôi bông tai để trang sức cô dâu và nhận món «cau bồ túi», món «cau đề trong khăn choàng» và món cau đề trong nếp áo». (2)

(1) Hai người Trưởng Thượng thay mặt cha mẹ có gái trong lễ cưới.

Mấy bà «Me Rùa» vào trong phòng đeo nhẫn cho cô gái. Bà nào còn ở ngoài đem mâm xôi và rượu ra bàn. Mọi người nâng chén chúc mừng tân nhân. Tan tiệc quan khách ra về. Đây là xong lễ hỏi.

Sáng sớm hôm sau, ông MOHA, mấy bà «Me Rùa» và Rùa con đưa chú rể THMENH CHEY đến chào cha mẹ vợ và đưa cô SOUOS đến trước mặt anh chồng. Đoạn cuộc «Vũ lúa gạo» (3) bắt đầu, hai cổ tay của cô dâu, chú rể được cột lại bằng sợi chỉ vải thô và khi đem xuống người ta cử hành lễ «hợp cần» THMENH CHEY và cô SOUOS thành chồng vợ.

Ít lâu sau, CHEY báo tin cha mẹ và vợ hay ông ta sẽ đi đòi nợ các quan đã vay ông từ lâu. Khi đến phòng họp có đủ mặt các quan, CHEY hỏi :

— Quý ông muốn đánh cá tôi sẽ sai Đức Vua làm việc gì và Ngài sẽ nghe lời tôi không ?

Các quan đáp :

— Chúng tôi nhận lời thách đố kỳ quặc này. Nếu ông sai Đức Vua được chúng tôi sẽ chịu ông một số tiền, trái lại thì ông chịu thua vật gì ?

CHEY nói :

— Tôi cũng thua bằng tiền.

Nói xong, ông mở bao lấy xấp giấy nợ giả đưa cho các quan nhờ đóng dấu vào để hợp thức hóa cuộc đánh cá, đoạn ông nói :

— Nhờ quý quan vào Triều tâu với Đức Vua rằng THMENH CHEY vừa tuyên bố : khi ông ta ra lệnh thì Đức Vua sẽ làm theo ngay.

Các quan vào tâu Đức Vua những lời CHEY nói. Ngài nổi giận truyền bắt thẳng lão xược lập tức. Một viên quan đến truyền lệnh, CHEY lẳng lặng đi theo. Nhà vua phản hồi ;

— Ê ! CHEY ! Có phải nhà người nói rằng nhà người sẽ ra lệnh cho Trẫm làm theo lời nhà người phải không ?

CHEY tâu :

(1) Người thay mặt cha mẹ chú rể điều khiển lễ cưới.

(2) Ba món cau này là lễ vật chánh của đám cưới. Nhà gái nhận cau là nhận gả con.

(3) Một cổ tục thời ấy, hiện thời không còn nữa.

— Dạ, có. Tàu Bệ hạ, nhưng tôi không thể nói khi nhìn thẳng Bệ hạ. Nếu Bệ hạ vui lòng xây mặt ra phía sau, tôi mới nói được.

Nhà Vua xây lưng, chờ một lát rồi quay lại hỏi :

— Trẫm đã nhìn phía sau rồi, sau nhà người không ra lệnh xem.

CHEY tàu :

— Tàu Bệ hạ, đó không phải là ra lệnh hay sao, tôi đã bảo và Bệ hạ xây lưng lại rồi. Có bao giờ tôi dám truyền Bệ hạ hát một vài câu hoặc chạy la ó om sòm đâu !

Nhà Vua không nghĩ đến mưu kế này, ngồi nín lặng, không thể bắt tội ông ta CHEY liền trở lại phòng họp đưa giấy nợ ra thâu tiền. Các quan thua cuộc phải nộp đủ, tổng cộng thành một số khá to. CHEY ôm về trao hết cho cha mẹ và vợ, sống yên ổn trong làng.

Các quan bị mất tiền hết sức giận. Nhà Vua cũng vậy. Ngài họp tất cả viên chức, lính hầu thảo luận phương pháp trục xuất THMENG CHEY khỏi lãnh thổ vì nó đã gây ra quá nhiều tội lỗi. Các quan đồng ý bắt CHEY bỏ trên thuyền cho sang Tàu vì nơi đó thiên hạ không ưa nó.

Một ông trình Nhà Vua :

— Tàu Bệ hạ, khi người Tàu vừa thấy mặt nó, họ giết ngay, như thế nước ta sẽ được yên ổn, Bệ hạ sẽ vui lòng vì không mang tiếng giết nó.

Nhà Vua chấp thuận phương pháp ấy, gọi CHEY vào nói ngay :

— Chey ! Trẫm truyền nhà người đi qua bên Tàu sống với người nước đó.

Ngài truyền sửa soạn thuyền, bắt CHEY đi ngay. Khi đi chân lên bờ, CHEY nói với thủy thủ :

— Các anh về cho vợ biết tôi hãy yên trí chờ tôi. Tôi sẽ hồi hương trong vòng hai tháng trở lại, và nhiều người Tàu sẽ theo tôi đến Cao-Miên như một đám rước.

Đoàn thủy thủ hứa sẽ nói giúp CHEY, rồi nhô neo quay về, bỏ ông ta một mình trên đất lạ.



CHEY tìm nhà một vị quan lớn xin làm công, để tiện đi theo quận vào Triều. Ông ta tin rằng có vào đấy mới dễ lập lại cuộc đời vừa gầy đổ. Vị quan thuê CHEY chỉ biết mình vừa nhận một người Cao-Miên tầm thường tên THMENG CHEY, không có gì đáng chú ý nên không hỏi gì về quá khứ của

ông ta, CHEY nghĩ thầm : «Làm việc trong nhà ông quan lớn ta được lương cao, ta lấy tiền mua gạo làm bánh. ta xây bột hủ tiếu, ta sẽ có lời và tránh được nạn nghèo đói. »CHEY làm hủ tiếu bán rất chạy vì thuở ấy người Tàu chưa biết sáng chế thức ăn này. Thực khách ăn xong khen âm-ì, người này truyền miệng cho kẻ kia lần đến tại Đức-Vua. Vua Tàu cho gọi CHEY vào hỏi :

— Có phải Khanh làm thứ bánh dài không ?

CHEY tàu rằng phải. Nhà Vua truyền :

— Khanh hãy đem đến Trẫm dùng thử xem.

Nhà Vua hỏi :

Khanh đặt tên bánh này là bánh gì ?

CHEY tàu :

— Tàu Bệ hạ, tôi gọi là hủ tiếu. Nếu Bệ hạ muốn dùng dễ dàng, Bệ hạ hãy ngựa cổ, hủ miêng, cầm thẳng tay bỏ vào.

CHEY bày vẽ cách ăn như thế vì ông ta muốn thấy mặt Vua Tàu. Trước đây, CHEY thường nghe nói mặt Vua Tàu bị che bằng một tấm mạng theo phong tục ngày xưa nên muốn khi về Cao-Miên, ông ta sẽ tự hào mình là người thứ nhất trên đời được thấy mặt Vua Tàu.

Khi quân hầu đem hủ tiếu đến nhà Vua theo lời CHEY ngẩng mặt lên ăn. CHEY ngó thấy liền la lên :

— Tôi thấy mặt Đức Vua Trung-Hoa giống như mặt con chó. So với mặt Đức Vua Cao-Miên đẹp như trăng tròn. (1)

(1) Truyện này rút trong một cổ tích Cao-Miên rất nổi tiếng : «Một vị Sãi cả nuôi một con chó rất khôn có thể đi tìm người nào vị Sãi muốn gặp. Con chó chết, đầu thai làm Thái tử Đông-cung nước Tàu mang cái mặt chó. Vị Thái tử lên ngôi thường xử tử kẻ nào ngó mặt mình. Một hôm. Nhà Vua đau đầu dữ dội uống thuốc không hết. Một ông thầy bói tàu Vua biết kiếp trước của mình là con chó ở Cao-Miên và hiện thời có cây tre đâm rễ vào xương đầu của con chó nên Vua mới đau đầu. Nhà Vua sai người qua Cao Miên lấy cốt con chó đem về Tàu chôn cất tử tế và xây một ngôi tháp thật đẹp. Do đấy, giới binh dân Cao-Miên cho rằng một nhà Vua Tàu mặt giống chó thường giết kẻ nao như mui mui».

Vua Tàu nghe lời hình phạt nổi trận lôi đình truyền bắt CHEY nhốt dưới hầm đến chết. Nhà ngục này lạnh vô cùng, người nào xuống đó không thể thoát khỏi tay Tử thần. Ngày CHEY vào đã có một người Tàu mang tội tử hình. Vì tin rằng tử tội sẽ chết nay mai nên quân lính không trói tay chân, chỉ đóng cửa tại thôi.

CHEY cảm thấy hơi lạnh thấm vào bên rú tên Tàu đánh võ với nhau để lấy hơi ấm. Đánh rồi nghỉ, lạnh đánh nữa. Vài ngày sau, tên giữ ngục đến xem thấy cả hai còn sống, lấy làm lạ gọi đồng bạn nói :

Tên Tàu và tên Miên chưa chết ! Ta phải làm sao đây ?

— Kệ chúng nó ! cứ bỏ mặt xác nó !

Trong tù, CHEY nói với tên Tàu :

— Họ không muốn tha chúng mình, vậy ta thử làm một con điều mang cái cối gió thổi kêu không ngừng thử xem sao.

Hai người làm con điều, tối đến thả lên không. Tiếng cối âm-u lọt vào tai Nhà Vua nhiều đêm liền tiếp như tiếng một con thú bị thương. Ngài rất

ngạc nhiên và lo ngại vì chưa bao giờ nghe tiếng kêu quái gở như thế. Ngài triệu các quan bói nguyên do, nhưng không ai biết. Ngày nhờ ông quan thầy bói. Ông này lấy sách ra tính toán, vẽ hình tròn, vuông đầy mặt đất, đoán tâu rằng :

— Tâu Bệ hạ, con vật rên siết như thế vì trong nước xảy ra một biến cố phi thường. Thần không hiểu rõ sự thay đổi đột ngột này; như thần dám quả quyết rằng quái vật sẽ ăn thịt hết dân chúng nay mai.

Nhà Vua hỏi :

— Nguyên do vì sao có chuyện lạ lùng như thế ? Hãy tìm, kiếm để làm cách nào cho con vật ấy hết kêu la và không giết hại thần dân cả các quan thông thái của Trẫm.

Nhà thầy bói tâu :

— Tâu Bệ hạ, mọi việc đều do một nhà mưu trí Cao-Miên bị trục xuất sang nước ta. Bệ hạ đã bỏ tù ông ta, Bây giờ Bệ hạ gọi ông ta về xứ Cao-Miên thì mọi việc đều yên ổn.

Nghe xong Nhà Vua giật mình, reo lên :

— Trẫm quên mất người làm hú tiểu là nhà mưu trí Cao-

Miên. Trẫm đã tưởng ông ta chỉ là một tên dân tầm thường đến đây tìm sinh kế. Hãy đưa ông ta vào Triều để Trẫm xin lỗi kéo ông ta giữ mỗi hiềm Trẫm.

Một ông quan đến ngục, mời CHEY. Nhà Vua nói :

— Khanh đừng giận Trẫm. Trẫm sẽ cấp cho Khanh một trăm người đàn ông và đàn bà Trung-Hoa đi theo Khanh về Cao-Miên cho xứng đáng với địa vị Khanh.

CHEY quì xuống tâu :

— Tâu Bệ hạ, tôi không bao giờ hận Bệ hạ. Đáp lại tấm lòng tốt của Bệ hạ tôi xin dâng con thú mà ông quan thầy bói nói sẽ ăn thịt dân chúng.

Nhà Vua hỏi tên con thú.

CHEY đáp :

— Tâu Bệ hạ, đó là con điều !

— Hình vóc nó bao lớn mà nó kêu to như thế ?

— Bệ hạ sẽ thấy ngay bây giờ.

CHEY vào ngục lấy con điều thả lên cao cho Nhà Vua xem và tâu rằng :

— Con điều kêu to, nó không có sừng và không kêu bằng miệng như các con thú khác.

Nhà Vua nói :

— Dưới hình dáng này nó không có gì lạ cả.

Sao đó, Nhà Vua truyền hai trăm thủy thủ sửa soạn một thương thuyền thật lớn, chọn một trăm đàn ông và đàn bà cho theo THMENH CHEY về Cao-Miên với một số tặng phẩm quan trọng.

Đến nơi, CHEY về ngay nhà cha mẹ vợ và vợ trao hết đồ vật của Vua Tàu cấp. Ông dọn đất cho một trăm người Tàu cất nhà, khai khẩn vườn ruộng, sống yên vui. Ngày nay có một số người Tàu ở Cao Miên được gọi là «món quà của THMENH CHEY».



Vua Cao - Miên hay tin THMENH CHEY hồi hương 200 người Tàu. Ngài và bá quan tỏ ý lo sợ mưu trí của con người phi thường này và không có ai dám làm điều gì chạm đến ông ta. Nhà Vua cho mời ông vào Triều để hỏi những điều ông nghe thấy ở Trung-Hoa. CHEY tường thuật tỉ mỉ từ ngày đặt

chân lên đất lạ, ông đã nghĩ ngay đến phương pháp làm thế nào để trở về xứ một cách vinh quang nên ông chế ra con điều kêu lên những tiếng vang dậy làm Vua Tàu kinh sợ phải đưa ông lên đường.

Nhà Vua bảo CHEY làm con điều thả xem và nghe tiếng kêu dai dẳng ra thế nào. CHEY vâng lệnh làm vui lòng Đức Vua, khiến người rất thích và cho phổ biến trong dân chúng. Từ đó người Cao-Miên bắt đầu chơi điều đến ngày nay.

Sau đó, CHEY đau nặng. Ông dặn vợ :

— Nếu tôi chết, bà chôn tôi (1) nhưng phải nhớ chôn xung quanh mộ nhiều đoạn tre vót nhọn, lấy đất khóa che thật khéo. Nhớ đừng quên điều này. Bây giờ bà vào Triều báo tin Đức Vua hay tôi đang đau nặng lắm.

Nhà Vua nghe CHEY đau, lật đật đến thăm :

— Quan CHEY đau nhiều lắm sao ?

CHEY thều thào :

— Xin Bệ hạ lại gần tôi nhắn nhỏ vài lời cần thiết vì tôi nói

lớn không nổi.

Nhà Vua nghiêng tai vào miệng CHEY. Ông ta nói :

— Khi người ta ăn cá linh (*), không nên bỏ vảy. Khi ăn cá tra (1), không nên bỏ lỗ tai. Nấu đầu cá tra phải có trái cà-thắng (2). Xin Bệ hạ nhớ lời này thì khỏi lo ngại về sau.

Nhà Vua nghe những lời kỳ lạ này xong, trở về Cung. Bà quan muốn biết CHEY trối trăn những gì với Nhà Vua, Ngai thuật lại đúng lời CHEY vừa nói và tiếp :

— THMENH CHEY không có ý đùa đâu.

Bà quan không biết ý CHEY và không tin là lời nói đúng đắn. Quý ông nghĩ thầm :

« Ông CHEY là một nhà mưu lược. Chắc chắn ông ta biết trước thế nào chúng ta cũng hỏi Đức Vua để biết điều bí mật của mưu kế ông ta và ông

(1) Đây là trường hợp đặc biệt vì người Miên thieu xác, không bao giờ chôn.

(2) Tiếng Miên là TREY PROUL

ta cần dặn Đức Vua đừng cho chúng ta biết. Chúng ta không nên tin lời Đức Vua thuật lại vì ông CHEY thế nào cũng truyền những bí quyết về quyền năng của ông ta mà chúng ta không bao giờ hiểu nổi.

Thế nên ở Cao-Miên, dân chúng rất sợ và kính trọng Đức Vua và các quan gìn giữ những điều bí mật trong Hoàng-gia, nguyên do chỉ là nhờ những lời dặn nấu chua, kho cá mà THMENH CHEY thì thâm vào tai Đức Vua khi hấp hối và không ai tin rằng thật cũng như không hiểu ý nghĩa thế nào.

✱

THMENH CHEY từ trần. Các quan và dân chúng bị ông ta ông ta nghe tin liền rủ gạt lấy tiền hoặc thù ghét nhau tìm chỗ chôn ông ta. Khi biết rõ ngôi mộ rồi, các quan sai bọn đầy tớ đến đại tiện trên ấy. Những tên này vén chăn ngồi xuống bị ngay các cọc tre nhọn đâm vào mông tóe máu. Cả bọn hoảng sợ ông CHEY hiện về trừng phạt xách chân cầm đầu chạy.

Các quan bàn với nhau rằng :

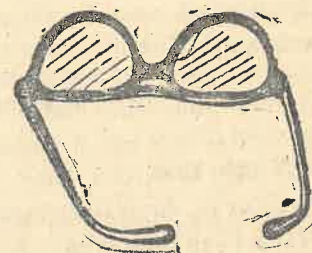
« Ông CHEY quả thật là một

người mưu lược phi thường vì ông nghĩ đến phương pháp bảo vệ mình sau khi chết. Ông biết trước thế nào chúng ta cũng đến phóng lễ trên mộ ông nên sai cắm các cọc tre nhọn để đâm vào mông chúng ta. Và đúng như lời tiên đoán... Ghê ghớm thay ! »

(1) Tiếng Miên là TREY PRA, người Việt nói trại thành TRA

(2) Trái cà thắng do Việt-Kieu nói trại tiếng SANG-DAL là loại trái tròn như trái quít ở ông, vỏ cứng, mọc rất nhiều ở Cao-Miên, có vị chua, dùng nấu canh chua rất ngon.

□□□



Ý nghĩa về những ngày lễ nghỉ và hội hè tôn giáo của Ấn Độ

★ XUÂN-BÌNH
(Bihar - India)

Có thể nói Ấn-độ là một trong những quốc gia nhiều tôn giáo nhất thế giới, nào Ấn-giáo, Phật-giáo, Hồi-giáo, Bái-Hỏa-giáo, Kỳ-Na-giáo v.v... Ngoài ra, dân chúng còn tin ở nhiều Thần (Gods), nào thần tài, thần phước, thần rắn, thần chiến tranh, học vấn v.v... Vì vậy mà mỗi năm có không biết bao nhiêu lễ nghỉ và hội hè tôn giáo. Mỗi lần có lễ như vậy, sinh viên được nghỉ ít nhất một, hai ngày, nhiều nhất suốt tuần hoặc cả tháng. Tôi xin lược kể dưới đây theo thứ tự tháng dương lịch để

các bạn độc giả nhà hiền rõ phần nào ý nghĩa về những ngày lễ nghỉ cũng như hội hè tôn giáo trong năm ở Ấn-độ.

TẾT DƯƠNG LỊCH (1 tháng giêng). — Ở Ấn, tết dương lịch không phổ thông mấy, nhất là đối với hạng dân quê. Chỉ những người giàu có ở thành phố mới nghĩ đến ngày Tết này.

QUỐC-KHÁNH (26 tháng giêng). — Lễ này cử hành hằng năm trên toàn quốc, kỷ niệm ngày tân Hiến-Pháp Ấn-độ chào đời vào năm 1950. Đặc biệt tại thủ đô Tân-Đề-Li (New Dethi), ngày

này được tổ chức rất lớn, gồm nhiều đoàn thể đại diện các tiểu bang khắp Ấn-độ tham gia với những cuộc mít tinh, diễn hành, duyệt binh khổng lồ của toàn thể dân chúng và quân đội. Ngoài ra, còn có nhiều vũ điệu dân tộc, nhạc kịch mang màu sắc địa phương tiểu-bang được trình diễn để nói lên sự đoàn kết, thống nhất của quốc gia trong ngày đó.

MAHA KUMBHA MELA (tháng 1-2). — Mela có nghĩa là hội-chợ. Đại-hội này tổ chức 12 năm một lần. Theo thần thoại, dân chúng Ấn tin rằng trước ngày thế giới tạo lập, các vị Thần và Ma-vương khuấy động nước phép và rồi Thần Dhanvantari từ đại dương nổi lên mang trong một bình (kumbha) đựng thần-tửu. Các vị Thần và Ma-vương đánh nhau để chiếm đoạt bình rượu quý đó. Khi giao tranh, rượu trong bình đổ rơi xuống khắp 12 vùng của thế giới, trong đó có 4 nơi thuộc Ấn-độ là PRAYAGA, HARDWAR, bang Uttar Pradesh (Đông-bắc Ấn), UJJAIN, bang Madhya Pradesh (Trung-Ấn) và NASIK, bang Maharashtra (Tây Ấn-độ). Do đó, hội chợ Kumbha được tổ chức 12 năm một lần luân phiên

tại mỗi nơi trên với hàng triệu dân chúng Ấn khắp nơi kéo về tham dự.

SHIVARATRI (tháng 2-3). — Ngày lễ tưởng niệm Thần Shiva. Chính danh của Thần này là Thần Hủy-diệt. Nhưng theo một ý nghĩa khác của Ấn-giáo, hủy diệt là để tái tạo. Cho nên, Shiva còn được dân chúng gọi là Thần Sáng Tạo. Thông thường, Thần này được miêu tả qua hình ảnh một đạo sĩ khổ hạnh ngồi trên da cạp với rắn quấn quanh thân, tóc và râu. Thần còn có một con mắt thứ ba ngay giữa trán và mảnh trăng lưỡi liềm trên đầu. Dân Ấn tin vào ngày lễ trên, người nào cúng lạy Thần Shiva kiếp sau sẽ thoát cảnh luân hồi sanh tử. Đặc biệt ở bang Kashmir (Bắc Ấn), tín đồ Ấn giáo tổ chức lễ này rất đình đám, kéo dài đến nửa tháng.

HOLI (tháng 2-3). — Là một trong những ngày lễ chính, phổ biến nhất tại Ấn, thời gian kéo dài hơn tuần. Có nhiều thần thoại về nguồn gốc ngày lễ này. Thần thoại phổ thông nhất cho rằng Hoàng tử Prahlad, con ác-vương Hiranyakasipu, dù rất sợ bị vua cha và bà cô ác-quỷ Holika ngược đãi, nhưng chàng vẫn không chịu nghe lời thần

phụ, tử bỏ kính thờ Thần Vishnu (một trong những Thần quan trọng của Ấn giáo). Sau cùng, Holika có phép lửa đốt không cháy, dự mưu ám hại Prahlad. Ngày kia, bà ta mang Hoàng tử cùng nhảy vào hầm lửa đỏ được thiết lập để thiêu Prahlad. Nhờ thần phép phò hộ, Prahlad thoát chết cháy trong khi ác quỷ Holika bị đốt ra tro.

Holi còn gọi là ngày «đỏ màu». Vào dịp này; dân chúng khắp nơi, không phân biệt lớn nhỏ, giàu nghèo đi mua bột màu đỏ, vàng v.v... về khuấy nước chứa trong thùng, để mang ra đường tạt, xịt vào khách bộ hành. Có khi người ta dùng nguyên bột màu khô mà bóp tay phà vào nhau, khiến áo quần, mặt mày, đầu tóc người nào người nấy trong ngày đó đều dính toàn bộ đỏ, trông kỳ dị dữ dằn như quỷ sứ. Ở các đại học lớn, vào dịp này, nam nữ sinh viên thường tổ chức vũ hát tập thể ngoài trời. Tối đến dân chúng khắp nơi đốt lửa mừng lễ tượng trưng đốt cháy nữ cá quỷ Holika cũng như tiêu diệt mọi tội ác con người.

MAHAVIRA JAYANTI (tháng 3-4). — Jayanti nghĩa là sinh nhật. Lễ sinh nhật của Mahavira,

giáo chủ đạo Jain (Kỳ-Na-giáo), sinh tại một thành phố nhỏ gần Patna) Bang Bihar) vào năm 599 trước Tây-lịch. Đạo Jain thịnh hành ở miền Tây Ấn độ, nhất là ở bang Gujarat và Mysore, nơi có nhiều chùa Jain kiến trúc rất đẹp. Ngày này, tín đồ đạo Jain khắp nơi tổ chức nhiều buổi lễ tụng kinh, cầu nguyện tại các nhà chùa của họ. Theo thống kê năm 1961, dân Ấn theo đạo này có khoảng triệu.

VAISAKHI (tháng 4-5). — Vaisakhi hoặc Baisakhi là ngày mồng một tháng Vaisakha, tức tháng giêng theo Ấn-lịch, tức mồng một Tết của ta. Ngày này, khác hẳn Việt-Nam, hầu hết dân Ấn không nghĩ đến việc đón mừng năm mới. Họ không tổ chức hội hè, lễ lược đình đám như các ngày lễ tôn giáo khác (Durga, Holi, Diwali v... v.). Ngày đầu năm, dân chúng chỉ có tục lệ đi tắm ở sông Hằng, vì họ tin rằng nước sông này có thể rửa sạch hết mọi tội lỗi con người. Ngoài ra, chẳng có gì vui. Nói chung, dân Ấn đa số không mấy để ý đến ngày đầu năm mới này.

PHẬT ĐẢN (tháng 4-5). — Ngày kỷ niệm đức Phật giáng sinh vào Rằm tháng Vaisakha

năm 563 trước Tây lịch, tại vườn Lâm-Tì-Ni xứ Nepal. Phật đản là một trong những ngày quốc lễ lớn của Ấn-độ, không dành riêng cho Phật tử mà cả tín đồ các tôn giáo khác. Ngày này, tại các chùa, cơ quan Phật-giáo như hội Ma-ha Bồ-đề, Hội Phật-giáo Bengal v... v... khắp toàn quốc Ấn độ đều tổ chức lễ trọng thể. Tại các đô thị lớn như New Delhi, Calcutta, Lucknow, Bombay, Madras, Bangalore v... v... nhiều buổi lễ tụng kinh, thuyết pháp, triển lãm Phật giáo, văn nghệ v... v... được đặt biệt tổ chức bởi các Hội, đoàn thể Phật giáo địa phương, với sự tham gia đông đảo của hàng ngàn Phật tử và không Phật tử. Nhất là tại Bồ-đề Đạo-Tràng (Bodhi Gaya), nơi Phật Thành-đạo, ngày này, du-khách Phật tử cũng như nhiều tín đồ tôn giáo khác, từ khắp nơi trùng lập quy tụ về đây hành hương lễ bái, cầu nguyện suốt ngày đêm không ngớt. Theo thống kê năm 1961, Phật tử chính thức tại Ấn hiện có khoảng hơn 3 triệu.

ID-UL-FITR (tháng 4-5). — Lễ của tín đồ Hồi giáo. Lễ này báo hiệu chấm dứt tháng Ramadan, tháng 9 theo niên lịch Hồi

giáo. Trong suốt tháng này, hằng ngày tín đồ nhịn ăn tụng kinh Koran (Thánh kinh Hồi giáo). Vào dịp lễ trên (Id-ul-Fitr) mọi tín đồ già trẻ ăn mặc trang sức đẹp đẽ, và tổ chức nhiều buổi lễ cầu nguyện tại các đền thờ. Cả những người theo Ấn-giáo cũng hợp tác chung vui với tín đồ Hồi giáo trong ngày lễ này.

Tại Lucknow (thủ đô bang Uttar Pradesh), trung tâm văn hóa của Hồi giáo, tháng tín đồ nhịn ăn được tổ chức khá đặc biệt. Hằng ngày mỗi chiều, trước khi mặt trời lặn, người ta đánh trống để báo cho tín hữu biết ngày nhịn ăn đã chấm dứt. Tiếp theo là những buổi tụng kinh Koran của tín đồ chen chúc đông đảo tại các đền Hồi-giáo trong thành phố. Và sáng hôm sau, thiện tín lại dậy sớm, giải khát qua loa để chuẩn bị cho một ngày nhịn ăn mới.

NAGA PANCHAMI (tháng 7-8). — Tiếng Ấn độ, Naga nghĩa là rắn, Panchami là ngày thứ năm của tháng âm lịch. Đại ý nguồn gốc lễ này như sau. Dân chúng Ấn tin rằng vào thời gian cách khoảng giữa thế-giới cũ tận diệt và thế giới mới hình thành, thần Vishnu của họ nằm nghỉ trên thân hình một

loại rắn không lồ tên Shesha hoặc Ananta (có nghĩa là vô hạn). Vishnu là một trong những Thần Ấn giáo quan trọng nhất. Theo kinh sách Ấn giáo, Brahma (Phạm-Thiên), Vishnu và Shiva là 3 ngôi chính yếu của sự hình thành, tồn tại và tận diệt của thế giới này. Brahma, đáng tạo lập, Vishnu bảo trì, và Shiva hủy diệt. Cho nên, vào dịp lễ trên, dân chúng có tục lệ lấy vải làm thành hình những con rắn lớn để cúng lạy. Họ cũng lấy sữa tươi gội tắm cho những tượng rắn bằng đá, và đem sữa tìm đến những nơi có loại rắn Cobra ở để dâng cúng cho chúng. Họ tin làm vậy để các thần rắn phò hộ khỏi bị rắn độc cắn. Ở Ấn độ, có rất nhiều loại rắn độc như mái găm, hổ mang, hổ gió v.v... bên ta. Hằng năm có đến hàng ngàn dân chúng khắp nơi bị chết vì rắn cắn. Ai vô phước đi đêm bị rắn độc mổ nhắm, vài phút sau nếu không kịp đi nhà thương, có thể chết ngay. Cho nên, ở Ấn đi đêm người ta phải luôn nhớ cầm đèn pin để rọi đường, phòng đập phải mấy chú rắn ác ôn này.

ĐỘC LẬP (15 tháng 8). — Ngày thực dân Anh trao trả

độc lập cho Ấn độ vào năm 1947. Khắp nơi ngày này, chính quyền và dân chúng tổ chức lễ chào cờ công cộng và truy niệm các anh hùng dân tộc Ấn, đã hy sinh bỏ mình cho đất nước. Đặc biệt tại thủ đô Tân-Đê-Li, Thủ tướng Ấn đích thân kéo quốc kỳ trong buổi lễ chào cờ tổ chức với hàng triệu người tham dự tại quảng trường (Lũy Thành Đỏ) (Red Fort).

RAKSHA BANDHAN Tháng 7-8). — Bandhan, từ ngữ Ấn độ, là cột, buộc, đeo vào. Raksha Bandhan là ngày lễ đeo vòng rakhi. Nguồn gốc lễ này như sau. Theo thần thoại, xưa kia vào ngày này, các vị Thần trời đánh nhau với Ma vương. Vợ thần Indra (vua chư Thiên) lo lắng lấy vòng rakhi (bùa làm bằng tơ lụa) đeo vào cổ tay Thiên đế Indra để mong cầu thần phép phò hộ, chư Thần sẽ chiến thắng Ma vương và chiếm lại những vùng trời đã mất về tay chúng. Do đó mà vào dịp này trong gia đình Ấn, các cô gái có tục lệ đeo vòng rakhi cho những anh trai của họ, trước để bày tỏ lòng mến thương anh mình và sau mong ước vòng rakhi giúp anh các cô hằng gặp những điều may. Cũng trong

ngày ấy, chàng thanh niên nào chiêm phúc được các bạn gái mến xem như anh, họ cũng được các cô buộc vòng lụa rakhi vào cổ tay với lòng thành cầu chúc tốt đẹp như trên.

GANESHA CHATURTHI

(tháng 8-9). — Ganesha, tên vị thần Ấn giáo có đầu voi. Chaturthi là ngày thứ 4 của tháng âm lịch. Lễ này bắt đầu vào ngày mùng 4 tháng 5 theo Ấn lịch. Ganesha được gọi là Thần Khôn ngoan và Thịnh vượng. Dân chúng Ấn thường cầu nguyện thần này khi họ bắt đầu làm công việc gì. Theo thần thoại, Ganesha là con thần Siha và Parvati. Một hôm, Parvati mẹ Ganesha đi tắm, bảo chàng đứng gác cửa. Khi Shiva, cha chàng về nhà, Ganesha không cho vào. Ông ta nổi giận chặt đầu Ganesha. Hay tin, Parvita buồn rầu, bực tức trách móc bảo chàng bằng mọi cách, phải cứu sống cho được Ganesha. Shiva hứa sẽ đi vào rừng và tìm lấy đầu bất cứ sinh vật nào chàng gặp đầu tiên. Cuối cùng, Shiva không gặp được ai ngoài một chú voi đang ngủ. Shiva liền cắt lấy đầu voi mang về trồng vào cổ Ganesha. Từ đó, Ganesha phát sinh với thân hình đầu

voi. Ganesha là một trong những thần phổ biến tại Ấn, và rất quen thuộc với trẻ con. Dân chúng thường đặt thờ thần này trên cửa vào nhà hoặc phòng họ ở để cầu mong tránh những tai nạn rủi ro.

Tại bang Maharashtra (Tây Ấn-độ), dân chúng đặc biệt tổ chức lễ này kéo dài hơn 10 ngày. Ngày đầu tiên, người ta lễ rước tượng thần Ganesha đắp bằng đất sét về nhà hoặc trung tâm hành lễ giữa những tiếng trống nhạc và vũ múa. Sau đó họ làm lễ cúng suốt 10 ngày. Đến ngày cuối cùng, dân chúng điều hành rước tượng Thần đi bỏ xuống hồ, sông hoặc biển. Nhiều buổi trình diễn văn nghệ, hội chợ cũng được tổ chức khắp nơi tại các thành phố và vùng quê trong tiểu bang vào dịp này.

(còn nữa)



Mở cửa

Ta lắng nghe trí nhớ
Gọi hồn chuông thu không
Mắt cỏ vàng nghĩa trang
Chiều mênh mông xám hối

★

Đã tắt màu trần ai
Lung linh hàng sao nền
Mở mắt trên Phật đài
Làng em ngồi Phật tỉnh.

★

Trong môi trường im vắng
Tiếng mở rót vào đời
Lời kinh xanh tụng niệm
Lay động vườn Như Lai

★

Lòng thiền đã thênh thang
Đêm ngủ cùng trí nhớ
Bút mộng ánh đạo vàng
Lời thơ ta mở cửa.

ĐẶNG-CẨM

SỬ LIỆU

TỪ GIA LONG

đến

BẢO ĐẠI

□ □ □ □ □ □ □ □ □ ★ ★ ★ ÁI LAN

X I N ghi lại một đoạn lịch sử từ triều Nguyễn trở về sau này, để các bạn trẻ — sinh-viên học sinh — dễ nhận thức về làm tài liệu cho sử học của nước ta. Thỉnh thoảng, các em cũng cần biết để dự cuộc «Đỗ vui để học» trên đài truyền hình.

★

Triều Nguyễn phát nguyên ở làng Gia-Miêu Ngoại-trang, tổng Thượng-Bạn, huyện Tống-sơn,

phủ Hà-trung, tỉnh Thanh-hóa. Tổ tiên là ông Nguyễn-dức-Trung, làm quan Thái-úy đời Lê, gả con gái cho vua Lê thánh Tôn làm Hoàng-hậu, sanh ra vua Lê-hiến-Tôn, lúc bấy giờ vào khoảng năm 1460 và năm 1504, tính đến bây giờ 566 năm.

Ông Thái-úy sanh ra ông Nghĩa-quốc-Công. Ông Nghĩa-quốc-Công sinh ra Hoằng-dũ-Công, ông Hoằng-Dũ-Công làm quan đời Lê Hiến-Tôn, tới chức Kinh-lược sử. Qua đời vua Tương-Dực-

Đế, thăng chức Thái-Phó, phong tước Trưng-quốc-Công Đức Triệu Tổ Nguyễn-Kim là con trai của ông Trưng-quốc-Công.

Năm Kỷ sửu (1529), Mạc Đăng-Dung chiếm ngôi nhà Lê, Đức Triệu-Tổ lấy binh đánh Mạc-đăng-Dung đánh khôi phục nhà Lê. Đến năm Quý tị (1533) Triệu-Tổ tôn lập Lê-trung-Tôn, được phong tước Hưng-quốc-Công, sau tặng phong là Chiêu-Huân-Tĩnh Công Đức Thái Tổ Nguyễn-Hoàng là con trai thứ của Đức-Triệu-Tổ

Năm 1558 Đức-Thái-Tổ nói với bà chị là vợ của Trịnh Kiểm, xin giúp cho vào trấn đất Thuận-hóa, (tức Huế) rồi từ đó về sau ngài lần lần mở mang ra từ tỉnh Quảng bình trở vào Nam-kỳ, tới tỉnh Biên-hòa, bản đồ nước ta ngày thêm mở rộng, là do công lao của triều Nguyễn.

Từ triều Gia - Long trở về trước :

1- Đức Thái Tổ Gia Dũ Hoàng-đế. Ngài vào trấn đất Thuận-hóa từ năm 1588 tới năm 1613 Thuận hóa gọi ngài là Tiên Chúa.

2 — Đức Hy-Tôn Hiến-văn

Hoàng-đế. Làm chúa từ năm 1613 tới năm 1635, cộng là 22 năm. Nhà làm sử gọi ngài là Phật-chúa.

3 — Đức Thuần-Tôn Hiếu-Chiêu Hoàng-đế. Làm Chúa từ năm 1636 tới năm 1648, cộng là 13 năm. Nhà làm sử gọi ngài là Thượng-Chúa hay là Công-Thương-vương.

4 — Đức Thái Tôn Hiếu-Triết Hoàng-đế. Làm chúa từ năm 1648 tới năm 1687 cộng là 39 năm. Nhà làm sử gọi ngài là Hiến Chúa.

5 — Đức Anh-Tôn Hiếu-Nghĩa Hoàng-đế. Ngài làm Chúa từ năm 1687 tới năm 1691, cộng là 4 năm. Nhà làm sử gọi là Nghĩa Chúa.

6 — Đức Hiến-Tôn Hiếu-Minh Hoàng-đế. Làm Chúa từ

DECAPAN

THUỐC THOA.CHUYÊN
TRỊ CÁC BỆNH NGOÀI
DA.

năm 1691 tới năm 1725, cộng là 34 năm. Nhà làm sử gọi ngài là Minh-vương, ngài hưởng thọ được 51 tuổi, có đến 146 người con vừa trai vừa gái.

7 — Đức Túc-Tôn Hiếu-Ninh Hoàng-đế. Làm Chúa từ năm 1725 tới năm 1738 cộng là 13 năm. Nhà làm sử gọi ngài là Ninh-vương.

Đức Thế Tôn Hiếu-vô-Hoàng đế. Làm chúa từ năm 1738 tới 1765, cộng là 27 năm nhà làm sử gọi là Vô-Vương.

9- Đức Duệ Tôn Hiếu Định Hoàng đế. Làm Chúa từ năm 1765 đến 1777, cộng là 12 năm, nhà làm sử gọi là Huệ-Vương. Năm ất mùi (1775) (Cảnh-Hung 36) quân nhà Trịnh vào cướp đất Thuận hóa, Đức Duệ-Tôn lui vào xứ Nam-kỳ. Sau ngài nhường ngôi cho cháu làm Tân-Chánh-Vương. Còn ngài thì xưng là Thái-Thượng-Hoàng. Đến năm Đinh dậu (1777) Tây Sơn nổi lên, ngài và Tân Chánh Vương đều bị hại ở Long-Xuyên.

Từ Đức Thái-Tổ đến Duệ-Tôn cộng chung là 219 năm.

Triều đại Nguyễn từ Gia Long trở về sau :

1- Đức Thế-Tổ Cao-Hoàng đế, niên hiệu Gia-Long làm vua từ năm 1802 tới 1819, cộng 18 năm. Kể luôn hồi ngày làm nguyên soái và xưng Vương ở Sài Gòn vào năm 1778 cho đến năm 1819 cộng là 41 năm.

2- Đức-Thánh-Tổ nhươn Hoàng đế niên hiệu Minh-Mạng, làm vua từ năm 1820 tới năm 1841, cộng là 21 năm.

3- Đức Hiến-Tổ Chương Hoàng-đế niên hiệu Thiệu-Trị, làm vua từ 1841 tới năm 1847, cộng là 7 năm.

4 — Đức Dục-Tôn anh Hoàng đế, niên hiệu Tự-Đức, làm vua từ năm 1848 tới năm 1883, cộng 36 năm.

5 — Đức Cung-tôn Huệ Hoàng-đế, niên hiệu Dục-Đức,

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG

ĐAU NHÚT, CẢM CÚM

lên làm vua được ba ngày thì bị giết. (năm 1883) sau con ngài lên làm vua, (tức vua Thành-Thái) mới truy tôn cho ngày huy hiệu trên đây.

6 — Đức Hiệp-Hòa, niên hiệu Hiệp-Hòa, lên làm vua được 4 tháng kể bị giết (1883)

7 — Đức Giảng-Tôn Nghị Hoàng-đế, niên hiệu Kiến-Phước, làm vua năm 1884, tới năm 1885, được một năm.

8 — Đức Hàm-Nghi, niên hiệu Hàm-Nghi, làm vua năm 1885, qua ngày 5 tháng 7 tây, kinh thành Huế thất thủ về người Pháp, ngài chạy vào núi kháng chiến sau bị Tây bắt đầy qua Algérie (Phi-châu).

9 — Đức Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế, niên hiệu Đồng Khánh làm vua từ năm 1885 tới năm 1889, cộng là 3 năm.

10 — Đức Thành-Thái, niên hiệu Thành-Thái, làm vua từ năm 1889 tới năm 1897 cộng 19 năm, kể ngài bị bắt buộc thoái vị, Tây đầy ngài qua cù lao De la Réunion ở Phi-châu.

11 — Đức Duy-Tân, niên hiệu Duy-Tân, làm vua từ năm 1908 tới năm 1915, cộng 9 năm cũng bị phế, và bị người Pháp đầy sang cù-lao De la Réunion.

12 — Đức Hoàng Tôn Tuyên Hoàng đế, niên hiệu Khải-Định, làm vua từ năm 1916 đến 1925, cộng 10 năm.

13 — Bảo-Đại niên hiệu Bảo-Đại, làm vua từ năm 1926, đến 1945, kể phong trào cách mạng nhân dân nổi lên, nhà vua thoái vị...

Từ vua Gia-Long tới Bảo Đại, cộng là 143 năm.



TỪ KIẾNG LÚP

TỚI KIẾNG HIỂN VI ĐIỆN TỬ

★ CHU MINH THỤY

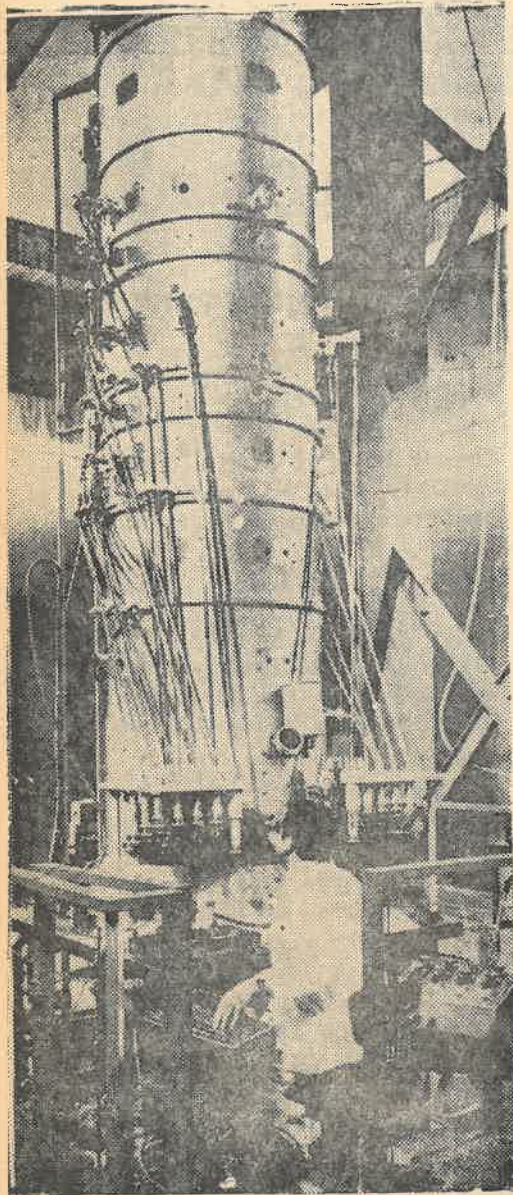
VÀO khoảng năm 991 sau Tây lịch, nhà vật lý và toán học gia Ả-rập Ibn al — Haytham al — Hazin lưu ý tới khả năng phóng đại của loại kiếng mặt lồi. Có thể trước đó, người ta cũng đã biết sử dụng, nhưng không ai có được chứng cứ. Kiếng lúp, do đó, được xem như thông dụng từ thời Trung Cổ, ở Âu châu.

Kiếng hiển vi thiết sự được phát minh tại Hòa-lan, nhưng không rõ do Zacharias Jansen tạo năm 1604, hay do Cornelis Drebbel vào năm 1910. Nhưng chính Antonie Van Leeuwenhoek một người thợ dệt đã khai thác khả năng của nó đầu tiên, có lẽ vì vấn đề nghề nghiệp (quan sát các sợi chỉ trong vải).

Nhưng chỉ tới thế kỷ 17, kiếng hiển vi mới trở nên chính xác

và dễ dùng, Chánh nhờ quang học gia Đức Ernst Abbe đã xây dựng lý thuyết về kiếng hiển vi, từ 1877 tới 1904, mà ngày nay người ta mới thực hiện được các kiếng tối tân.

Sau đó, Henry Le Chatelier sáng chế ra kiếng hiển vi *Métallographique*, có thể quan sát mặt đồ vật nào không thể rọi sáng xuyên qua. Kế đó R.A. Zsigmondy (người Áo) và H.F. W. Siedentopf (người Đức) chế ra *Ultramicroscope* vào năm 1903 có thể nhìn thấy loại vi trùng nhỏ hơn, đặt trên nền sậm màu. Qua năm sau, 1904, nhà vật lý học Đức Wolfgang-koeherler chế ra kiếng hiển vi dùng tia cực tím để rọi sáng. Vào năm 1934, nhà vật lý học Hòa Lan Frits Zernike bày ra loại kiếng hiển vi *« Contraste de*



phase», nhờ tách rời ánh sáng rọi thẳng và ánh sáng tán xạ, có thể thấy đồ vật mà khỏi cần nhuộm màu (vì màu giết chết sinh vật).

Đại khái, kiếng hiển vi thông thường gồm 2 hệ thống kính: ống kính (*Objectif*) rọi lớn đồ vật để trước mặt nó, và thị kính (*Occulaire*) là nơi ta đặt mắt vào, sẽ rọi lớn hơn nữa vật ta quan sát.

Sự phát minh ra kính điện tử có khả năng cô đọng hoặc làm lệch hướng các luồng điện tử — cũng giống như kính bằng thủy tinh thu hoặc phóng lệch ra các tia sáng — là do công của nhà vật lý học Đức Hans Bush vào năm 1926.

Trong kiếng hiển vi điện tử người ta dùng các kính điện để cô đọng luồng điện tử. Kính điện thiết ra là những vòng có điện âm, khiến các tia điện tử bị đẩy vào giữ vòng, cho tới khi ra khỏi kính điện. Sau đó, gặp các đèn diodes và ống điện tử giống như trong máy vô tuyến thâu hình, hình ảnh được rọi lớn ra trên một tấm màn có huỳnh quang (y như trên máy vô tuyến thâu hình).

Để cho dễ hiểu, chúng ta thử lấy đơn vị ly (*mm*) để làm chuẩn. Ly là đơn vị có thể dùng để đo các tinh thể tuyết (*Cristaux de neige*), nếu ta chia ra làm 10, tức 1/10 ly, thì đó là đơn vị dùng đo các tế bào thực vật, hoặc nguyên sinh động vật (*Protozoaires*). Nếu chia làm 10 nữa, tức 1/100 ly, thì đó là đơn vị để đo các huyết cầu. Nếu ta chia 10 nữa, tức 1/1000 ly, hoặc *micron*, địa hạt của vi trùng và tinh thể kim khí. Như chúng ta biết, ánh sáng gồm những làn sóng có bề dài từ 0,4 tới 0,8 micron, do đó, kiếng hiển vi quang học không thể giúp ta nhìn thấy các chi tiết nhỏ hơn 1 micron được. Thông thường, kiếng hiển vi quang học chỉ có thể rọi lớn độ 2.000 lần hơn mà thôi.

Nhưng Pasteur, trong khi thí nghiệm, đã lưu ý tới giả thuyết có những vi trùng gây bệnh xuyên qua các màn lọc thông thường. Người ta đặt tên cho chúng là *Virus* (cực vi trùng). Muốn nhìn thấy chúng, ta phải lấy *micron* chia 10 để tới địa hạt của cực vi trùng sống trong động vật, và chia 10 nữa để tới địa hạt của cực vi trùng sống trong thực vật. Nếu chia 10 nữa,

ta sẽ thấy các phân tử, và chia làm 10 nữa, ta sẽ thấy nguyên tử. Đơn vị cuối cùng này được gọi là *Angstrom* (tên của một nhà vật lý học Bắc Âu) tức 1/1000 *micron*.

Như trên đã nói. Hans Bush là người có công gây dựng lý thuyết, nhưng mãi tới năm 1932 kiếng hiển vi điện tử đầu tiên mới được hai người Đức khác, Max Knoll và Ruska hoàn thành. Năm 1961, nhà vật lý học Gas-ton Dupouy cải tiến, chế ra một kiểu mạnh có thể nhìn thấy vi trùng đang sống đựng trong hộp. Ở Toulouse (*Pháp*) hiện nay người ta đang sử dụng 2 kiếng hiển vi loại vừa kể. Người Nhật cũng bắt đầu chế tạo bán ra thị trường loại 3,5 *Angstrom*, nghĩa là nhìn thấy các phân tử gồm dài nguyên tử thôi.



TẬN - THỂ

Chuyện giả tưởng của TRẦN-LÊ-NGUYỄN-VŨ

NĂM 2070... sau Thiên-chúa giáng-sinh. Thế-giới buồn như địa-ngục. Nhân-loại sống mong-manh, tâm-linh xao-xuyến lo-âu. Hai cương-thổ thù-nghịch chen nhau tranh bước tiến. Người ta găm nhau, hăm-hù như loài sói dữ dành mồi. Những tia mắt hận thù, những bàn tay nắm chặt, chờ cơ-hội giáng vào mặt địch-thủ. Chiến-tranh lạnh lan-tràn từ Đông sang Tây, từ Nam lên Bắc. Mỗi phút sống nặng-nề như những tảng giá băng trôi giạt từ Âu-châu sang Phi-Á; Mỹ-châu chấp-chờn nồn mữa, mặt xanh xao, môi khô cứng, họa tận diệt ngày mỗi hiện rõ dần. Nhân-loại gầy-gò, đói trơ xương. Ba phần tư ngân sách dốc cả vào lò sản-xuất khí giới giết người. Ngoài những bom nguyên tử, khinh-khí, người ta còn chế được một loại bom gọt là «Tiệt».

chúng», mỗi quả không lớn hơn nắm tay, nhưng có thể giết hàng trăm triệu người trong nửa giây đồng-hồ. Hai địch thù vẫn nhả nanh múa vuốt gươm nhau mặt Nhân-loại cầu-khẩn xin xóa bỏ hận-thù, bắt tay sống chung Hòa-bình, ngõ hầu tránh một cuộc tự-sát vô cùng thâm-hhốc.

Thuở ấy ở Việt-Nam có một nhà bác-học trứ-danh tên là Nguyễn-Vũ-Hoài. Ông tha-thiết thương yêu nhân-loại nên ngày đêm cố công tìm tòi chế một bộ máy trừ bom «Tiệt-chúng». Được tin ấy, các nhà bác-học trên thế-giới đổ xô về Việt-Nam góp sức vào công cuộc nghiên-cứu. Trong các phòng thí-nghiệm lúc bấy giờ các nhà bác-học đủ mọi màu da chen vai thích cánh, làm việc bất kể giờ giấc để mong sớm hoàn-thành bộ máy cứu đời. Ở đây không

chủ-hận, không phân chia chủng-tộc, tôn-giáo. Người niềm nở đón tiếp người, chia xẻ áo cơm với người, xem người như anh em ruột thịt, hàng vạn cánh tay vươn lên, hiến cả tâm-trí sức lực cho lý-tưởng nhân-đạo. Nước tôi nghèo lắm, chiến-tranh đã gặm mòn, nhưng xin mời các bạn cứ vào đây. Các bà Mẹ của chúng tôi sẽ tận-tảo, không quản mệt nhọc, làm thêm thức ăn, may thêm áo rét cho chúng ta vì chúng ta là những đứa con hiếu-đạo, mang sứ-mệnh cao-cả hiến thân giúp ích cho Nhân-loại».



Bác-học Nguyễn-vũ-Hoài rời phòng thí-nghiệm, ngã người ngồi phịch trong chiếc ghế bành đặt cuối hành lang. Bỗng có bàn tay ai nhẹ-nhàng bịt lấy mắt chàng, đồng thời một giọng nói khàn khàn cất lên :

— «Mày thử đoán xem ai bịt mắt mày ?» Hoài trả lời không do-dự :

— «Duy chứ ai», Duy là một nhà bác-học trẻ tuổi khác của Việt-Nam. Duy cả cười bảo Hoài : «Tao trông mày có dáng mặt mỗi lần Hoài à ! Mày cặm cụi suốt ngày trong phòng thí-

nhệm, không ngủ không ăn lơ đầu thì mệt đấy. Mày cần phải giải-trí. Chiều nay đi chơi với tao chứ ?».

— «Đi đâu ?»

— Chúng mình vào núi săn chơi. Tao vừa mượn được ba con ngựa noi thật khoẻ. Nhường cho mày con ngựa bạch, tao cỡi con ngựa hồng, còn con màu xám cho thằng Hubert, nó cũng thích đi săn lắm. Mày bằng lòng chứ ?»

Hoài mỉm cười nhìn bạn gật đầu. Duy rời hành-lang ra đến cổng vườn còn quay đầu dặn vói : — Mày nhớ ăn mặt gọn-gàng chờ bọn tao ở đây !»

Chiều hôm ấy trên lối cỏ mòn dẫn đến Thát-Son, ba nhà bác-học ghim cương cho ngựa đi chậm-chậm, đưa mắt nhìn phong cảnh đẹp tuyệt-vời của núi-non trùng-diệp. Những cánh rừng mênh mông tiếp nối nhau chạy dài đến vô tận. Cây cỏ mướt xanh, hoa lá lung-linh, muôn màu chen chúc vươn lên trong nắng ấm. Hoài khe-khe ngậm một đoạn thơ của một thi-sĩ nổi tiếng ở thế-kỷ trước :

«Muôn màu chen dư lẽ đặng-quang»

«*Biển nước xanh lơ biển cát vàng,*»

•*Hoa tím buống lơ sườn cỏ biếc,*»

«*Kia rừng trinh bạch đảo hồng-hoang.*»

Duy cười vang chế-nhạo : — «Cái thằng rồ lẫn-thần ; ở đây làm gì có biển nước xanh lơ biển cát vàng, làm gì có đảo hồng-hoang kia ! Thi-sĩ ời là thi-sĩ ! ». Hoài cười xoa theo bạn và đưa tay chỉ về phía anh chàng Hubert đang dừng ngựa hái mấy đóa Lan rừng xinh đẹp.

— «Wie schon sind deine Blumen ! » Hubert cười tươi như hoa trả lời Hoài bằng tiếng Việt : — «Đẹp tuyệt ! Ở quê tao cũng có nhiều hoa đẹp như thế này. Mẹ tao thích hoa lắm. Giá bà có được mấy đóa hoa này thì mừng phải biết.»

— «Chốc nữa về mày nhớ gửi ngay cho Bà. Từ đây đến Bayern chỉ mất không đầy nửa giờ, hoa còn tươi chán Hubert ạ ! ». Hai người đang nói chuyện bỗng giật mình : — «Đoànch ! đoànch ! đoànch ! ». Duy bắn liên ba phát, miệng hét vang : — « Hoài ời, đến mau ! Thỏ quá nhiều ! ». Hubert thúc ngựa phóng lên rượt theo chận đầu mấy chú

thỏ đang chạy về phía chàng. Hoài cũng vùn vụt phi ngựa đuổi theo. Bỗng một con bạch thỏ, lông trắng phau như tuyết hiện ra trước đầu ngựa. Hoài mỉm cười nói lớn : » — Chú mày có chạy đằng trời ! ». Chàng đưa súng lên ngang tầm bắn liền hai phát. Con thỏ bạch không lủi vào bụi rậm, vẫn ngang nhiên chạy theo lối cổ mòn. Hoài bắn thêm phát nữa. — » Trúng ! ». Chàng dừng ngựa vạch cỏ tìm, tìm mãi vẫn không thấy. Hoài lầm bầm : — » Nhà chú trúng đạn lão-đảo ngã vào đây lủi đi đằng nào mà nhanh thế ? ». Đột nhiên từ bụi rậm bên kia, con bạch thỏ xuất hiện, dừng lại một giây liềm mép như trêu tức Hoài rồi vùng chạy. Nhanh như cắt, Hoài phốc lên ngựa đuổi theo. Con bạch thỏ dẫn chàng qua mấy cánh đồi, tiến sâu vào rừng. Hoài quyết hạ cho kỳ được con vật quý quyết này. Đoành ! đoành ! Đạn xé không khí rít vang cả núi rừng.

— «Lần này thì chắc ăn rồi nhé ! Món thỏ hầm rượu chat ngon phải biết ! » Hoài vạch cỏ tìm, lòng hớn hỡ như đứa trẻ sắp được quà. Nhưng tìm mãi đến toát mồ hôi vẫn không thấy

xác thỏ đâu cả. Lúc ngoảnh lại, hoang hôn đã bao phủ núi rừng. Lối cũ chỉ còn là một vết trắng lơ lơ mờ quanh co giữa những tàng cây âm-u. Hoài vội quay ngựa trở về, nhưng bóng tối dày đặc thêm, chàng không còn nhận rõ lối đi. Chàng bèn nắm cương dẫn ngựa lên một gò cao, phóng tầm mắt ra xa quan sát bốn phía. Sương lạnh thấm ướt áo làm Hoài rừng mình. Trên nền trời ánh trăng thượng tuần mờ nhạt chênh chếch soi xuống núi rừng hiu-quạnh. Đâu đây có tiếng sột-soạt kỳ lạ, chàng giật mình tay. Đặt lên cò súng sẵn-sàng đối phó mọi bất trắc. Chàng cảm thấy mệt-mỏi, bụng đói cồn-cào, cổ khô bỏng. Chàng muốn hú thật to hy-vọng Duy Hubert đến tiếp cứu. Nhưng hốt bẻ hiu quạnh, Hoài không dám hú sợ làm mồi cho thú dữ. Bạch mã đứng bên chàng thổ phỉ phò, phe-phầy đuôi như muốn chia sớt nỗi lo âu cùng chủ. Chàng thót nhẹ lên lưng, mở to mắt chọc thủng màn đêm, quan sát từng chòm cây, từng chóp đồi ẩn hiện qua nền trời đen thẫm, tay lăm-lăm cò súng vừa bảo vệ cho mình vừa cho bạch mã. Chàng tự bảo sẽ thức suốt đêm nay, mai sáng tỉnh sương theo lối cũ trở về !

Đêm đã khuya, chòm sao Bắc đẩu nghiêng dần trên đỉnh núi, bỗng Hoài thấy xa xa có ánh đèn leo-lét như ánh lửa chài. Chàng định thần nhìn kỹ lòng phân vân tự hỏi không biết nhà ai lại ở giữa núi rừng hiu-quạnh thế này Hoài đoán có lẽ là nhà của thợ săn hoặc của tiểu-phu đồn củi. Chàng quyết định dắt ngựa mò mẫm tiến về phía có ánh đèn với hy vọng kiếm được thức ăn và xin ngủ đỡ qua đêm nay. Ánh sáng hiện rõ dần màu xanh biếc như ngọc thạch. Chàng đến sát nhìn kỹ mới rõ là ánh sáng phát ra từ một chiếc đèn lồng treo trước động đá. Cửa thạch động hé mở tự hao giờ. Chàng buộc ngựa ở gốc cây, lách người tiến vào. Hoài giật mình dừng lại. Trước mắt chàng sừng sững cả một tòa lâu đài nguy nga kiến trúc theo lối cổ. Từng hàng cột lớn như những đại thụ, chạm rồng trở phụng, hùng vĩ lạ thường. Mái lâu cao vợi vợi tưởng chừng vút đến cung mây. Một mùi hương lạ thoảng vào khứu giác, Hoài say sưa thổ hút. Ánh sáng của những ngọn đèn lồng ngủ sắc treo trên cao, tỏa xuống hoa viên mờ-ảo như những tấm rèm khink-khi. Cả

một rừng hoa muôn màu muôn vẻ dâng hương ngào ngạt. Hoài đoán bây giờ này chủ nhân có lẽ đã yên ngủ từ lâu. Chàng định quay ngót trở ra ngồi trước thạch động chờ sáng sẽ hay. Nhưng tri tò mò thúc dục mãi, cuối cùng chàng bèn men theo bóng tối lần đến phía sau. Qua một căn phòng ở cuối hành lang, chàng thấy có ánh sáng. Tiếng đàn mong manh vút cao như mây vờn gió thoảng. Chàng ghé mắt nhìn qua khe cửa. Tim chàng như ngừng đập, lạ lùng chưa ! Chàng ngỡ mình chiêm bao. Trước mắt chàng hai cậu bé, mặt mày tuấn tú, mặc áo đỏ, tóc để trái đào, đang thông thả ấn tay trên những phím đàn kỳ lạ. Tiếng nhạc mông lung rơi vào không-gian thăm thẳm, nhẹ-nhàng như hơi gió. Bỗng một cậu bé ngừng đàn nói lớn : — »Lạ thật ! Tiếng nhạc đang cao vút bỗng nhiên trầm hẳn xuống. Chắc có tục-khách lên nghe đàn.«. Hoài hết sức kinh-ngạc. Chàng rời chỗ đứng định luôn theo bóng tối trở ra. Chợt hai cậu bé khác mặc áo lục, chân đi hài cỏ, tay cầm lòng đèn, xầm xầm tiến đến phía chàng Hoài đu người lên một nhánh cây định ăn thân. Nhưng đã muộn. Hai cậu bé

đến trước mặt chàng cuối đầu thi lễ, cung-kính hỏi :

— «Thưa tôn ông có phải là nhà bác-học Nguyễn-Vũ-Hoài ? Sư-phụ tôi đang chờ. Xin mời tôn Ông vào. «Hoài sợ-hải đến cực-độ, mới mấp-máy định hỏi gì, nhưng hai cậu bé đã thoăn-thoắt bước đi. Hoài đành riu-riu theo sau. Hai cậu bé đưa Hoài qua không biết bao nhiêu phong-tốc trang-hoàng cực-kỳ lộng-lẫy, lối đi phủ đầy gấm vóc, cuối cùng dừng lại trước một ngọc-thất nguy-nga. Ánh pha-lê làm Hoài chói mắt. Lòng Hoài xao-xuyến, tim đập mạnh như muốn vỡ tung lồng ngực. Hoài đang ngỡ-ngờ thì hai cậu bé đã dục chàng quỳ xuống, đầu cúi sát đất, chấp tay vái lại.

— «Nhà bác-học hãy bình-thân».

Tiếng truyền nhẹ-nhàng nhưng trong-trẻo âm-vang như tiếng đại-đồng-chung Hoài ngược mắt nhìn lên. Trên chiếc ngai thất-bảo, một cụ già mặc đại-bào xanh ngồi phe-phẩy chiếc quạt lông, trông phảng-phất dáng tiên-phong đạo-cối, quắc thước phi-phàm. Râu tóc bạc phơ nhưng da dẻ hồng-hào, khuôn mặt đầy-dặn tươi-trẻ lạ

thường. Hoài thầm nghĩ có lẽ cụ già là một đạo-sĩ. Đạo-sĩ này xuống ngai tươi cười diu chàng đứng dậy chỉ chiếc cằm, nhìn bên cạnh : «Khách quý hãy ngồi toa !» Hoài sùng-sở làm theo như cái máy.

Bằng một giọng ôn-tồn đạo-sĩ giảng-giải :

— «Khách ngạc-nhiên cũng phải. Bần-đạo với khách không cùng một thế-giới. Khách đến đây tục-lự. Còn đây là tiên-cảnh của hân Hồng-trần. Nhưng Bần-đạo và khách vốn có nghiệp-duyên với nhau từ tiền-kiếp. Hôm nay biết khách nhân-du hân-bản, bần-đạo sai bạch-thỏ dẫn đường mời khách đến đây đàm-đạo.»

Hoài ngồi nghe không biết tỉnh hay mơ, mãi một lúc sau chàng mới chấp tay cung kính hỏi :

— «Như vậy đệ-tử lạc vào thế-giới của Tiên-gia ?»

Đạo-sĩ mỉm miệng cười, tay vuốt nhẹ chòm râu bạc phơ như cười, dịu-dàng trả lời : «Vâng đây là thế-giới của Tiên-gia. Khách đến đây đã gần một đêm, dưới trần-thế mười năm đã trôi qua.» Xúc-động vì câu nói của

Đạo-sĩ, Hoài ra chiều suy-nghĩ. Chàng nhìn kỹ Đạo-sĩ một lúc lâu rồi thành-khân hỏi : — «Đệ-tử vốn thai-phàm mắt thịt, tâm-trí u-mê không hiểu nổi lẽ huyền-vi của Tạo-hóa, dám xin người chỉ-giáo cho : Có lẽ nào ngoài thế-giới hiện-hữu của loài Người còn có một thế-giới khác cao-diệu, huyền-bí quá phi-phàm nên vượt khỏi khả-năng khám-phá của Khoa-học ?».

Đạo-sĩ chột nghiêm sát mặt, đôi mắt trở nên lạnh-lẽo khác thường. Hoài kinh-hải biết mình đã vô-tình hỏi một câu có vẻ hoài-nghi, xúc-phạm đến Tiên-Ông, nên vội cúi đầu chấp tay tạ-lỗi :

— «Đệ-tử kiếp trước hân đã dày công tu-niệm, mới có hạnh-ngộ được bậc Tiên-trưởng cho gặp mặt. Hiềm vì danh-lợi bon-chen, ngu-muội không thấu rõ chỗ cao-thâm, trót lỡ lời hỏi quá đường-đốt, tội-lỗi biết lấy gì đo dám xin Người rộng thứ».

Đạo-sĩ cười xòa, phe-phẩy chiếc quạt, nét mặt trở lại hiền-từ phiêu-diêu thoát-tục : — «Khách chớ bận tâm ! Khách là nhà bác-học quen nhìn thế-giới hữu-hình, suy-luận căn-cứ trên thực-nghiệm, trước những sự-

kiện khác thường làm sao tránh khỏi hoài-nghi. Nhưng có gì đâu mà khách không hiểu. Khoa học đã đặt chân đến Nguyệt-cầu, xuyên kim tinh Mộc-tinh, Hỏa-tinh và còn đi sâu vào không gian vô-tận để thám hiểm những hành tinh cách xa địa cầu hàng triệu năm ánh-sáng. Chúng sinh hằng hà sa số ở khắp «Ba ngàn thế giới». Sách nhà Phật có nói đến, tuy là con số tượng trưng, nhưng cũng đủ để khách hiểu không phải chỉ có một thế-giới duy-nhất, mà có rất nhiều. Các thế-giới khác nhau ở chỗ Thanh-Trọc. Trọc thì lắng xuống ngưng-động làm-li giữa hạn-hữu ; nhân-quan nhỏ-hẹp nên không vượt khỏi tầm-vóc vật-chất. Thanh thì phiêu-diêu bao-quát, bàng-bạc khắp nơi, thấu suốt cổ-kim từ chân tơ kẽ tóc, vô hình vô thể không bị gò-bó trong một hiện-tượng nào, do đó người đời gọi là «Trưởng sinh bất tử» nào có gì là lạ đâu. Mọi nguyên-lý của Vũ-trụ đều đơn-giản minh-bạch chẳng có gì là huyền bí Huyền-bí là do lòng Người u-mê lẫn-lộn trong vòng vật-dục, ngay chính mình còn chưa hiểu nổi, thì làm gì quan-triệt được chuyện cao xa ngàn dặm ! Mà đã vật-dục thì

nạn binh-đao tất không tránh khỏi. Nhân-loại xem nhau như cừu-hận, tàn sát lẫn nhau đến nổi máu chảy thành sông xương chất cao như núi khiến kẻ tu hành động lòng rơi lệ. Đạo-sĩ ngừng nói, nét mặt trở nên mơ-hồ xa vắng. Nhưng niềm xúc-động không xóa nổi vẻ thanh-thản, ung-dung luôn luôn phẳng-phất trên khuôn mặt hồng-hào rạng-rỡ. Đạo-đồng pha trà mời khách. Hương trà thơm ngát, khói bốc lên từng cuộn nhỏ bàng-bạc xóa chìm vào hư-vô. Hoài hớp một ngụm nhỏ, qua khỏi cổ đã cảm thấy tinh-thần minh-mẫn, thoải-mái lạ-thường. Chàng chấp tay cung kính thưa

— «Chúng-sinh ngu-muội, chém giết lẫn nhau đến nỗi làm bận trí các bậc Tiên-trưởng đã lánh xa phiền-não tục-lụy, thực tội lớn tày non. Nhưng thưa Người kiếp sống là một chuỗi dài tranh đấu, làm lúc mệt mỏi, trách nhiệm nặng-nề, chúng sinh cũng muốn dừng lại, ngắt nổi trần gian không lối thoát.»

Đạo sĩ có dáng ngẫm nghĩ, điều gì, giây lát mỉm cười đáp :

— «Khách là nhà thông thi

tuân đàm chí-lý. Nhưng, khách quên rằng đường giải thoát vẫn có nhiều. Duy chúng sinh không đốt đuốc soi đường mà đi, quá ngu-muội ý-lại vào mạn thuyền cừu rồi, bầu-viu chiếc sào tể-độ ngăn ngủ bấp-bênh với ý tưởng cầu xin, thụ hưởng, không niều rằng nguồn khổ của mình do mình gây nên thì chỉ có mình mới dứt tuyệt được nó Tự mình phải làm lấy.» Hoài cúi đầu lĩnh ý, tri óc miên man suy nghĩ. Bên ngoài trời bắt đầu sáng. Bình minh phớt hồng trên rặng núi xa. Nhìn qua vòm cửa nhỏ chàng thấy cả tòa thạch động lung-linh, bơi trên biển mây kỳ-diệu. Mây bàng bạc lướt đều những cuộn sóng ngà nhấp nhô tung tăng chạy dài đến vô tận. Ánh sáng lùa qua khung cửa pha-lê phản chiếu thành muôn ngàn chiếc tán ngũ sắc dăng mắc trên đầu Đạo-sĩ. Trước sân các đạo lang xăng qua lại. Người chiết hoa bỏ vào những chiếc lẵng xanh, vàng, đỏ, tím ; kẻ quét mây dọn lối, cây cỏ đua chen bên những rặng mơ vàng còn phủ đầy tuyết mịn trắng phau-phau. Hoài chưa bao giờ thấy cảnh nào đẹp như thế. Mãi ngẩn - ngơ nhìn, thần

tri bị cảnh-sắc thôi miên. Hoài giật mình, đạo - sĩ đến bên, chàng từ bao giờ, dịu-dàng mời khách cùng bách-bộ ngắm cảnh bình-minh. Chàng ngoan-ngoãn bước theo. Đồi «bổ» sần của chàng dẫm lên từng cuộn mây óng-ánh, nhẹ-nhàng như những bước chiêm-bạo, Kỳ-hoa dị-thảo, muôn hồng ngàn tía lần-lượt hiện ra trước mắt mong-manh huyền-ảo, khiến chàng tâm-tắc khêu mãi. Đạo-sĩ chỉ về phía xa xa bảo chàng :

— «Kia là đỉnh KỲ-SƠN phong-cảnh hữu-tinh, mời khách quá bộ lên chơi.»

Chàng nhìn đạo-sĩ lộ vẻ kinh-ngạc. Núi cao thăm-thẳm vút khỏi tầm mắt thế kia, trèo lên thì biết bao giờ mới đến. Nhưng đạo-sĩ đã di động thảo hải thoăn-thoắt bước đi, uyển-chuyển nhẹ-nhàng như mây khói. Lạ-lùng nhất là từ đêm qua Hoài không ăn uống, không nghĩ-ngoi, chỉ hớp một ngụm trà mà vẫn thấy sảng-khoái, thần-khí sung-mãn, bước đi lâng lâng phơi-phới dị-thường. Chẳng bao lâu lên đến đỉnh. Hoài nhìn ra xa thấy biển cả xanh lơ, mặt nước phẳng-li như tấm thảm nhung. Đạo-sĩ khoát

áo ngồi trên một tảng đá nhìn Hoài âu-yếm : — «Có lẽ khách mệt lắm ?» Hoài chưa kịp trả lời, Đạo-sĩ đã chỉ tay nói tiếp : « Bên kia là bờ GIÁC-HẢI nước sâu đến muôn ngàn trượng bàn-đạo vẫn thường đến đây bơi thuyền rong chơi.

Sau lưng chúng ta là động CHÂN KHÔNG cảnh-trí đẹp tuyệt-vời.»

Hoài nhìn không chán mắt. Dưới chân Hoài là bàn cờ to rộng, đường nét sắc-sảo khắc sâu vào đá trong như ngọc. Đạo-sĩ mơ màng giảng-giải :

— «Thế-sự cũng như bàn cờ, xóa đi lập lại Dưới ánh mặt trời chẳng có gì mới-mẽ. Khách trần-thế vừa là quân cờ vừa là kẻ chơi cờ. Dồn tất cả tâm-trí vào việc thành bại. Nhưng thành bại mà chi. Chỉ gây thêm kinh-cụ phiền-não mái tóc hầu cần, rút cuộc tay trắng vẫn hoàn trắng tay. Khách học rộng hiểu nhiều chắc chưa quên những vị vương-tử bách-chiến bách-thắng A-Lich-Son, Thành-Cát-Tư-Hãn, Nã-Phá-Luân.... đã một thời ngang dọc quyền nghiêng thiên hạ, bây giờ còn lại gì đâu, hay chỉ là nắm mồ hoang chôn vùi trong quên lãng ?».

Hoài ngồi nghe say-sưa, thần khiếp-sợ Đạo-sĩ là bậc thần thông thần suốt mọi việc của trần-gian. Đạo-sĩ phóng tầm mắt nhìn ra xa, chiếc đai-bào xanh màu nước GIÁC-HẢI bay phất-phơ trong gió sớm. Hoài chấp tay kính-cẩn thưa : — «Đến đây thấy phong-cảnh và được nghe những lời chỉ-giáo cao-siêu của Người, đệ-tử lòng thấy thanh-thoát phiêu-diêu, không còn muốn trở lại chốn phồn-hoa trần-tục nữa. Khổ nỗi còn có Mẹ già. Và chi-nguyên giúp đỡ chưa thành-đạt...» Đạo-sĩ cười ngắt lời chàng :

— «Từ lúc khách đến đây, ở hạ-giới đã hơn mười năm trôi qua. Biết bao nhiêu thay-đổi. Sự nghiệp của khách cũng theo thời gian mà biến-địch. Tro bụi sẽ trở về vóitro bụi, Chẳng bao lâu nữa sẽ đến giờ tận-thế...»

Hoài giật bắn người, chăm chăm nhìn vào mắt đạo-sĩ, miệng lắp lại :

— «Tận-Thế ?».

(Còn nữa)



Buồn vô duyên

Đêm trai nhỏ nghĩ yêu mình chỉ lạ,
Nghe nỗi buồn man mác ở đâu đây ?
Trời bốn hướng không đượ sâu giếng lại.
Anh điên cuồng nghĩ nhớ những vòng tay.



Đã trót yêu nhau thì duyên thì nợ,
Duyên nợ rồi năm tháng vẫn vì nhau.
Chuyện bây giờ mơ ước những mai sau,
Đời vẫn đẹp như thừa còn gấn bó.



Nghĩ suy đã lắm lần không dám nói,
Ngôn ngữ còn diễn tả được hay sao ?
Ơi tình nhân ! Xin đôi phút ghen ngạo
Anh cúi mặt một mình ngồi tâm sự.



Đêm từng đêm, nghĩ yêu mình vô kể,
Trại thật buồn, nghe cỏ độc vấy quanh.
Trại thật buồn, anh thức suốt thâu canh,

Những mơ tưởng chừng như bùng lớn đây !

★

Anh vẫn biết, thật tình, anh ích kỷ,
Chỉ mình em, chỉ riêng mỗi mình anh.
Hai đứa mình, và gió nhẹ, trăng thanh,
Và hạnh phúc trăm năm, đời rất đẹp !

★

Nhưng mơ ước chỉ là câu chuyện hảo,
Anh làm gì để giữ được em đây ?
Anh làm gì cho đẹp những vòng tay
Tình tự đó vẫn còn là hiện tại ?

★

Nên những lần nhìn em anh ái ngại,
Nghĩ thua buồn đành úi mặt làm ngơ
Đến với anh, em dù chẳng hững hờ
Án ái lắm ! Thật tình, ân ái lắm !

★

Chuyện gì nữa ? Ngoài anh, anh vẫn biết...
Vây mà anh nào nói được bao giờ ?
Ừ thì đã mang thân làm nghiệp dĩ,
Nói làm gì cho thêm chuyện, ơ hơ !

★

Những lần nhìn em trong vòng tay kẻ khác
Anh chỉ buồn — Nghĩ cũng thật vô duyên !
Anh chỉ buồn — Và rượu uống như điên,
Say chênh choáng vẫn thấy mình vô vị !

TRÁ-KIM-LONG

LÀ THU PHÁP QUỐC

Tướng nhảy dù tổ chức đại - nhạc - hội Pop

□□□ NHUYỄN-KHẮC-TIẾN-TÙNG

CUỐI tháng 7 và đầu tháng 8 tại Aix-en-Provence xảy ra 1 chuyện (xôn xao) trong giới hành chánh địa phương, trong giới trẻ hâm mộ nhạc Pop về vụ sửa soạn Đại nhạc hội của Clément, 1 sĩ quan già thuộc binh chủng nhảy dù đã từng tham chiến tại Đông Dương.

Chả là viên cựu tướng lĩnh có tài kinh doanh và óc tổ chức này khi quyết định tổ chức 1 cuộc tụ tập giới hâm mộ nhạc Pop khắp nước Pháp và cả Âu-châu tại Aix-en-Provence đã bị nhà cầm quyền địa phương phản đối. 1 trong những lý do chính được viện ra thuộc địa hạt luân lý : khi số thanh thiếu niên tọc đại tiền sử tụ tập quá

nhiều tại đây thế nào cũng xảy ra những vụ say sưa khỏi thuốc cần sa và những vụ hành lạc tập thể, trao đổi ái tình kiểu thời Cộng-sản nguyên thủy. Người ta nói đến 1 lý do thầm kín khác khiến nhà cầm quyền địa phương cấm đại nhạc hội Pop này, đó là nỗi lo lắng những Đại-nhạc-hội mùa hè với các tác phẩm cổ điển đứng đắn vẫn thường được tổ chức trong vùng sẽ mất khách hàng khi các bóng dáng hip-pi xuất hiện ở Đại-nhạc-hội Pop tại đây làm giảm vẻ trang nghiêm thanh lịch thường lệ đi. Tướng Clément nào phải tay vừa. Miền Nam có tướng hăm nhảy đầm, mê cờ bạc thì Miền Nam Pháp cũng có (tướng Pop) quyết

thực hiện nhạc hội Pop cho bằng được. Ông tướng Pop này bèn viết 1 đơn thỉnh nguyện lên Tổng Thống Pháp quốc đề nghị Cộng hòa Pompidou yêu cầu can thiệp. Riêng với nhà chức trách địa phương đã viện những điều lệ lắt léo từ chối không cho mình tổ chức (Đại nhạc hội), tướng Clément bèn vẫn xin phép tổ chức nhưng đổi tên thành «Những cuộc hòa nhạc kéo dài» (vì ông định tổ chức tiền mấy ngày đêm.)

Về vấn đề trật tự ông đã cắt đặt sẵn 1 đội tựa như 1 loại cảnh sát tự gồm những tay em làm việc cho ông, những anh hùng đã từng phục vụ dưới trường hồi ông chưa bị De Gaulle cho về hưu sớm vì ngại ông đã tham dự cuộc đảo chính ở Algérie năm xưa. Đoàn người giữ trật tự này lên tới 300 mạng, đủ sức can thiệp trong những trường hợp cần thiết. Sau bao lời qua tiếng lại rút cuộc «những cuộc hòa nhạc kéo dài» đã được phép tổ chức, những khác với dự định, tướng nhẩy dù Clément đã phải bỏ mặc sớm hơn 24 tiếng đồng hồ vì lý do... thiếu khán giả. Ông tướng Pop dự tính số khán giả trẻ trung cuồng nhiệt tham dự

lên tới 100.000 trong khi sự thực chỉ có 10.000 mạng kéo nhau tới «chung vui». nghĩa là chỉ bằng 1/10 thôi.

Trong số đó tới một nửa muốn nghe những bản nhạc bỏng cháy nhưng không thích mất tiền mua vé nên áp dụng chiến thuật «coi cộp». Giá vé vào cửa mất quá với túi tiền giới hip-pi (55 France) thêm vào sự chống đối kéo dài của chính quyền địa phương đã khiến Khách mộ điệu e ngại cất công đi vô ích một khi nhạc hội của Pop bị cấm. Đó là 2 lý do khiến Ông tướng nhẩy dù không đạt được dự tính của mình. Tuy nhiên Ông cũng tuyên bố mọi việc đều tốt đẹp và lấy làm sung sướng vì đã quy tụ được 1 số lớn giới trẻ. Viên tướng già mê nhạc Pop còn nói : «Chúng tôi đã chứng tỏ được rằng ở Pháp nhạc Pop cũng có 1 số thính giả lớn lao».

Có lẽ tướng Clément nói không ngoa vì ngay ít ngày sau, mừng 5.8.70 một hội lớn về nhạc Pop khách được tổ chức ở Biot, 1 địa điểm nhỏ thuộc miền Tây Nam nước Pháp.

Các nhà cầm quyền địa phương ở miền Nam nước Pháp

đã có cái nhìn khác hơn với những buổi tổ chức nhạc Pop này khi qua kinh nghiệm ở Aix-en-Provence họ thấy sự xâm nhập của những kẻ khuấy động thiên tả cực đoan vào đám thính giả trẻ tuổi không đáng ngại như họ lo lắng. Thực tế ở Aix-en-Provence chỉ có vài màn khuấy động sơ sơ của mấy Ông «cách mạng» còn vác loa hò hét lảng nhắng đôi lời và ít vụ Hip-pi rủ nhau thoát y một cách vô hại thôi. Cho nên có những người như viên thị trưởng Nice —

mặc dù bảo thủ — đã tìm cách làm giảm bớt sự chống đối những buổi nhạc Pop như kiểu ở Aix-en-Provence vừa rồi.

Có thể nói tới 1 tương lai ở Pháp ?

NGUYỄN-KHẮC-TIẾN-TÙNG



Da Đen Làm Sao Trắng

Thí dụ : những dân tộc ở Bắc Phi, họ là những dân tộc da màu (đen) thì không làm sao cho trắng được.

Riêng dân tộc Việt Nam, vốn là dân tộc da vàng. Tuy nhiên, có những người vì phải xê dịch nhiều hoặc vì quá lam lũ làm ăn bị ánh nắng mặt trời thiêu đốt nên màu da đen sạm. Trường hợp này làm cho hắt đen được, bằng cách : tuyệt đối ở trong mát 1 tháng, năng tắm và kỳ rửa mặt bằng khăn nhám.

Ở các nước văn minh có bào chế thứ kem và phấn đặc biệt, dùng nó không bị nắng ăn chỉ hiếm giá rất đắt. Ở Việt Nam vừa sống chế được thứ kem và phấn vừa đề trang điểm vừa có công dụng chống nắng như vậy, nhưng giá trị thì rất bình dân. Đó là CRÈME THORAKAO.

Nền mỹ-thuật CỔ - ĐÔ HUẾ

★ TÍN KHANH

(Tiếp theo P.T 253)

**Trong một quốc gia
nghèo, nền mỹ thuật
cũng nghèo.**

NHỮNG ai từng am hiểu sâu sắc nền mỹ-thuật Trung-quốc hay Nhật bản có lẽ bĩu môi khinh bỉ trước những tác phẩm quá tầm thường nền mỹ-thuật cổ đô Huế.

Thái độ ấy của các nhà khảo cổ từ các nước xa đến tuy hẹp hòi nhưng không có gì là lạ vì khả năng mỹ thuật của Huế chỉ có thể thối.

Lẽ đương nhiên là nhà mỹ-

thuật Huế đã lưu lại được trong các tác phẩm dựa theo mẫu mực của nhà tiền bối tất cả những oái ỏi đã đòi hỏi một sinh lực sáng tạo kỳ tài, những cái gì đã nói lên được uyên thâm của tư tưởng hay cả những cái gì khó khác trong kỹ thuật.

Không cần những họa phẩm tiếng tăm xưa của các tay sự Trung hoa hay Nhật bản hoặc những tượng đồng khổng lồ với nét đúc tinh vi duyên dáng. Cũng không cần những bức hoành sơn thết xinh đẹp, những đồ bằng ngọc quý giá hay các thứ hàng lông lấy mới nổi

lên được một đường lối mỹ thuật riêng, sâu sắc tinh xảo của Việt Nam hay nói riêng của Huế.

Với một quốc gia nghèo, tất nhiên nền mỹ thuật cũng nghèo nàn. Người Việt-nam đã học hỏi của Trung quốc trong phạm vi phương tiện kinh tế của họ cho phép và khi họ sáng tác những cái gì quá to lớn, những vật quá quý giá, e rằng giá bán ra sẽ không bù đắp lại công phu.

Hơn nữa, có thật óc sáng tạo về mỹ thuật của người thợ Việt-nam có thấp kém hơn người Trung quốc hay Nhật không ?

Người nào lấy cái quá khứ làm thước đo vị lai sẽ có thể nói rằng nhà nghệ sĩ Việt-nam không có một quan niệm về mỹ thuật và một bàn tay tuyệt luân bằng Trung quốc hay Nhật.

Đó là một nhận xét nông nổi nếu họ chịu khó đi sâu vào nền mỹ thuật Việt-nam và khả năng tạo tác của người thợ Việt.

Ví dụ trình độ mỹ thuật ấy còn xa với đối với một nền mỹ thuật cao, rộng, vĩ đại hiện tại, dĩ nhiên, cũng đáng được

nghiên cứu kỹ lưỡng và cứu ra khỏi quên lãng để một ngày kia khỏi bị cảnh «thất kỷ truyền».

IV. — CÁC ĐỀ TÀI TRANG TRÍ.

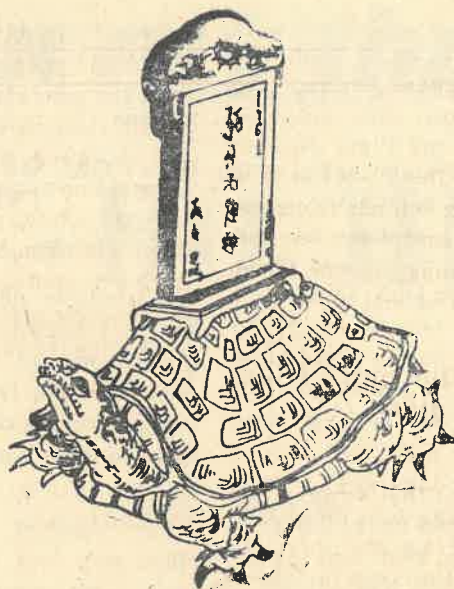
I — Mặt vồng và hồi văn.

Đối với các đề tài trang trí bằng nét thẳng đường cong đơn thuần trong các tác phẩm mỹ thuật hay kiến trúc tại cổ đô Huế, viện phân xếp thành từng loại cho đúng đắn là một điều rất khó.

Các nghệ sĩ, thợ nề, thợ chạm v.v... và cả các người khác cũng một nghề thường không thống nhất với nhau về các danh từ của các đề tài. Có khi cũng gần như một loại họ lại phân ra thành nhiều loại. Có khi khác loại, họ lại đặt cho một tên chung.

Đa số trong những người thợ này là những tay khá tài ba, có từng loạt mẫu đề tài. Họ thường làm đi làm lại các mẫu ấy, có khi thay đổi chút ít theo sở thích riêng bằng cách hoặc lấy những chi tiết của một mẫu khác ghép vào mẫu mình, tô điểm cho thêm đẹp.

Nếu tinh cò họ đứng trước



Rùa đội bia

một tác phẩm trang trí bằng các đề tài khác lạ, họ sẽ ngỡ ngàng không biết phải gọi là tên gì.

Sở dĩ có sự hiểu biết nông cạn ấy là do ít học thức hay do sự đào tạo, không phải bằng lý thuyết cơ bản mà trong kinh nghiệm truyền khẩu nhất là trong các đề tài thuộc loại cầm thú, thảo mộc hay các loại chữ.

Trong các đề tài theo hình thức «hình học» nét thẳng

đường cong ấy, ta có thể chia ra làm 3 loại : Mặt vồng, hình tròn và hồi văn.

Mặt vồng.

Mặt vồng có nhiều hình thức. Thường thường là hình thoi, lúc ngắn lúc dài, các cạnh bằng nét thẳng. Cũng có khi cạnh hơi cong vào hay cong ra.

Sở dĩ đặt tên là mặt vồng là vì hình thức giống y như mặt lưới hay vồng nhất là khi cạnh

hơi cong.

Mặt vồng không khi nào được trình bày trơn trọi, nhìn vào không được mỹ quan, cho nên người ta kết thêm hoa hay lá và thường dùng làm nền trong các tác phẩm chạm trổ sơn son thếp vàng như khung các bức hoành phi, mặt trái và mặt phải linh xa v.v.

Mặt vồng lục giác và tam giác.

Mặt vồng hình lục giác (6 cạnh) gọi là kim qui vì giống vẩy rùa thường dùng để kê trên nền nhà hay làm nền một tác phẩm. Hình thức này lúc được dùng một mình khi có đính thêm hoa lá.

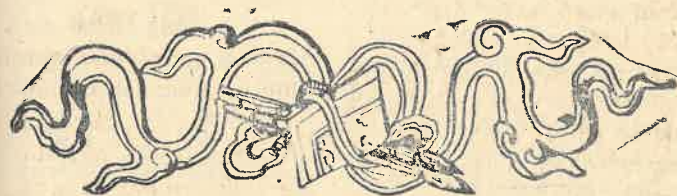
Những đồ vật xưa bằng xa cừ thường hay dùng hình thức trang trí này như nắp quả, nắp hộp, khay rượu khay trà v.v.

Trong các hình-phong bằng vôi, ở các phần chạm lõng, các hình lục giác kia lại dài mình, khi thì riêng một mình khi có xen kẽ những hình thoi nhỏ. Cũng có nơi người ta đắp hình lục giác chồng chất lên nhau thành những ngôi sao rất duyên dáng gồm những hình thoi do các hình lục giác cắt cạnh nhau. Loại trang trí này gọi là «Kim qui cải»

Mặt vồng không đều đặn nhau, thường gọi là mặt rạn. Trên thực tế đây là cách trình bày lá đào theo lối kiểu-thứ-hóa.

Kiểu này cũng còn gọi là «Kim qui thất thế» (hình lục giác không còn nguyên hình).

Mặt vồng tam giác gọi là «Nhân tự» vì nó tượng trưng chữ nhân là người. Hình thức



Thor (sách) và bút.

này thường dùng làm nền các tác phẩm, lúc đề đơn, lúc đính thêm hoa lá.

Mặt vồng hình tròn và hoa thị.

Mặt vồng hình tròn gọi là Kim tiền (đồng tiền vàng). Hai vành tròn theo hình «vành khăn» (vòng tròn đồng tâm) là vành ngoài của đồng tiền và 4 vòng tròn khắt cắt vành này ở 4 điểm bằng nhau và gây thành một lô vuông đều cạnh cong ở giữa.

Hình Hoa thị cũng là hình thức các vành tròn tiếp hay cắt nhau và cũng gặp nhau ở một điểm chung và gây ra tại điểm ấy trung điểm của một ngôi sao có 4 hoa. Hình tròn càng nhiều cắt nhau càng tạo ra nhiều, hoa. Hoa hồng vàng không mấy khi dùng để làm đề tài trang trí vì hình thức không đầy đủ.

Ở Trung-việt, người ta thường cắt vỏ mỏng của quả hồng lột ra từng phần hình dài cạnh cong thành hình một ngôi sao dán vào vách hay cửa.

Quả hồng (Trung-việt gọi là quả Thị) nhờ có vỏ có chất dẻo dán vào gỗ hay vải rất dính

và thành ra ngôi sao hoa thị nên ngành trang trí ở Huế dùng hình thức này dưới danh từ Hoa-thị.

Cũng như các loại mặt vồng trên, hoa thị thường làm nền và cũng có khi thêm hoa lá.

Song hườn, Liên hườn.

Còn có thứ mặt vồng Song hườn (2 vòng tròn) hay Liên hườn tức là những vành tròn nối tiếp và cắt nhau. Hai loại này là biến thể của Hoa thị, kiểu thức hóa bằng những hình tròn gài nhau hay nối tiếp nhau.

Mặt vồng là một đề tài trang trí tượng trưng bao hàm nhiều ý nghĩa luân lý như tình bằng hữu, nghĩa vợ chồng, tình đoàn kết chặt chẽ bất khả phân, tình thân tương trợ nhau v.v...

Nó thể hiện dưới nhiều hình thức :

— Hai vòng tròn cắt nhau ở 2 điểm hay biến thành hai hình lục giác cân cắt nhau.

— Lại có hai hình vuông dựng đứng theo góc chéo nhau thành hình thoi hoặc trong hai hình vuông ấy có một hình chia làm hai phần và cắt hình kia ở 4 điểm.



— Có hình thức mặt vồng gọi là «dây thát» gồm có 5 hình thoi chéo với nhau ở giữa, 4 góc 4 hình thoi khác.

— Còn một loại nữa là những đoạn vòng tròn kéo dài ra hay hình khuôn thuẫn cắt nhau và giáp mí nhau góc uốn tròn.

Thường thường các mẫu trên được trình bày đặt trên một cành cây giữa một bức hoành

phi chạm. Bên trong là chữ Thọ, kiểu thức hóa bằng một hồi văn cuộn lại hay bằng những hình vẽ khác. Đề tài này gọi là «song thọ» (Hai chữ thọ).

Một mẫu khác gọi là (Vạn thọ)! Theo cách trình bày thì một trong hai vòng tròn, hồi văn cuộn lại thành chữ Vạn (viết theo thể cổ tự) và trong vòng kia là chữ thọ.

Tất nhiên đây là lối tượng trưng cho lời chúc tụng sống lâu.

Hồi văn.

Những đề tài trên đây dù trình bày đẹp cũng chỉ đóng một vai trò phụ. Đề tài quan trọng hơn là hồi văn.

Theo tiếng Trung quốc. Hồi văn là một « nét dài vô tận » khi cong khi gãy, khi tréo khi dài, kéo ra tùy theo ý muốn của nhà nghệ sĩ.

Hồi văn có nhiều hình thức :

— Hồi văn chữ Á (chữ nhỏ, hình giống thập tự nhưng nét rộng bản hơn) thường dùng để làm nền. Có người gọi là Hồi văn Chữ Thập.

— Hồi văn chữ Vạn, chữ vạn của Nhà Phật hay chữ vạn của Đảng Áo đ. Hitler. Mẫu này cũng thường dùng làm nền, bên trên tô điểm thêm hoa.

— Hồi văn chữ Công (hình chữ H đặt nằm) và hồi văn chữ Đinh (hình như chữ T) giống hồi văn thường dùng ở Tây-phương (grecques) có nhiều loại, thường dùng để trang điểm các khung hoành phi hay khung phong cảnh lúc đơn độc, lúc có chen thêm đôi chi tiết.

Hồi văn đơn giản thường dùng không có tên gọi riêng. Người thợ khéo tay hay dùng loại hồi văn này cho chạy trên khung hay ở một góc tường, bình phong v.v. hoặc chạm trổ ở cuối một đòn tay, hoành tử, cuối đường quyết mái nhà? Cũng có lúc dùng làm quai lọ, bình trà, chân bàn ghế, khung phía trong của một tấm hoành phi v.v., nối tóm lại trong mọi trường hợp cần phong phú hóa đề tài trang trí.

Thường thường ở chân Hồi văn, người ta thêm vào những trái tròn hay tua lông thông.

Có khi các nét hồi văn chen lẫn với lá, gọi là « hồi văn lá ». Cũng có khi biến ra thành « Rắn đầu rồng » thì gọi là « Hồi văn hóa giao, « mình uốn tròn như hình làn khói cuộn. »

— Còn một hình thức hồi văn nữa theo kiểu dây chuyền thường dùng để viền các cạnh bàn.

Cao đề kỹ.

Có khi một cái ghế, bàn hay một cái kệ là một hồi văn tượng hình bằng nét lớn. Các loại này tên gọi là Cao đề kỹ (bàn có mặt cao mặt thấp) hay

gọn hơn là Cao đề (cao và thấp)

phong phú, duyên dáng và nhất là rất mỹ-thuật.

Bàn có lúc có chân, lúc không, khi đơn giản, khi phức tạp. Loại bàn này thường đặt trên sập gụ các gia đình giàu có, trên mặt có bình hoa, hóm ắn, đồ ngà ngọc v.v.

Cũng có những mẫu có thêm nhiều chi tiết như hoa, lá, thú vật như sư tử kỳ lân, sóc v.v. để tô điểm thêm các bức hoành phi.

Nói chung trong trường hợp nào, hồi văn cũng là một đề tài



NHẠC ! NHẠC ! NHẠC !

— Nhạc hay nhất !

— Giá hạ nhất !

— Đủ mọi loại nhạc !

Riêng nhạc Việt, kỹ-thuật thâu hay hơn bằng cái (master tape).

Xin mời tới :

PHONS'S RECORDING SHOP

102/5 TRUONG-MINH-KY, GĐ

(Trương-minh-Giang nối dài)

Thâu băng lớn và cassette, âm-thanh nổi và trung thực.

Bài chánh tả của vua TỰ ĐỨC

□□□ THÁI-BẠCH

MỘT buổi sáng nọ, sau khi mãn triều, vua Tự-Đức liền họp các ngài mũ cao áo rộng lại để bàn chuyện văn thơ, chuyện văn thơ phù phiếm trong khi cả nước đang nhao lên vì vận mạng quốc gia chông chênh như trứng để đầu gậy, trước sự đe dọa của bọn thực dân xâm lược Pháp.

Nhà vua cùng các quan bàn chuyện, từ chuyện Tam Hoàng, Ngũ đế, chuyện Hán, Đường, Tống, Nguyên đến các chuyện văn thơ Lý-Bạch, Đỗ-Phủ... đều được đem ra thảo luận, rất mực

sôi nổi. Trái lại, chuyện nước mình, cả vua lẫn quan, đều ù ù cạc cạc, nhất là tình hình lúc đó, các hòng đại bác của giặc Tây từ ngoài biển cứ găm vào gần mãi.

Để thử tài các quan, nhà vua có đọc hai bài ám tả không đầu đề, bài thứ nhất gồm 4 câu thơ sau :

*Lâm vũ lâm ly lý lý đường ;
Minh minh bình chúch chiếu
âm dương.*

*Tri khu thượng hạ công
danh quán*

Khử thủ ly bì đắc kỷ cương.

Bài thứ hai cũng 4 câu :

Tên hà tá hán khởi ư
phong,
Sân nhập trùng vì nhiều
trường trung.
Bãi luận huân tiêu phân
khoái lực,
Hội văn hàn tin tự tiêu
không.

Để tỏ tài lẫn tiếp, các quan già trẻ thi nhau viết lấy viết để. Sân cái đầu óc quá quen thuộc với các bộ chữ Tàu, ngài nào ngài ấy cũng tưởng bài thứ nhất có nghĩa đại khái :

*Nhà Lý-Đường gặp lúc
như mưa dầm đến tối,
những bày tôi cầm máy âm
đương soi sáng, và những
người rong ruổi đó đây
đánh dẹp bọn Danh, quán,
trừ đầu trừ, da hỏi được mấy
kể ?*

Và, bài thứ hai có nghĩa tóm tắt :

Ông Tiêu-Hà giúp nhà
Hán ở đất Phong, không
cần sức mạnh của Phàn-
khôi, chỉ nhờ tài Hán-Tín
là xong hết mọi việc.

Với những thành ngữ nhan nhản trong hai bài như Lý đường, Danh quán, Tiêu-Hà, Hán-Tín, Phàn-Khoai : thôi dịch thị, nếu không phải nói về sự tích nhà Đường, nhà Hán, còn chi chi vào đó ? ..

Tuy vậy, trong số các ngài, cũng có nhiều tay thấy đột ngột, sinh nghi. tự nghĩ : «chẳng lẽ nhà vua lại đọc ám tả dễ thế này», ý hẳn còn mảnh lỏi gì nữa ?.. Vì thế, có cụ vừa bốp trán suy nghĩ vừa viết, và có cụ không viết.

Nhà vua ngồi trên sập ngự vừa đọc vừa mỉm cười. Nhưng nào biết cười ai ? Phải chăng là cười những ngài không viết được chữ nào ?

Viết xong, các quan đệ lên. Lúc đó, những ngài viết được mới chết điếng người ra ; không đề, tất cả đều sai bét sai be...

Ở bài thứ nhất ; chữ «lý lý đường là trong vườn mận ; «âm dương» là tiếng kêu ; «danh quán» là sâu chuối ;

không phải nhà Lý-Đường ;
mây âm mây dương ; tên
Dang tên Quán...

Tức là bài thơ «soi ếch».
nếu đem dịch Nôm có nghĩa
là :

Vườn mạn đêm mưa nước
nhọt nhầy.
Thấp đèn soi khắp chỗ kêu
đây.
Bắt trên bắt dưới sâu từng
chuỗi ;
Chặt thủ lột da mấy chả
đầy

Ở bài thứ hai ; chữ «tiêu
hà» là tàn chuỗi, lá sen .
Phong là gió ; Hàn là nó ;
Hàn tín là tin lạnh, hơi lạnh ;
Phân khoái là hun đốt ;
không phải ông Tiêu-Hà,
đất Phong, nhà Hàn. Ông
Hàn-Tín, người Phân.Khoái.

Tức nó là bài thơ «con
muỗi» nếu đem dịch nôm,
có nghĩa là :

Bẹ chuỗi đài sen nổi cánh
vung ;
Bay vào màn trướng đốt
lung tung.
Chẳng cần phải tốn công
hun đốt :

Hơi lạnh đòi con tàu lặn
cũng.

Các ngài nào hạ bút thao
thao, bấy giờ mới đổ một
lên như Quan-Công uống
rượu. Và nhà vua khi chấm
mới xếp làm 3 hạng !

Hạng kém là hạng nghe
đọc hạ bút viết liền.

Hạng khá là hạng suy
nghĩ rồi mới viết.

Còn hạng giỏi là hạng bỏ
trắng không viết chữ nào.

Các quan ai nấy đều phục
tài chơi chữ của nhà vua ;
chơi khăm đến thế, quả
thần tình !

Đó câu chuyện «không
viết được là giỏi» vậy đó !

Kể nhắc chuyện này thăm
nghỉ cũng phục tài văn
chương của vua Tự-Đức
như các cụ đương triều đã
phục. Nhưng không thích,
vì chẳng thấy gì, khả dĩ gọi
là giúp ích cho quốc gia,
dân tộc đang trong lúc đầu
sôi lửa bỏng.

Than ôi !

Giá phỏng nhà vua giỏi

thời vụ, cũng như giỏi văn
chương ; biết thử tài thực
chung chánh trị, quân sự,
kinh tế, xã hội của các đình
thần lúc đó như thử tài văn
chương thì đâu đến nỗi sau
nay phải ta than nặc nề :

Khá tiếc lắm vậy thay !

THÁI-BẠCH

Vũ tướng tiêu sâu duy
hữu tửu.
Văn thần thoái lộ cánh
vô thi.



Nghĩa là các tướng vũ
chỉ biết uống rượu giải
buồn ; còn các quan văn
bảo làm thơ phá giặc, thì
chẳng ai nghĩ được bài nào.

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231 - 233, Phạm-Ngũ-Lão

Điện.thoại : 25861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP VẬT DỤNG VĂN PHÒNG
CÓ XƯỞNG MÁY CUNG CẤP PHỦ HIỆU, CỜ HIỆU ĐOÀN,
NHÃN CỜ ÁO, (ÉTIQUEITES) MÀU ĐẸP BỀN, KHÔNG PHAI
Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bru-điện

Saigon TÌM 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN



Tiếng nói của gái trai thế - hệ

Đề muôn đời thơ ta bất tận

●●● TRẦN HỮU NGHIỆM

Từ lâu mình không viết được gì. Thật ra không phải hoàn toàn không có những rung động — những thôi thúc — nhưng cầm bút ngồi xuống viết không ra chữ ra câu. Buồn chán đi lang hoài cả thành phố đều biết mặt — các sạp báo đều quen thuộc tên đọc báo cộp Trần hữu Nghiễm, Tôi trở về

Với xóm nhỏ đường Bùi Thiện Tây lộc, căn nhà gió trong thơ vẫn tôi tôi trời trước — đề ngời và nhìn ở đây, có nhiều nhất là gió, thứ đến là ruộng lúa, ao hồ, trẻ nhỏ. Như cảnh quê hương ngày nào. Tôi thấy mình thích ở đây — trời trắng mây nước,

Những khóm tre già là những

những tình tự của những cặp tình nhân. Mình thì cô đơn — những bước chân đã đi lang hầu như khắp các nẻo đường thành phố.

Những buổi chiều ngủ vui — chạy ra nhà sách — những tờ báo mới ra — Tin tức chiến tranh Cam bốt — những hồn ở hạ nghị viện — và cuộc cãi vã của phần thượng nghị viện. Mấy ông chính trị chính em tuyên bố thế này thế nọ. Ông nào lên, cứ giành nhau mà lên đi. Trần hữu Nghiễm này không nói gì đâu. Tự do mà.

Tuổi trẻ bây giờ đang muốn bạo động. Những cuộc biểu tình đốt xe, đánh đập và mấy ông cảnh sát dùi cui lựu đạn cay mặt nạ. Thương phần nữ binh. Ôi, ôi đất nước này nguy to rồi. Văn nghệ cũng chun vào chính trị, đảng phái. Bọn chôn làm văn nghệ Huế mấy lâu nay cũng ra tuyên ngôn, tuyên ngót. Chẳng có cái gì đáng giá cả. Tất cả, chỉ là trò hề. Đừng xía vào mấy chuyện đó, hỏi mấy ông văn nghệ cầu danh kia ơi.

Trở lại mình — mấy lâu không viết được gì — về đây, ở đây làm thơ có được không — cho ai nhỉ? thơ ta bây giờ đã

cạn? Tự nhiên thấy lo âu — em — em ở đâu — em nào? hay... trời



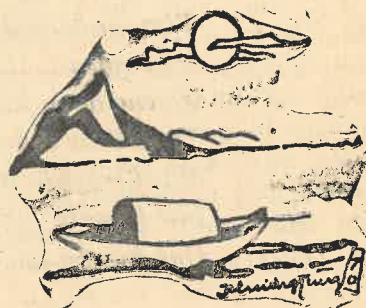
Bây giờ — ở đó muôn đời thơ ta dạt dào — em bèn bờ xanh — thật gần và thật xa — ta nhìn — chỉ xin được nhìn để làm thơ để ca tụng em như ca tụng một nữ hoàng — như ca tụng hằng nga.

Xin cho tôi ở đây thật hiền và thật thơ xin được yêu em để muôn đời hồn thơ này bất tận.

Tôi cầm bút trở lại, yêu em yêu thơ và yêu đời hơn.

26-6-70

TRẦN HỮU NGHIỆM
(Huế)





Giờ giới nghiêm ở Huế

Huế — mười một giờ đêm
 Từ xa nghe súng nổ.
 Đài phát thanh loan tin:
 Sáng nay ta thắng trận.
 Vừa mười một giờ đêm.
 Còi giới nghiêm vừa hó.
 Không ai đi ngoài đường
 Một lạnh lùng ma quái
 Vừa mười một giờ đêm
 Kẽm gai rào thật kín
 Những họng súng sáng lên
 Và mắt ai tìm địch
 Mười một giờ đêm nay
 Sao ta nghe buồn ngủ
 Quê hương nào thanh bình...

TRẦN-HỮU-NGHIÊM

quê hương ngàn năm Huế

CHIÊU QUỐC HỒN VĂN

Nguyên tác bằng chữ Hán của nhà Tiền bối
 Cách.Mạng Mai-Sơn Nguyễn-Thượng-Hiền

●●● Bài dịch của NGUYỄN-QUANG-TÔ

Lời người phiên dịch.

Trong những tài liệu đấu tranh cách mạng Việt-Nam hiện còn lưu hành, chúng ta nhận thấy có 3 bài văn vần có nội dung Chiêu hồn nước.

Bài thứ nhất thể lục bát, dài câu. Tác giả là Cụ Nguyễn-Quyền, tức Huấn-Quyền, quê ở tỉnh một nhân vật quan trọng trong phong trào Đông-Kinh Nghĩa-Thực. Cụ làm bài chiêu hồn nước này năm 1907 để cùng ứng cho nhu cầu tuyên vận của phong trào.

Bài thứ hai thể song-thất lục-bát, dài câu. Tác giả là ông Phạm-tất-Đắc, quê ở tỉnh Hà-Nam, một thanh niên ưu tú trong phong trào đòi ân xá cụ Phan Sào-Nam và truy điệu Cụ Phan Tây-Hồ. Chính vì sáng tác bài Chiêu-Hồn Nước này mà ông đã bị thực-dân Pháp bắt cầm tù và chết trong nhà lao. Họ Phan làm bài này năm 1927, khi phong trào cách mạng Việt-Nam đang ngày càng được «lớp trẻ» tham gia, trong và sau cuộc đời án xá Phan-Sào-Nam và truy điệu Phan Tây Hồ.

Riêng bài **Chiêu-quốc-Hồn** văn này, nguyên tác bằng Hán-văn, thể **Phú-độc-văn**. Tác giả là **Cụ Mai-Son Nguyễn-thượng-Hiền**, tức gọi là **Cụ Nghè Liên-Bạt** (vì quê ở làng Liên-Bạt, thuộc tỉnh Hà-Đống). Cụ là một nhân vật quan trọng trong các phong trào Đông-Du (1904-1908) và Quang-Phục (1912-1924). Bài này được Cụ làm năm 1917 khi Pháp đang gặp khó khăn trong cuộc chiến tranh với Đức. Nhưng cách mạng Việt-Nam lại đang gặp thoái trào.

Có 3 bài **Chiêu hồn nước**, mà hai bài đã bằng tiếng Việt. Thấy vậy, chúng tôi cố gắng phiên dịch bài này theo thể song thất lục bát. Hy vọng rằng thiện chí của chúng tôi sẽ giúp ích được phần nào cho các bạn tân học trong việc nghiên cứu đối chiếu 3 bản **Chiêu hồn nước** của chúng ta.

Vì khuôn khổ, và nhất là vì chủ trương của tờ **PHỔ-THÔNG**, chúng tôi rất tiếc không thể sao chép nguyên tác chữ Hán. Chúng tôi chỉ xin phiên âm lại mà thôi.

Nguyễn-Quang-Tô

Duy niên, nguyệt nhật, Việt-Nam quốc dân, Nguyễn-Thượng-Hiền, cần dĩ nhất phiến đan tâm, mãn thiên hận huyết, chiêu ngã Việt-Nam quốc hồn nhi cáo chi viết :

Ô hô ! quốc chi lương gian đại tiêu tuy thù, mạc bất hữu kỳ quốc hồn, duy ngã Việt độc vô, Phỉ ngã quốc chi vô hồn ! nhân tính thực ngu, duy lợi thị thị ; duy danh thị xu. Dĩ siểm du vi đất kẻ, thị trung nguĩa vi

úy đồ. Bất tri bang quốc sấn diệt chi khả thống, dân tri thân gia phi hoãn chi kham ngu. Đương quốc cứu chi nhiều bị, thực hữu cơ chi khả đồ. Hạp ngô quân khả dĩ phục Sở ; phần ngô lực khả dĩ chiêu Ngô. Nhĩ nãi hôn hôn mạc mạc, triển diêm mộ du. Mị dịch giả dĩ van kế ; ứng nghĩa giả vô nhất phân.

Ai hỉ tai ! Cũ quốc giai bất tri văn sĩ ; Khả quái giả ! bị sự

chỉ như khuyên trung đồn ; nhi thất chi nhược viên hạ câu.

Ô hô ! quốc do tại hỉ ! hồn tác yên tô ? Kim ngã đăng cao phát thanh dĩ hô ! Tây-Cống chi vực, Đông-kinh chi khu. Hoan Ái chi diễn, Hương Bình chi đồ. Khởi vô nhất nhị nghĩa sĩ, niệm quốc nạn dĩ khuôn phủ ; khởi vô nhất nhị di dân. Kích nghĩa niệm dĩ tri khu. Ư dĩ tuyết chủng tộc chi sĩ ; ư dĩ tây sơn hà chi ô !

Ô hô ! hồn như hà tri, hạp qui lai hồ ! Anh phong kính khí, phản kỳ chân ngô. Vật trâm luân ư nô giới, ô thử phát phu ; vật bãi kẻ ư lộ đình, nhục thử đầu lô.

Quy tai ! quy tai ! niệm nhĩ tiên tổ : Nhược Lê Thuận-Thiên để chi phá địch ; Nhược Trần-Hưng-Đạo Vương chi cầm hồ !

Quy tai ! quy tai ! thị nhĩ lân cảnh : Nhược Trung-quốc chi phần hưng vũ vực ; nhược Nhật bản chi xưng hùng ư hải ngưng.

Thiên nhân, vạn nhân, các tề nãi tâm ; nhất nãi lực, kiến nãi tích, hoàng nãi mô. Sử thế giới chi nhân giai lát mực viết : Bĩ Việt Nam giả kim dĩ năng phần nhiên độc lập, bất cam vi Pháp-Lan-Tây nhân vĩnh thế chi nô.

Ô hô ! Đồng bào ! Ngã nguyên từ thiên niên linh minh chi quốc hồn, tại nhĩ tráng khí chi xuy khur, hoác nhiên lại tô. Bất tuân bĩ nhất ban trư tâm, cầu phế, nô nhan, tỷ tất dĩ câu tô.

Nguyễn-Thượng-Hiền

BÀI DỊCH

Của Nguyễn-Quang-Tô

Hôm nay ngày... tháng.... năm... Tôi, Nguyễn-Thượng-Hiền, nhân danh một người dân Việt-Nam : Dâng tâm lòng son sắt, gốc bầu mau hậu ngập trời, kêu gọi hồn nước Việt-Nam mà thưa rằng :

Than ôi ! nước có nước nhỏ nước lớn khác nhau, nhưng thấy đều có quốc hồn, chỉ nước Việt ta lại không ? Phải đâu nước ta không có quốc hồn, chỉ vì người nước mình đang ngu muội : đam mê danh lợi trau chuộng nịnh hót. Thấy gương trung nghĩa thì run sợ, không dám nghĩ tới cái thảm họa diệt vong của đất nước giống nòi, chỉ biết lo chuyện vinh thân phì gia,

Hiện nay kẻ thù chúng ta đang thăm bại, là một cơ hội ngàn

năm một thuở để chúng ta khôi phục lại đất nước :

Hợp quần để phục Sở ; phản nghĩa để bại Ngô (là những bài học lịch-sử của chúng ta). Tại sao ta cứ mịt mù cảm lạnh, chỉ biết vào luôn ra cúi, ton hót kẻ thù, không có lấy một người dám hy sinh ứng nghĩa. Thiệt là đau đớn tủi hổ. Chẳng trách gì chúng coi người mình như heo nuôi trong chuồng, ngựa buộc dưới cang xe vậy.

Than ôi ! Nước Việt-Nam còn đó ! mà hồn nước Việt-Nam ở đâu ?

Nay tôi xin trèo lên cao, kêu gọi (cử quốc Đồng-bào) : Bắc từ Hà-nội, Nam tới Sài-gòn ; băng qua vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh, cho tới chốn Bình, Ngự để đó, há lại không một ai dám hy sinh vì nghĩa vụ đứng dậy lo toan đại cuộc diệt thù cứu nước, rửa nhục cho giống nòi, non sông được nữa sao ?

Hỡi ôi ! hồn đi đâu vắng ? sao chẳng về mau, đem chỉ cả tài cao, phụng thờ chính nghĩa. Đầu óc ấy không thể làm li mải kiếp vong nô.

Về mau ! về mau ! quốc hồn ơi. Sao chẳng biết soi gương lịch sử của Tiên nhân : Nào Lê-

Thái-Tổ đuổi giặc Minh ; Nào Hung Đạo Vương diệt Mông Cổ.

Về mau ! về mau đi ! quốc hồn ơi ! Hãy trông gương những nước láng giềng. nào Trung-quốc khởi nghĩa Võ-Xương ; nào Nhật bản huy hoàng ở Lữ-Thuận. Nghìn người muốn người, nếu chúng ta biết đồng tâm cộng lực, vào việc diệt thù cứu nước, tất nhiên nhân dân thế giới đều phải thán phục mà nói rằng :

«Đã đến lúc dân tộc Việt-Nam quật khởi, giành lại đất nước quê hương, không còn cam chịu cúi đầu làm nô lệ cho người Pháp nữa».

Hỡi quốc dân đồng bào ! Tôi hy vọng rằng : Anh hồn thiêng liêng của tổ quốc bốn ngàn năm lịch-sử, sẽ nhờ khí oai hùng của con dân nước Việt hà hơi tiếp sức mà sống lại.

DECAPAN

THUỐC THOA.CHUYÊN
TRỊ CÁC BỆNH NGOÀI
DA.

Đã đến lúc chúng ta không thể cam tâm, cúi đầu làm nô lệ mãi cho giống người lòng lang dạ hổ hành hạ dày vò chúng ta mãi.

Bài dịch theo thể văn song thất lục bát

Hôm nay ngày. . . tháng. . . năm... con dân nước Việt Nam là Nguyễn-Thượng-Hiền kính cần dâng tấm lòng son, nặng bầu huyết hận, chiêu hồn Nước mẹ Việt-Nam mà thưa rằng :

Dù cương giới nhỏ to có khác,
Riêng quốc hồn, có nước nào không,
Vậy mà đau đớn cõi lòng Việt-Nam nước mẹ như không có hồn,
Gẫm suy lại quốc hồn còn đó,
Chỉ tại người mình quá ngu mê ;

Mịt mù tiếng thị điều phi
Lợi danh chỉ những ham bề giành nhau.
Kẻ nịnh hót xôn xao đặc ý ;
Đường nghĩa trung vừa thấy, tránh xa ;
Thương đau thấy kẻ nước nhà
Vinh thân vui thú, phi giá thỏa lòng.

Lúc địch quốc thể cùng lực bại

Rõ cơ trời thuận lợi về ta,
Hợp quần, giành lại nước nhà,

Ngoan cường tranh đấu tiêu ma giặc thù.
Cớ sao chỉ mịt mù cảm lạnh ?

Sớm lại chiều ngọt giọng nịnh đưa
Theo thù, trăm kẻ ganh đua

Vì nòi ứng nghĩa, trông chưa một người

Thảm thiết nhỏ sống đời đau nhục

Mà xem ra dân nước biết đâu

Trách chi được lũ giặc thù
Xem mình heo chó, dễ hầu khác chi.

Ôi ! Nước đó, hồn đi đâu tá ?

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG

ĐAU NHỨT, CẢM CÚM

Trèo lên cao, miệng há kêu
 tên :
 Đông Kinh, Tây-Cống mầu
 miến
 Diễm-Hoan, Hương-Ngự dải
 liền nước non.
 Há không một tâm hồn
 nghĩa sĩ
 HÁ không người nặng
 nghĩa «di dân»
 Trì khu quốc nạn ưu cần
 Nước non rửa sạch muốn
 phần nhuốc nhơ
 Hồn tỉnh chưa ! Chần chờ
 chỉ nữa
 Về mau đi ! . Phò trợ non
 sông
 Hiên ngang kinh khí anh
 phong
 Có sao đầu cúi cam lòng
 vong nô
 Về, về mau ! Nhớ xưa Tiên
 tổ,
 Nhớ vua Lê diệt lũ quân
 Minh
 Cầm Hồ truyền tiếng ny
 linh
 Nhớ vua Hưng-đạo ra binh
 mấy lần
 Về, về mau ! Trông lân bang
 quốc
 Kia Trung-hoa thế nước
 phần hưng

Kia trông Nhật-bản riêng
 vùng
 Khắp nơi thế giới anh hùng
 xưng danh
 Ngàn muôn người kết tình
 tâm lực
 Càng chung lòng mưu chước
 càng cao
 Khiến cho Thế giới trông
 vào :
 «Việt-Nam Dân-tộc tôi trao
 phần hưng
 Tiếng giành độc lập vang
 lừng
 Phải đấu chịu mãi trong
 vòng thuộc Tây»



Hỡi đồng bào lòng này giải
 tổ,
 Bốn ngàn năm nước tổ hồn
 thiêng
 Những mong tráng chí vươn
 lên
 Hồn ơi sống lại, linh thiêng
 hãy về
 Lễ đầu chịu chết một bề
 Cam-đời tôi mọi bề soi
 lang.



NANG TIÊN CÂY TÁO

Truyện cổ xứ Bohémie

TRỤ VŨ thuật lại

THỬU xưa có hai ông vua.
 Một ông vua thì minh triết, nhân
 từ, được cả thần dân mến
 yêu, một ông vua vốn là phù
 thủy thì ngu si và độc ác, luôn
 luôn gieo tai rắc họa cho mọi
 người. Ông vua này thù ghét
 ông vua tốt vì những đức tính
 rạng rỡ của đối phương, và
 lòng thù ghét đó càng tăng vào
 lúc ông vua tốt cưới được
 người con gái mà chính ông
 cũng từ lâu thầm yêu trộm nhớ.
 Bấy giờ ông vua xấu bèn thề
 sẽ trả thù và để có thể thực
 hiện điều đó, ông cưới một
 người đàn bà cũng phù thủy
 như ông nhưng tài ba còn cao
 siêu hơn ông và lòng dạ còn
 độc ác hơn ông. Ông vua tốt có
 một người con trai, hoàng tử
 Chourina, khôi tuấn, anh hùng
 và cũng minh triết, nhân từ
 như vua cha vậy.

Một hôm hoàng tử Chourina,
 trong một cuộc săn bắn, say
 mê theo đuổi một con nai đẽ
 rồi lạc mất bọn tùy tùng. Thừa
 cơ hội đó ông vua phù thủy
 bèn hóa thành rồng nhảy tới
 chụp lấy đối phương.

Vào buổi tối con quái vật trở
 về đến cung điện của nó, ngậm
 trong cái mồm khổng lồ chàng
 hoàng tử con trai của kẻ thù,
 giờ đây đã kiệt lực, tả tơi.
 Những kẻ có mặt ở trong cung
 điện đã đón tiếp sự trở về của
 con quái vật bằng những tiếng
 reo hò mừng rỡ. Ông vua phù
 thủy, sau khi đã «nhả» chàng
 hoàng tử xuống nền cung điện,
 bèn hiện nguyên hình, chống
 nạnh mà nhìn, «đưa con của kẻ
 thù» bằng đôi mắt đỏ như hai
 cục lửa. Về phần chàng hoàng
 tử, những tiếng reo hò
 la hét đã làm chàng tỉnh lại ;

mở mắt ra, chàng thấy những bộ mặt độc ác và thù hận bao quanh ; tuy nhiên trong số đó, nếu từ ông vua phù thủy cho đến bà vợ (cũng phù thủy) và hai cô gái đầu đều tiếp đón chàng với bộ mặt dữ dằn thì trái lại, riêng một thiếu nữ trẻ tuổi — mà chàng tin ý đoán ngay ra là nàng Công Chúa Út — lại không «tham dự» vào cái không khí chung rất dữ dằn man rợ và kinh tởm đó, đã giữ một gương mặt nghiêm trang và nhìn chàng bằng đôi mắt xót thương dịu dàng.

Sau đó người ta đưa chàng hoàng tử vào nhốt trong một cái hầm tối tăm dơ bẩn và chỉ thí cho chàng mỗi ngày một mẩu bánh mì mốc và một bát nước lạnh cầm hơi,

Song mỗi buổi tối, Otolienka, nàng công chúa út nhân từ, đã lên đem đến cho chàng Chourina một bình rượu ngon và những đĩa thịt rừng thơm béo vì nàng đã đem lòng thương yêu chàng ngay từ phút giây gặp gỡ đầu tiên. Một hôm ông vua phù thủy lấy làm ngạc nhiên mà nhận thấy rằng, thay vì gầy ốm, gầy tù nhân của ông ta vẫn sồn sò khỏe mạnh ! Ông ta bèn sai gọi chàng đến trình diện mà hùng hổ bảo rằng :

— Này cái thằng chó con kia ! mi đã ăn hại của ta nhiều quá rồi, ta đâu có nợ nần mi mà phải nuôi mãi một cục nợ như rứa ! Bây giờ ta bắt mi phải làm việc. Mi hãy đi theo con đường mòn trước mặt kia, dẫn đến một khoảng rừng thưa. Mi hãy đem theo một cái cuốc và trồng lấy cho ta một trăm gốc mận. Ta muốn một trăm gốc mận đó phải mọc lên, sinh hoa và kết trái trong vòng một đêm. Sáng mai, mi hãy đem mận chín về cho ta; bằng không mi hãy liệu lấy cái thần hồn !

Chourina vâng lệnh ra đi, lòng nặng trĩu con tuyệt vọng. Đến khoảng rừng thưa, chàng bắt đầu cuốc như một cái máy. Nhưng chỉ một lát, chàng đã chán nản ném cây cuốc xuống đất, ôm đầu than thở :

— Dù ta có nỗ lực thế mấy cũng là vô ích. Thời dành chịu chết thôi !

Thốt nhiên chàng nghe một giọng trong trẻo vang lên :

— Chourina ! Chourina ! Em được sai đem đến cho chàng một bát thịt cóc để dùng bữa ăn trưa, nhưng sm đã liệng nó đi rồi. Đây là thịt heo ram và bánh mì «mới ra lò còn nóng

đây». Anh hãy ăn đi, anh về đi !

Đó là Otolienka, người thiếu nữ đẹp nhất trần gian. Chourina tiếp đón nàng với niềm vui và hy vọng, và kể cho nàng nghe đầu đuôi tự sự về công việc chàng phải làm, nhưng cô công chúa út đã cười vui vẻ :

— Chàng cứ việc yên tâm mà dùng bữa đi ! Em đã tiền liệu mọi việc và đã lên đánh cắp chiếc đĩa thần của mẫu hậu, nó sẽ giúp chàng hoàn tất cái công việc khó khăn kia đúng hạn kỳ !

Thế là đôi lứa trẻ tuổi ngồi lại bên nhau và bắt đầu dùng bữa ăn trưa với thịt heo ram giòn và bánh mì vàng rộm, vừa ăn vừa cười nói vui vẻ. Sau đó Otolienka cầm chiếc đĩa thần gõ lên mặt đất, và lập tức, những cây mận bắt đầu mọc lên một cách kỳ diệu để rồi chỉ trong thoáng giây sau, đã trở thành những gốc mận sum suê. Đoạn nàng chuồn đi sau khi đã chúc chàng may mắn.

Chourina ở lại một mình nơi khoảng rừng thưa và suốt đêm đó chàng đã thức để hết nhìn những gốc mận lại đến nhìn những vì sao trên trời mà nghĩ

đến người yêu xinh đẹp.

Sáng hôm sau, ông vua phù thủy đã ngạc nhiên đến tuyệt nữa thì vuốt cằm luôn cả cục xương gà trong bữa ăn sáng khi mà Chourina xuất hiện, đi vào với một giỏ mận chín vàng trên tay.

Ông hàm hừ nói :

— Được lắm, được lắm. Nhưng mà bọn phạm của mi chưa xong đâu. Bây giờ ta sai mi, hãy trở lại nơi khoảng rừng thưa đó và trồng cho ta hai trăm gốc nho. Và sáng mai mi phải đem về đây cho ta một giỏ nho chín !

Chourina sợ đến run cả người khi nghĩ rằng lần này Otolienka sẽ quên chàng. Nhưng chẳng bao lâu, nơi khoảng rừng thưa, giọng trong trẻo của nàng công chúa lại vang lên :

— Chourina, Chourina, em được lệnh đem đến cho chàng một đĩa thịt rắn nhưng em đã ném bỏ đi rồi. Đây là một con gà tơ thịt rất mềm và đĩa bánh ngọt làm với mận mà chúng ta đã trồng hôm qua !

Hai người bạn trẻ, một lần nữa, lại ngồi ăn uống vui vẻ bên nhau, vừa ăn vừa kể cho

nhau nghe những kỷ niệm thời thơ ấu. Đoạn Otolienka cảm chiếc đĩa phép gõ lên mặt đất và những cây nho liền mọc lên, hớn hớn, xanh tốt. Thoảng một cái, những trái nho tròn mọng đã chũu cành.

Chourina thức trắng một đêm để nhìn những vì sao tung búng khiêu vũ trên vòm trời cao trong lúc mà nàng gió thủ thi kể cho chàng nghe về chuyện Otolienka, người yêu xinh đẹp của chàng.

Sáng hôm sau, ông vua phù thủy đã ngạc nhiên tới nỗi làm rớt bể cả ly rượu bia cầm trên tay : Chourina đã xuất hiện trước mặt ông với một rổ nho đầy, trái nào trái nấy no tròn, chín mọng.

Một lần nữa, ông vua phù thủy lại hăm hừ nói :

Được lắm, được lắm ; nhưng mà mi chớ quá tự tin ở cái tài tháo vát của mình vội ! Ta còn một việc cho mi làm đây : hãy đi tới khoảng rừng thưa, nghiền ba tảng đá bên cạnh cây lệ liễu ra thành bột để... làm bánh mì cho ta ! sáng mai, ta muốn có một ổ bánh lớn và dòn !

Chourina vừa bước chân đi vừa ca hát. Mụ phù thủy nhìn

theo chàng bằng cặp mắt hung ác và ngờ vực. Câu chuyện gió mạn và rổ nho đối với mụ thật đáng ngờ. Mụ lên tiếng bảo chồng :

— Ông à, tôi nghĩ là Chourina không thể làm được những việc phi thường đó một mình. Lần này tôi sẽ đích thân mang đồ ăn bữa trưa cho nó, còn con bé Otolienka thì...

Ông vua phù thủy ngắt lời vợ :

— Bà nói gì thế ? Bộ bà điên rồi hả ? Otolienka là đứa con gái ngoan của chúng ta, làm sao bà có thể nghi nó được ?

Nhờ lòng tin của ông bố vua phù thủy mà thêm một lần nữa Otolienka lại được sai đến với Chourina. Thêm một lần nữa, Chourina lại được nghe cái giọng trong trẻo của Otolienka vang lên vào buổi trưa hôm đó :

— Chourina, Chourina, em được lệnh đem đến cho chàng một đĩa thịt kỳ nhông nhưng em đã ném bỏ đi rồi. Đây là một tô thịt thỏ rất mềm và một đĩa bánh ngọt làm bằng bột mì và nho tươi mà chúng ta đã trồng ngày hôm qua !

Hai người bạn trẻ ngồi lại bên nhau ăn uống ngon lành và

trong bữa ăn Otolienka đã kể cho Chourina nghe về sự nghi ngờ của bà mẹ phù thủy của nàng. Sau đó, chàng và nàng đi đến quyết định là sẽ dắt nhau đi trốn vào tối hôm sau.

Đoạn, cũng như hai lần trước Otolienka dùng chiếc đĩa phép của bà mẹ gõ lên ba tảng đá để biến chúng thành bột mì ; và từ bột mì thành một ổ bánh lớn và dòn.

Sáng hôm sau, khi Chourina đem ổ bánh đến trước mặt ông vua phù thủy, ông này đã ngạc nhiên đến độ suýt tí nữa thì... tự tử vì đã uống trọn cả một hũ rượu đặt trên bàn.

Vừa say tí bở ông ta vừa lè nhè nói.

— Hừ ! Thôi đi đi, thằng nhỏ ! Đi nghỉ ngơi đi. Ta nhìn nhận là mi... hừm... không đến nỗi tệ lắm !

Khi Chourina vừa khuất dạng, ông vua phù thủy quay lại nói cho vợ biết quyết định của mình là nội trong đêm nay sẽ đem luộc «thằng nhỏ» trong cái vạc dầu của ông !

Mụ vợ phù thủy bủi môi đáp :

— Nếu ông mà nghe lời tôi

thì «thằng nhỏ» đã bị buộc chín từ lâu rồi, đâu còn tới ngày nay để làm ông cứ phải lo lắng bức mình mãi như thế này !

Rất may cho Chourina là Otolienka đã đoán được tất cả.

Nàng bèn báo trước cho Chourina biết là chính nàng sẽ nhận lãnh cái phận sự luộc người đó và dặn chàng hãy yên tâm.

Vào lúc nửa khuya, lúc đầu trong vạc bắt đầu sôi, thay vì thức ông bố vua-phù-thủy dậy, Otolienka len lén mở cửa nhà giam cầm tay Chourina dẫn ra ngoài. Nàng khẽ nói vào tai chàng :

— Chàng hãy hứa với em, là sẽ yêu em trọn đời nhé !

Chourina vội vàng hứa với tất cả nhiệt tình. Bây giờ, với chiếc đĩa phép Otolienka bèn vạch lên mặt đất một vòng tròn nhỏ lên đó một bể nước bột, đoạn sau đó làm phép tự biến và biến Chourina thành hai con bọ câu, vô cánh bay vù ra cửa sổ.

Một lúc sau ông vua phù thủy thức giấc lên tiếng gọi Otolienka :

— Otolienka, Vạc dầu đã sôi chưa hả con ?

Bãi nước bọt trong cái vòng tròn do chiếc đĩa phép vạch ra ban nãy lên tiếng đáp :

Dạ sôi dạ sôi !

— Otolienka, con chưa dậy sao ?

— Dạ dậy, dạ dậy !

Đến phiên mẹ — hoàng-hậu-phù thủy lên tiếng bảo con gái :

— Ofolienka, đem chiếc áo dài đến cho mẹ !

— Dạ, lát nữa ! dạ, lát nữa !

Tức giọng trả lời lững khững của Otolienka, mẹ phù thủy nổi nóng la lên :

— Coi kia. cái con khỉ, sao hôm nay mày có vẻ ngơ ngác như mất hồn thế hả con ?

La xong mẹ vùng dậy rào bước xuống bếp, nơi để cái vạc dầu mà vợ chồng mẹ đã ra lệnh cho nàng con gái út đun sôi lên để họ có thể đem cuộc sống gã tù nhân con trai của thù nhân họ ; nhưng, hỡi ôi ! mẹ đã không nhìn thấy ai cả, cả con gái cung lẫn kẻ thù. Vốn là phù thủy cao tay, mẹ đoán biết ngay sự thật. Giận dữ, mẹ

toác hoác cái mồm rộng tỏa loa như cái ống nhỏ, hét lớn vào mặt ông chồng :

— Nay ông già lù lẩn, thế là con gái cung của ông đã dắt «thằng nhỏ» trốn đi mất rồi ! Ông còn tin nó nữa không ? Thật là tức chết đi được !

Ngừng lại một giây để thở hồng hộc lên vì tức giận, mẹ phù thủy lại cất cái giọng the thé mà thúc dục chồng :

— Kia, ông còn chờ gì nữa mà không đuổi theo bắt chúng nó lại ? Bộ ông mất hồn mất vía rồi à ?

Ông vua phù thủy, vừa tức vừa thẹn, vội rùng mình một cái biến ngay ra thành một đám mây trắng mà bay vọt lên trời nhằm đuổi theo cặp trai gái bòn đào.

Đúng lúc đó, ở một vùng trời xa nhiều dặm, Otolienka lên tiếng nói với người bạn đồng hành :

— Chàng ơi ! nguy rồi ; em nghe nóng ở má bên trái, đó là điềm triệu chứng tỏ là có người đang đuổi theo chúng ta Chàng hãy quay lại nhìn phía sau thử xem ?

— Anh chỉ thấy một đám mây trắng bay về phía chúng ta

— Vậy thì chúng ta hãy dừng bước lại đây.

Otolienka dùng chiếc đĩa phép gõ lên mặt đất và lần đó biến hóa thành một cánh đồng lúa trong lúc Chourina thì hóa thành một bác nông dân.

Đám mây trắng hạ xuống đất, ông vua phù thủy lấy lại hình người và lên tiếng hỏi :

— Nay chú kia, chú có nhìn

thấy một cặp trai gái sang trọng và xinh đẹp chạy qua đây không ?

— Thưa không ạ ! Từ ngày cánh đồng lúa này bắt đầu gieo mạ cho tới nay tôi không hề thấy một người nào đi ngang đây cả.

Ông vua phù thủy, mặc dù tất cả pháp thuật cao cường của ông, vốn không phải là kẻ sáng trí cho lắm, và ông ta đành lủi thủi ôm hận trở về cung điện

(Còn 1 kỳ nữa)



● One swallow does not make a Summer.

Une hirondelle ne fait pas le printemps.

Tương đương với câu : « Một cây làm chẳng nên non ».

TỤC NGỮ ANH, PHÁP



VÔ THUẬT

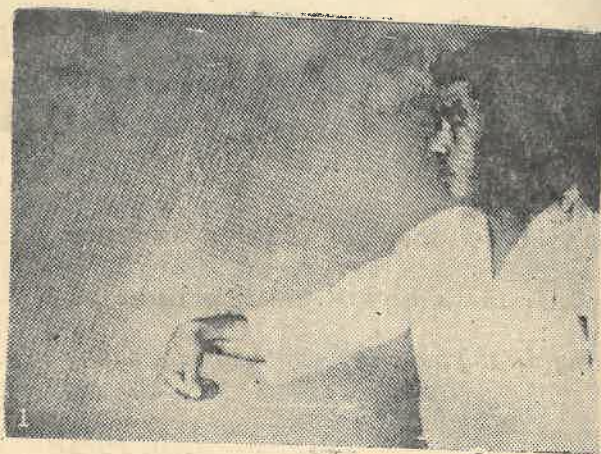
TRẦN-TUẤN-KIỆT biên soạn

(Tiếp theo P.T 253)

Xử dụng nội lực trong hướng nghịch lại.

Các hình sau đây, sự đề khí gần như vận chuyển về hướng

của Robayashi nhưng thật ra không phải thế chỉ 1 cái xoay mình Robayashi đã kéo địch thủ về chúm nhủi qua 1 bên.





Hướng dẫn sự đề khí qua nhiều luồng khác nhau.

Trong các hình sau đây Robayashi đã xử dụng sự đề khí của mình qua nhiều hướng khác

nhau như trong hình, Robayashi đề khí trong tay phải rồi cùng như trong tay trái qua nhiều hướng khác nhau. Nhưng cuối cùng, Robayashi tự khí lực kéo địch thủ xuống sàn nhà.





Hướng nội lực ra ngoài và dùng cán tay vận chuyển nội
xoay vòng tròn.
Cái hình này chỉ Robayashi lực xoay vòng địch thủ.

Hương còn say bướm

Hồn xanh lạc suối tơ xanh.
Tuyết lê mát lạnh trầu canh chiêm bao.
Yếu anh riu-rít mời chào.
Thuyền say ngáy-ngất rạt vào bến mê.



Đào nguyên ai lấp lối về.
Miền-nam, thêm-thiếp, đề mê, lạc thần.
Hồn xanh về nhập tiền-thần.
Hương còn say bướm tình Xuân say trời.



Đêm khuya nghe tiếng ai cười.
Dưới trăng huyền-ảo như người như ma.
Gót sen thoăn-thoắt trong hoa.
Hỏi nàng, nàng bảo rằng ma hóa người.

VIỆT-XUÂN



Gửi Duyên Sơn

Gặp nhau đành rất ít.
Thương nhau tưởng đã nhiều.
Ba chén cùng say tit,
Ngâm vang trời phiêu-phieu.

VIỆT-XUÂN

Truyện dài đường rừng

CHIẾC VÒNG CỨU MỆNH

● của MẠCH-QUẾ-HƯƠNG

HỒN lễ của kỹ sư Hoàng-Ngọc và sơn nữ Diệp-Mộng-Quyên được cử hành trọng thể tại biệt thự Hoàng-Hoa.

Trong buổi dạ tiệc tung bưng, giữa những lời nồng-nhiệt chúc mừng, giữa những tràng pháo tay vang dội, khách bằng quan đều thêm muốn hạnh phúc của tân lang và tân giai nhân. Nhưng họ có ngờ đâu tâm hồn của đôi trẻ thiếu niên vừa trải qua một cơn giao động mãnh liệt.

Cô dâu gượng cười qua lớp cười lộng-lẫy mà nghe cõi lòng ray-rứt nhớ thương em, một bóng hình thân yêu vừa đi

vào giấc ngủ muôn đời. Chú rể cũng khổ sầu không kém, chàng bước đi trên xác pháo, trong men rượu nồng nhưng tâm hồn vẫn hướng về miền núi rừng Savannakhet xa-xôi của xứ Lào để nhỏ từng giọt lệ âm-thầm trên nắm mồ chưa xanh cỏ của cô em gái thân yêu, bà con chú bác ruột của vợ chàng.

Và đêm nay, sau khi tiễn chân quan khách ra về, nơi chốn loan phòng yên lặng, họ lật từng trang nhật ký của cô sơn nữ Bích-Chiêu, mà nét chữ chưa nhạt-nhòa với ngày tháng trôi nhanh.

Họ cùng thả hồn về dĩ vãng xa xôi...

Họ thì thầm khấn nguyện :

— Bích-Chiêu em yêu mến !

Anh và chị không bao giờ quên sự hy sinh cao cả của em.

Em có tội tình gì mà phải chôn vùi cuộc đời xuân sắc dưới lòng đất quạnh hiu ?

Và họ dường như nghe một giọng nói mơ hồ đáp lại :

— Em bảo vệ được niềm hạnh phúc trọn vẹn của anh và chị là linh hồn em đã mãn nguyện rồi !

Và từ đấy, một trời thương nhớ bỗng dâng cao...

NÚI rừng Savannakhet đắm chìm trong sự yên tĩnh. Mộng, Quyên thiếu nữ Lào lai Việt đang rời khỏi sơn trại, hấp-tấp tiến về khu vườn được thảo của phụ thân nàng để hái lá băng-bó vết thương cho một du khách vừa lâm nạn giữa chốn núi rừng hiểm hóc thâm-u.

Nàng đang khom lưng hái nhanh những đợt lá xanh bỏ vào giỏ bỗng nghe có tiếng vó ngựa và có người gọi đến tên mình.

Vừa ngừng đầu lên nàng vui biến sắc. Thao-Son, gã cường khấu nổi tiếng hung bạo nhất vùng này đang tiếng về phía nàng.

Hắn gò cương ngựa, vênh mặt hỏi cộc lốc :

— Mộng-Quyên, cô đang làm gì đấy ?

— Nàng ấp-úng đáp :

— Tôi đi bắt sâu bọ.

Thao-Son cười mỉa mai :

— Cô siêng nhỉ ? Tôi ít khi thấy cô chịu khó nhọc như hôm nay.

Đôi mắt hắn ta thoảng vẻ nghi ngờ nhưng hắn cũng đang say ngắm thân hình vẻ nữ của nàng. Hắn tiếp :

— Tiện đây cũng xin nhắc lại việc cầu hôn của tôi. Nếu cô cứ từ chối thì cô đừng mong thoát khỏi vòng tay sắt thép này nhé ! Tôi đã biết giữ lễ, nhã-nhận cầu hôn và hứa dâng tất cả ngọc ngà châu báu mà tôi đã khổ công gom-góp từ lâu mong tạo một nếp sống vàng son cho người đẹp. Nếu cô cứ lần lựa mãi, kẻ tuyệt vọng này sẽ đâm ra liều lĩnh chừng đó cô đừng ân hận.

Mộng-Quyên giận xám mặt khi nghe lời hăm dọa của Thao-Son, nhưng gì nghĩ đến người trọng bệnh đang cần đến thuốc thang nàng giả bộ tươi vui đáp.

— Anh cố đợi một thời gian ngắn, đừng nóng nảy nghe anh ? Có ai cướp mất em đâu mà anh sợ ?

Được lời hứa ồm-ồm, Thao Son như cởi tắc lòng, hắn cười ròn rã, chuỗi cười nghe ghê rợn.

Mộng-Quyên vẫy tay chào tạm biệt hắn rồi tiếp tục công việc.

Nàng rửa thăm :

— Hãy rút đi nhanh cho khuất mắt ta !

Tiếng vó ngựa xa dần, Thao-Son khuất dạng trên đường rừng vắng vẻ

Mộng-Quyên thở phào nhẹ nhõm. Nàng hái đầy giỏ được thảo và trở gót về sơn trại của dòng y-sĩ Pha-Giai phụ thân nàng.

Nàng bước nhẹ lên thang gác của ngôi nhà sàn thân yêu nằm giữa sân trại rộng lớn.

Sau khi nhờ cô em gái Bích-Chiêu giả nhỏ mớ được-thảo trong cối đá trắng, nàng mang cối thuốc sang phòng khách.

Trên chiếc giường tre, phủ tấm chăn bông, khách bị nạn thêm thiếp.

Lão danh y Pha - Giai. với đồ nghề sắc bén, mổ vết thương sâu, gấp mũi tên ra. Máu rỉ thấm ướt vai của khách.

Lão lầm bầm :

— May quá ! mũi tên tuy sâu nhưng không chạm phổi.

Xong, người lau các vết máu, rắc thuốc vào vết thương rồi băng bó kỹ lưỡng.

Người dặn Mộng-Quyên.

— Khách bị mất máu nhiều nên ngắt xỉu vậy mỗi 15 phút con cạy miệng người đồ một muỗng nhỏ thuốc trong chai này và người quay sang Bích-Chiêu.

— Hôm nay cháu đừng lo việc sơn trại hãy ở lại đây phụ với chị, cháu săn sóc bệnh nhân. Cả hai nàng khẽ dạ vâng.

Từ sáng đến trưa hôm ấy cả hai nàng luôn túc trực bên giường khách lạ.

Ánh nắng mặt trời gay gắt làm tan dần lớp sương mù phủ giăng đồi núi.

Mộng-Quyên canh đúng giờ

đồ thuốc cho khách. Bích-Chiều
hơ ấm tay chân chàng. Cả hai
đều lộ vẻ lo âu.

Lồng ngực khách thoi thóp,
hơi thở không được điều hòa.

Bỗng chàng cất tiếng rên khe
khẽ rồi từ từ mở mắt, ngơ-ngác
nhìn hai thiếu nữ sẵn sóc cho
mình.

Chàng thều thào hỏi :

— Đây là đâu ?

Mộng-Quyên và Bích-Chiều reo
lên một lượt :

— May mắn quá !

Rồi Mộng - Quyên đáp lời
khách :

— Thưa ông, đây là sơn trại
của y sĩ Pha-Giai, phụ thân tôi.
Ông bị nạn trong rừng, phụ
thân tôi đã đưa ông về đây cứu
tỉnh.

Bích-Chiều tiếp lời chị :

— Ông đã bị trúng một mũi
tên nơi bả vai, may không phải
là tên tẩm thuốc độc, bác tôi
bảo thế. Ông bị mất máu nhiều
nhưng không sao đâu ?

Khách gật nhẹ đầu :

— Tôi cảm ơn ông cụ, tôi
cảm ơn hai cô lắm.

Lão Pha giai vừa chế xon
một chai thuốc nữa, người
mang qua phòng khách và nhìn
chàng trai trẻ mỉm cười :

— Cậu đã tỉnh rồi à ? Cậu cứ
nằm đây an dưỡng đừng ngại
ngủng điều chi cả. Tôi với cậu
là người đồng hương cơ mà !
Tuy tôi sống trên đất Lào và có
vợ Lào, tôi vẫn không quên
nước Việt. Gặp cậu là người
Việt đến đây tôi mừng quá !

Khách lạ cảm động thốt lời
cảm tạ ân nhân một lần nữa.

Lão Pha-Giai căn dặn.

— Cậu còn mệt, đừng lên nói
nhiều. Khi nào khoẻ hẳn, cậu
hãy kể cho tôi nghe tin tức quê
nhà và kể bước phiêu du của
cậu đến chốn núi rừng nguy
hiểm này.

Lão dặn Mộng-Quyên và Bích-
Chiêu :

— Hai con đồ thêm thuốc này
cho cậu, nửa giờ một muỗng
nhỏ, khi nào cậu ngủ yên thì
thôi. Đã qua cơn hiểm nghèo rồi
đó !

Lão chúc khách an nghỉ rồi
lui vào phòng thuốc. Lão mang
điều thuốc lão ra, châm lửa,
ngồi kéo mấy hơi dài, tỏ vẻ đặc
ý. Chôm râu dưới cằm phất-

phơ, gương mặt hiền từ, vui vẻ,
lão ngồi trầm tư theo khói
thuốc trông phong nhã như
một tiên ông nơi thạch động.

Suốt đêm hôm ấy, khách bị
vết thương hành-hạ đau nhức,
đến hôm sau, được thay băng
chàng mới cảm thấy đỡ đau
chút.

Chàng nghe đôi mi nặng trĩu,
sụp xuống và ngủ một giấc dài
mệt mỏi.

Đến xế chiều chàng mới tỉnh
hắn và nhớ uống thêm một thứ
thuốc khác, chàng thấy đã khỏe
khoản hơn.

Thấy chàng lần lần dịu cơn
đau, Bích-Chiều vội mang chiếc
va li nhỏ đặt trên ghế cạnh bên
giường chàng và lễ phép thưa :

— Hành trang của ông chúng
em đã nhờ người nhà đi tìm
gặp và mang về đây. Những
mũi tên bén nhọn đã xuyên
thủng lớp da. Khi này em nhìn
bất rợn người. Đã nhờ xong tất
cả trên hai chục mũi tên đó ạ !

Khách cảm động đáp :

— Tôi đã làm nhọc lòng hai
cô quá ! Biết bao giờ tôi trả
được ân này ?

Cùng lúc đó Mộng - Quyên
lưng một tách sữa tươi vào,

sữa còn bốc khói nghi-ngút.

Dáng điệu tự nhiên như một
nữ y-tá (hôm nay nàng bận âu
phục, áo ngắn tay và váy
bùng rên) nàng đặt tách sữa lên
chiếc bàn con, kéo ghế ngồi
xuống bên giường và nhìn
chàng đứng sữa.

Nàng vui vẻ bảo :

— Ông để em đồ sữa cho nhé !

Rồi không đợi khách đáp,
nàng khuấy sữa lên, đồ từ
muỗng cho chàng.

Bích-Chiều rũ nhẹ nắp va - li
một tấm danh thiếp nhỏ, cài
bên ngoài, rơi xuống đất. Nàng
cầm lên đọc :

Kỷ-sư Hoàng-Ngọc.

Hoàng-Ngọc ! Hai tiếng ấy
bỗng rung động vào tim nàng.
Nàng có thiện cảm ngay với mỹ
danh của khách.

Hoàng-Ngọc ! Nàng lần bấm
lần đầu tiên tên chàng trai lạ.

Bỗng Mộng-Quyên gọi :

— Bích-Chiều em ! Em pha
cho chị một tách trà nóng nhé !

Bích-Chiều vâng dạ rồi kín
đáo dấu tấm danh thiếp, bước
nhanh ra pha trà. Bích-Chiều
nghe đôi má nóng bừng vì đây

là lần đầu tiên nàng cắt đầu tấm danh thiếp của một thanh niên xa lạ. Nàng cũng không hiểu tại sao nàng quý tấm danh thiếp kia và có ý định cắt đầu để làm gì? Nàng trân trọng giữ nó và không muốn trao lại cho Hoàng-Ngọc, nàng không hiểu nội tâm nàng ra sao nữa.

— Một tuần lễ sau, Hoàng-Ngọc đã đỡ nhiều, chàng đi khắp phòng và có thể ngồi lâu, tiếp chuyện với Lão Pha-Giai.

Lão Pha-Giai có rất nhiều thiện cảm với khách, người tâm sự cùng chàng

— Tôi tên là Diệp - tuấn-Phuong, quê ở Long-Xuyên. Tôi sang đây lập nghiệp đã lâu rồi. Nhà tôi quê đời từ khi Mộng-Quyên lên 12 tuổi. Tôi gửi nó ăn học tại Nam-Vang, nơi nhà chú thím nó. Ngày xưa, mỗi năm nó chỉ về đây một lần trong dịp nghỉ hè Bích-Chiêu là cháu gái tôi, gọi tôi bằng bác.

Mộng-Quyên và Bích-Chiêu đều là nữ sinh Lycée Siso-Wath.

— Theo cháu nhận thấy hai cô đều rất thông minh, vui vẻ.

— Tôi có ý định sẽ cho hai cháu du học. Nhưng ở đời, trời chẳng chiều người. Một tang buồn đã xảy đến cho gia đình tôi.

— Sao thế hở bác?

— Ba má Bích-Chiêu đã bỏ mình trên sông Cửu-Long trong một chuyến buôn trâu bò khi có ý định trở về thăm viếng quê nhà. Cả hai đều biệt tích sau trận cuồng phong làm đắm mấy chiếc thuyền to chở khâm trâu bò.

— Thật là tội nghiệp cho Bích-Chiêu.

— Tôi phải đến Nam-Vang sang tiệm buôn của em trai tôi cho người khác và rước hai chị em nó về đây đã hơn một năm nay.

Vừa lúc đó Bích-Chiêu dọn cơm trưa tại phòng khách.

Hoàng-Ngọc dự buổi cơm thân mật đầu tiên trong gia đình Pha-Giai. Chủ, khách vừa dùng bữa, vừa tiếp tục đàm luận.

Hoàng-Ngọc bảo.

— Thưa bác, quê cháu cũng ở tỉnh Long - Xuyên. Đây là duyên trời đưa đây cho cháu du lịch sang đây và gặp bác là người đồng tỉnh nhà. Thật còn nỗi vui mừng nào hơn! Ân sâu của bác đối với cháu, cháu nguyện đến thác còn ghi.

— Cháu đừng ái-ngại chi cả

Trong cơn hoạn nạn giúp nhau là lẽ thường.

— Mộng-Quyên khá ái xin vào câu truyện:

— Em hằng ước ao có dịp được trở về Việt-Nam. Em nghe ba em tả cảnh quê nội và đời sống của dân Việt em thấy có một sợi dây vô hình ràng buộc linh hồn em với miền quê nội thân yêu. Bích-Chiêu cũng thấy lòng cảm xúc khi nghe Mộng-Quyên nói đến quê hương mà nàng chưa có lần đặt chân đến nàng cũng nói góp vào một câu duyên dang:

— Nếu ba má em không gặp tai nạn thì em đã sống yên vui nơi quê nhà rồi, chớ đâu có làm cô sơn nữ nơi trồn núi rừng âm u này.

Hoàng-Ngọc đáp:

— Tôi rất thương tâm khi nghe bác đây kể lại truyện gia đình ba má cô. Tôi cũng khuyên cô đừng buồn vì trên đời này hóa công đã sắp sẵn định mệnh mỗi người, không ai cãi được.

Lão Pha-Giai tiếp.

— Từ khi em ruột tôi qua đời, tôi không còn thiết gì đến công danh, sự nghiệp. Tôi sống nơi

sơn trại, vui đời, ăn-dật, đem chút tài mọn cứu giúp kẻ ốm đau, rồi lo tu tâm dưỡng tánh

— Thưa bác, đời sống của bác thật là thanh cao. Bác đã giúp ích nhiều cho đồng loại, thật không hổ mặt bác nhân tài.

— Có chi đâu cậu! Đó là tôi chỉ tìm một lý tưởng cho lẽ sống.

— Đời cháu vừa trải qua một sự chán chường, một cơn thử thách nên cháu mới viễn du để quên hận.

— Cháu còn trẻ, tương lai còn dài sao cao cháu lại có vẻ bi quan thế!

— Bác hỏi cháu mới tỏ bày chút nỗi niềm riêng tư. Cháu đã sang Pháp du học, cháu cố tâm đem chút ít sự hiểu biết của mình giúp quê hương tiến kịp với các nước bạn văn minh.

— Ý tưởng của cháu rất hay rất đẹp.

— Cháu thấy bên nước Nhật các làng mạc xa-xôi ở các vùng núi đồi hẻo lánh cũng có đầy đủ tiện nghi về thủy điện. Cháu có mong ước sao cho nước nhà cũng tiến tiến như thế nên cháu chọn học ngành thủy điện.

— Tương lai và nguyện vọng rõ ràng, tại sao cháu lại bị quan ?

— Trước khi du học cháu có đính hôn với một nữ học sinh, cô Hồ-Thanh-Thủy. Chúng cháu rất thương yêu nhau. Gia đình ba má Thanh-Thủy ở Saigon. Hai bên cha mẹ đã đồng ý khi nào cháu trở về nước sẽ làm lễ thành hôn.

— Hạnh phúc đã đến đây đủ với cháu rồi còn gì ?

— Máy năm đầu cháu thường tiếp được thư nàng luôn luôn khuyến khích cháu trên đường học vấn. Đến niên học cuối cùng của cháu bỗng nhiên nàng bặt tin.

— Nàng có đau ốm chi chăng?

— Cháu ngỡ rằng cháu sắp về nước nên nàng gián đoạn tin tức để cho cháu mong nhớ nhiều và như thế ngày gặp gỡ mới thú vị. Những bức thư nàng gửi cho cháu trước đây chứa chan tình yêu mến. Cháu xem như bảo vật trong đời cháu.

Mỗi tinh đầu của cháu êm đẹp biết bao !

— Không ngờ ngày cháu đáp phi cơ trở về quê nhà, cháu mới

hay tin nàng đã ôm căm sang thuyền khác.

— Sao nàng lại nói độc với cháu vậy ?

— Trời ơi ! cháu thật không ngờ. Lời thề non hẹn biển còn kia, tại sao nàng phụ cháu mà không một lời tiếng giả từ ? Cháu muốn biết chồng nàng là ai ?

Ba má cháu buồn lòng cho biết nàng đã là vợ của một thương gia Pháp giàu nhất nhì ở Saigon. Thế là hết, tiền bạc đã thay đổi lòng dạ con người.

Nói đến đây Hoàng-Ngọc run giọng vì đốn đau, vì bức tức. Mộng-Quyên và Bích-Chiêu cúi đầu, xúc động trước sự đau khổ của chàng. Lão Pha-Giai an ủi chàng.

— Cháu hãy nhớ thời gian làm phương thuốc làng quê. Đời cháu còn trẻ, tương lai cháu còn nhiều hứa hẹn, bác tin rằng Trời sẽ ban phúc cho cháu mai sau.

— Xin đa tạ bác.

— Bác rất thông cảm về chuyện lòng của cháu. Từ đây cháu hãy xem Mộng-Quyên và Bích-Chiêu như là em của cháu. Đừng gọi nhau bằng « Ông » bằng « Cô » nghe xa lạ lắm. Cháu cứ xem nhà này như là

nhà của ba má cháu, cháu là quý khách của bác đây.

— Xin muôn vàn cảm tạ tấm chân tình của bác. Từ hôm bị nạn về đây, nhờ sự tận tâm của bác và nhờ sự giúp đỡ của hai em Mộng-Quyên và Bích-Chiêu, cháu thấy cũng bớt buồn.

Bích-Chiêu nãy giờ lặng im, đến đây nàng thở thê nói :

Ở đời có nhiều trường hợp hay hay. Chị Mộng Quyên em có giáo sư dạy Physique-Chimie người Pháp, ở Lycée Sisowath đi hỏi cưới. Chị không bằng lòng làm vợ người Pháp. Trái lại cô Thanh-Thủy của anh lại chối bỏ mối tình tha thiết của người trai Việt mà chạy theo người Pháp.

Mộng-Quyên e-thẹn bẹo vai em và nguyệt :

— Ai mượn cô kể chuyện về tôi thế ?

Cả nhà đồng cười lên vui vẻ. Hoàng Ngọc hưởng tia nhìn cảm mến về Mộng Quyên :

— Sao em từ chối lời cầu hôn của giáo sư Pháp ?

— Vì em thấy nước nhà mình bị họ đô-bộ dân tộc Việt-Nam

đã đau khổ vì ách nô lệ từ lâu. Em tuy không làm cách mạng để giải cứu quê hương nhưng em có quan niệm rằng về làm vợ người Pháp, đời sau sẽ nguyên rửa em là « Me Tây » quyền tổ quốc, quên giống nòi.

Hoàng-Ngọc nghe lòng xao xuyến qua lời nói êm dịu, chân hạnh của Mộng-Quyên. Chàng nhủ thầm :

— Có lẽ duyên trời đưa đây cho ta lạc bước đến đây chăng ? Chàng triu-mến nhìn Mộng-Quyên :

— Anh thành thật khen Mộng Quyên đó.

Cả hai trao đổi một tia nhìn giao cảm. Từ giờ phút này chàng nhận thấy có nhiều cảm nghĩ đẹp về cô sơn nữ duyên dáng và khả ái. Hơn nữa, nhan sắc của nàng cũng thật kém chi ai, nàng đẹp như một đóa hoa hồng rực rỡ trong buổi minh minh.

Bích-Chiêu như đọc thấu ý nghĩ thầm kín của Hoàng-Ngọc. Nàng mừng cho chị nhưng nàng cũng thấy một nỗi buồn vô cớ lan nhẹ vào hồn.

(Còn nữa)

NGỌC ANH NỮ - SĨ

đã qua đời

CHÚNG tôi xúc động được tin ngày 10-10-1970 lúc 8 giờ sáng, tại tư thất số 215/A16 đường Chi-lăng, Phú-Nhuận.

NGỌC ANH Nữ-sĩ, đã từ trần hưởng thọ 95 tuổi.

Nhũ-danh là Cao-thị-Hòa, Bút-hiệu trên Tao - đàn là Ngọc-Anh, Nữ-sĩ sinh năm 1877, tại làng Thịnh Mỹ, Phủ Diên-Châu, tỉnh Nghệ-An, Trung-Việt. Bà là ái-nữ của Cụ Đông - Các Đại-Học-Sĩ Cao-xuân-Dục một Đại-Thần rất nổi tiếng ở Triều-đình Huế. Năm 19 tuổi, Bà Ngọc-Anh kết duyên với ông Án-Sát Nguyễn-duy-Nhiếp, (do

đó, trong giới Văn-học hiện đại thường gọi Bà là Cụ Án-Cao).

Bà Ngọc-Anh đã tinh thông Hán-học từ thuở bé, và có thiên tài về Thơ, Vinh được tào nhân mặc khách ở Bắc Hà và Đê-đô rất khâm phục.

Năm 26 tuổi, Nữ-sĩ đã có 3 người con, hai trai một gái, thi ông Án thất lộc. Lần đầu tiên, nhân dịp Tết Nguyên-Đán bà có đăng trong Nam-Phong Tạp - chí của Phạm Quỳnh, vào năm 1926, 4 câu thơ Hán đã công nhiên đưa tên bà lên Tao-dan danh dự:

Đào Hoa Khẩu Chiêm.

*Tích niên lang tháp song
đào thụ.
Kim kiến Đào-hoa bất kiến
lang*

*Giả sử hoa thần như hữu
thức
Vị lang tiêu tụy giảm dung
quang.*

Bài này, tôi đã được đọc trong Nam-Phong, phần Hán-văn, năm 14 tuổi, hồi còn là học sinh Quảng Ngãi.

Hơn Ba chục năm sau, sau, trong Phồ-Thông Tạp-chí, tôi có dịp nhắc lại trong một bài nói về các bậc Nữ-lưu Việt-Nam trong Văn-học hiện-đại.

Lúc bấy giờ Cụ Án Cao ở Đà-lạt, xuống Sài-gòn, có nhã-ý đến thăm Tòa Soạn Phồ-Thông. Năm đó Cụ đã 82 tuổi, nhưng sức khỏe vẫn còn khương cát. Cụ có đọc bài của tôi viết về Cụ, và nhân tiện có trao tôi vài bài thơ Quốc văn do Cụ sáng tác ở Huế, và một tập Thơ «Khuê sầu Thi Thảo» của Cụ xuất bản năm 1953, trong đó có bài:

Ở Trung-Kỳ

*Trung kỳ nấn ná bấy nhiều
năm.
Buồn lại đi chơi mỗi lại
năm.*

*Cũng đủ với đời : tai, mắt,
miệng
Mà cam chịu nỗi điếc, mù,
câm.
Ngh· chi cho một lòng suy-
nghĩ
Nói lắm càng thêm sự lỗi-
lầm
Đã thế thì thôi, thôi mặc
thế,
Hơi đầu chác lầy chuyện
thương tâm*

(Ngọc Anh nữ sĩ.)

Tôi thường so sánh Thơ của Cụ Cao Ngọc-Anh với Thơ của cụ Ưng-Bình-Thúc giả thị ở Huế, và của Cụ Song-Thu Phạm-Xuân-Chi ở Sài-gòn (nhưng quê quán ở Quảng Nam). Ba nhà Thơ Hán Việt nổi danh nhất ở hiện-đại, đã lần lượt từ giả cõi trần. Cụ Cao Ngọc-Anh là người cuối cùng của Thế-hệ Thi nhân uyên-thâm Hán-học. Nay Cụ quy Tiên, thế-hệ ấy không còn ai.

(Tôi không nói đến cụ Á-Nam Trần-Tuân-Khải và Bà Trương-Phổ. Hai nhà Thơ này không làm thơ Hán-tự. Nhất là tác giả duyên dáng, rất là

mộng, của *Giọt-Lệ-Thu* và *Mưa gió sóng tương*, là một nhà Thơ thuần-túy Việt-nam)

Bạn đọc muốn hiểu Nữ sĩ Cao Ngọc-Anh nhiều hơn, xin coi lại Phở Thông Tạp chí số 24, ra 1-12-1959.

Nay Cụ đã qua đời, chúng tôi viết bài này để tưởng nhớ đến Cụ, một nhân tài nữ lưu hiếm có.

Chúng tôi thành kính nghiêng mình trước Vong-Linh Cụ Cao-Ngọc-Anh, bậc Nữ-sĩ tài hoa đáng kính phục.

NGUYỄN-VỸ

Thề-Lệ

GIẢI THƯỞNG VĂN HỌC 1970 CỦA TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Điều 1. — Nằm trong khuôn khổ Giải-thưởng Văn học Nghệ-thuật của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa, Giải-thưởng Văn học 1970 gồm 7 bộ môn sau đây:

a) Biên khảo

1. — Biên khảo về Văn hóa, xã hội, phê bình, lý luận văn học, triết học.

2. — Biên khảo về Việt sử.

3. — Tham luận về Tư tưởng Chánh - trị Đông-Tây hiện đại.

b) Sáng tác

4. — Văn (Truyện ngắn: 1 tập truyện ngắn hay trung thiên; truyện dài; hồi ký tùy bút: gồm nhiều bài đề tài riêng chung một tập hay toàn tập chung một đề tài)

5. — Thơ (Thi tập gồm nhiều bài thơ; truyện bằng thơ;

kịch thơ: 1 tập gồm nhiều kịch thơ ngắn hay một kịch thơ dài).

6. — Kịch nói (gồm 1 kịch nói dài hay một tập gồm nhiều kịch nói ngắn)

7. — Ca kịch (tuồng hát bội; tuồng hát chèo; tuồng cải lương) thời gian diễn xuất tối thiểu 1g30.

Điều 2. — Đề tài tự do, số trang tác phẩm không hạn chế.

Điều 3. — Một tác giả được gởi dự giải nhiều tác phẩm thuộc nhiều bộ môn; có thể là bản thảo chưa xuất bản hay sách đã xuất bản theo những quy định sau đây:

a) Bản thảo chưa xuất bản phải đánh máy một mặt giấy làm hai bản, đóng thành tập tập và ghi số trang, chưa từng được giải thưởng.

b) Sách đã xuất bản tính từ ngày 1.10.69 (ngày khoá sổ nhận tác phẩm dự giải thưởng Văn học 1969) đến ngày 15.11.1970 là ngày khoá sổ nhận tác phẩm dự Giải Văn học năm 1970, căn cứ theo ngày nộp

bản ở Nha Văn-Khố và Thư-Viện Quốc-Gia.

Riêng đối với bốn bộ môn nói đặt Giải thưởng năm 1970 là: biên khảo về Việt-sử, Tham luận về Tư tưởng Chánh trị Đông-Tây, Ca kịch, sách đã xuất bản tính từ ngày 20.7.1954 đến ngày 1.10.1970 căn cứ theo ngày Văn-Khố Thư-Viện Quốc-Gia.

Tác giả dự giải phải có quốc tịch Việt-Nam Hội viên Hội-Đồng chấm giải không có quyền dự giải bộ môn liên hệ.

Điều 4. — Tác giả được tự do đề bút hiệu hoặc tên thật ngay trên tác phẩm dự thi.

Hồ sơ dự giải gồm có:

a) Phiếu xin dự Giải có ghi rõ quốc tịch địa chỉ, bộ môn và tác phẩm dự giải (Mẫu phiếu xin dự Giải có sẵn tại Ban Tổ chức)

b) Tác phẩm dự Giải (2 bản)

Hồ sơ giải thưởng do tác giả đích thân mang đến nộp cho Ban Tổ chức Giải thưởng hay

có thể gởi theo lối bưu kiện bảo đảm ngoài bì đề « Tham dự Giải thưởng Văn học 1970 của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa »

Ban Tổ chức Giải thưởng sẽ cấp biên nhận để làm bằng.

Điều 5. — Ban Tổ chức Giải thưởng thiết lập tại Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, số 8 đường Nguyễn Trung-Trực Saigon lâu 2 (Phòng giấy của Ủy-Viên điều hành Ban Tổ chức)

Điều 6. — Thời hạn chốt nhận tác phẩm là 15.11.1970.

Điều 7. — Giải thưởng Văn học gồm 1 bằng danh dự và một khoản hiện kim chia ra như sau:

a) Biên khảo

1. — Biên khảo về các vấn đề Văn hóa, xã hội, phê bình lý luận văn học, triết học:

Giải nhất : 200.000đ
Giải nhì : 100.000đ
Giải ba : 50.000đ

2. — Biên khảo về Việt-sử :

Giải nhất : 200.000đ
Giải nhì : 100.000đ
Giải ba : 50.000đ

3. — Tham luận về Tư tưởng Chánh trị Đông Tây hiện đại :

Giải nhất : 200.000đ
Giải nhì : 100.000đ
Giải ba : 50.000đ

b) Sáng tác

4. — Văn (Truyện ngắn ; Truyện dài, tùy hời ký)

Giải nhất : 200.000đ
Giải nhì : 100.000đ
Giải ba : 50.000đ

5. — Thơ (thi tập, truyện bằng thơ, kịch thơ)

Giải nhất : 200.000đ
Giải nhì : 100.000đ
Giải ba : 50.000đ

6. — Kịch nói :

Giải nhất : 200.000đ
Giải nhì : 100.000đ
Giải ba : 50.000đ

7. — Ca kịch (tuồng hát tuồng hát chèo, tuồng cải lương).

Giải nhất : 200.000đ
Giải nhì : 100.000đ
Giải ba : 50.000đ

Điều 8. — Tác phẩm trúng giải do tác giả giữ trọn bản quyền. Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa được ưu tiên thương lượng điều kiện để xuất bản lần thứ nhất.

Tác phẩm không trúng giải sẽ trả lại cho tác giả.

Điều 9. — Thành phần Hội-Đồng chấm giải do Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách

Văn-Hóa thỉnh mời và sẽ công bố danh sách sau.

Điều 10. — Kết quả Giải-thưởng Văn-Học sẽ được công bố ngày 31-12-1970.

Điều 11. — Tất cả mọi điều khoản không tiền lệ trong bản điều lệ này sẽ do Ban Tổ-chức và Hội-Đồng chấm giải tùy nghi quyết định.

Về mọi chi tiết, xin liên lạc với Ban Tổ-chức Giải-thưởng theo địa chỉ ghi trên, điện thoại số 92.709

Saigon, ngày 25 tháng 8 năm 1970

PHỦ QUỐC - VỤ - KHANH-ĐẶC - TRÁCH VĂN - HÓA

Nhớ Hà - Nội

Cụ Mai-Lâm Nguyễn-Đắc Lộc là một nhà cách mạng vô kỷ-giả kỳ-cựu ở Hà-nội, di cư vào Saigon sau hiệp định Genève.

Nay Cụ nhớ Hà nội quá,

không làm thế nào hơn là sáng tác bài lục bát sau đây để khuấy khỏa nỗi đau đớn biền-biệt-ly hương Cụ có nhã ý gởi Phở-Thông Tạp chí để ghi lại chút hoài niệm lưu luyến của tuổi già

Hà Nội sông Nhị núi Nùng.
Giang sơn cảm tử non sông
tuyệt vời.
Quê hương cách trở ngàn
khơi,
Càng xa càng nhớ đến trời
Thăng Long.
Trắng thu mây vô nên rồng,
Mặt gương Lăng Bạc soi
chung muôn đời.
Tiếng chuông Trấn Vũ yên
vui,
Nhịp chầy Yên Thái, quãng
chài Cổ Ngư.
Sen Chùa Trấn Quốc thơm
tho,
Cánh chim lá tức gió mưa
gập gù....
Bức tranh sơn thủy chưa
mờ,
Tây Hồ tái tụng nhớ thơ
Chiêu Lý!
Nhớ Trường Bưởi lúc thiếu
thì,
Ganh đua chúng bạn cùng
đi một đường.
Thuy Khuê Quan Thánh
nấu nướng,
Ba thu lẫn lóc đoạn
trường ngày xanh.

Mỗi tình cửa Không sản
Trình,
Biết bao kỷ niệm thư sinh
buổi đầu?
Tin xuân kẻ trước người
sau,
Giấc Nam Kha khéo mang
sầu nước non :
Thi đua oanh yến sắt son,
Chu du đạo khắp, sớm hôm
đi về...
Đường ngang ngõ dọc ngựa
xe,
Xuân thu ngày tháng nặng
nề tình xuân.
Tiện đây kể lại xa gần,
Trăng tròn mới rõ phong
trần cỏ cây!
Kể từ nam bắc đông tây,
Bốn ô năm cửa bao vây Kinh
Thành,
Ngũ hồ mây vẽ nên tình,
Dọc ngang đường xá bức
tranh sơn hà.
Trung tâm Đấu Sảo, Nhà
Ga,
Đi chơi cho biết tỉnh nhà
Thăng Long.
Nhật Tân, Quảng Bá, Bồ
Sông,

Tin xuân kể trước người
 sau.

Giấc Nam Kha khéo mang
sầu nước non

Thi đua oanh yến sắt son,
Chu du đạo khắp, sớm hôm

Đường ngang ngõ dọc ngựa

Xuân thu ngày tháng nắng

Tiền đây kể lại xa gần,

Trăng tròn mới rõ phong
trần cỏ cây!

Kể từ nam bắc đông tây,
Bốn ô năm cửa bao vây Kinh

Thánh,
Nghi ngờ mưu vẽ nên tình

Ngu hồ mây vẽ nên tình,
Độc ngang đường xá bực

tranh sơn hà.
Trung tâm Đấu Sảo, Nhà

Ga,

Đi chơi cho biết tỉnh nhà

Thăng Long.
Nhật Tân, Quảng Bá, Bờ

Ra đi Yên Phụ Nam Đồng Xem Trò Múa Dối, đừng
xa xa... coi chim rìng.
Lên Cầu Giấy Xuống Thái Thứ năm chủ nhật tung
Hà, bình,
Tới O Đống Mác lại ra Ngán năm văn vật Núi Nàng
đường Thành. là đây !
Ngao du sơn thủy hữu tình. Mộ Lê Chất có ai hay ?
Chơi Hồ Trúc Bạch xem Muôn hồng ngàn tia cỏ cây
Đình Cổ Lương. bốn mùa.
Châu long Ngũ Xã, các Vui chơi Quần Ngựa được
đường, thua,
Bến Tràm. Bến Vẽ, lại sang Ngựa xe như nước nô đùa
qua Cầu. . như tình.
Gia Lâm lả lướt một châu, Bước ra nhìn thấy mặt
Quay về Hàng Đậu, Hàng Thành,
Nâu Bến Phà.
Thú vui lên Trại Hàng Hoa, Cột Cờ cao ngất bức tranh
Xem Vườn Bách Thú, Ngọc phong trần.
Hà mới vui...
Chọc chuồng khỉ, rón chuồng nai,
(còn tiếp)

Lên Cầu Giấy Xuống Thái Hà,

Tôi O Đống Mác lại ra
đường Thành

Ngao du sơn thủy hữu tình
Chơi Hồ Trúc Bạch xem

Chơi Hồ Trúc Bạch bên
Đình Cổ Lươg
Châu Long Nữ Xã, cá

Châu long Ngũ Xã, cũ
đường
Bến Tràm. Bến Vẽ, lại san

Bến Trôm. Bến Ve, lại sang
qua Cầu.

Gia Lâm là lướt một châu
Quay về Hàng Đậu, Hàng
Nâu Bến Ph

Nâu Bền Ph
Thú vui lên Trại Hàng Ho
H. Vườn Bách Thú, Na

Xem Vườn Bách Thú, Ng
Hà mới vui
cảnh hưởng khi rộn chườn

Chọc chuồng khỉ, rợn chuồng
n

(còn tiếp)

Nhắn tin

Vũ thùy Ly Tao, T.H. Long-An, xin đến tòa soạn
nhận một thư ở Nha Trang. Hoặc cho địa chỉ.

Tòa soạn



● SAIGÒN. — Tuần lễ Văn nghệ do Phủ Quốc vụ - Khanhh Đạc - Trách Văn - Hóa tổ chức từ 25-9 đến 1-10-70, tại trường Quốc-gia Âm-Nhạc.

Đặc biệt những «đạ-hội Văn-nghệ» Radhé, Jarai, Bahnar, Thái, Nùng, Mán, Nhắng, Chàm, trong đó đáng khen nhất là bản hợp ca Hgor Cing Châr của Radhé, Jarai, ban vũ Dr ông thun Mrảo do các cô H'Leng, H'Num, H'Win, H'Luôn trình diễn, Vũ-điệu Cũ Mũ (múa trống) của 4 cô Vũ-công Thái, bản Song-ca Thái của hai cô Thái Slaoly và Lộ-kim-Nga, ban hòa tấu nhạc cụ Chàm, và trình diễn sắc phục của các sắc Dân thiểu-số.

Người ta thích những biểu-diễn truyền thống của mỗi sắc-thái, hơn là những lối vũ bất chức phần nào các lối vũ Tây-phương.

Rất nhiều cố gắng, rất nhiều ưu diễm, dĩ nhiên những khuyết điểm cũng không phải ít.

Dù sao, đối với những khán giả Việt-nam chưa từng hiểu biết nhiều về các đồng Bào Sơn Cước thì đây là những tiết lộ vô cùng mới lạ, và hấp dẫn.

Chắc cái ban Văn-nghệ của Đồng bào Sơn-cước không mong muốn gì hơn.

Một thỉnh giả phóng viên của Phô Thông tạp chí:

YAYA KAMA KLONG

Kỷ giả NGUYỄN - ANG - CA đã đoạt huy chương vàng trong cuộc thi « WORLD CUP 1970 »



đã về nhứt cùng với kỷ giả của khối Cộng Sản : IMRICH HERNANCEK của báo TIP thuộc quốc gia Tiệp Khắc.

Trước thành tích vẻ vang trong hai năm, chiếm hai Huy Chương Vàng, là phần thưởng cao quý nhất của Viện Báo Chí Quốc Tế. Ông Bà Nguyễn Ang Ca đã được ban tổ chức chánh thức mời sang Nam Mỹ dự lễ phát giải thưởng, sẽ long trọng cử hành vào thượng tuần tháng 10 này.

MEXICO. — Kỷ giả NGUYỄN KIM CANG tức NGUYỄN ANG CA của báo TIN SỚM sau khi được vào vòng chung kết, đã về vang chiếm HUY CHƯƠNG VÀNG « WORLD CUP 70 ».

Có tất cả 25 quốc gia dự giải, và trong số gần 2.000 kỷ giả quốc tế và Mỹ Tây Cơ. Nguyễn Ang Ca của Việt Nam Cộng Hòa

Ba Tây, quốc gia đoạt giải bóng tròn thế giới năm 1970 của VUA BÓNG TRÒN PELE cũng mời kỷ giả Nguyễn Ang Ca sang viếng quốc gia Ba Tây trong vòng 1 tuần lễ.

Đây là huy chương thứ 5 trong suốt 23 năm hành nghề của kỷ giả Nguyễn Ang Ca. Trong số 5 huy chương này, có 2 Huy chương Vàng Quốc Tế.

PHÔ-THÔNG — 254

Văn Nghệ Bình Định

HỌA SĨ

PHẠM ĐÌNH KHƯƠNG

Mùa thu 1960, tại Qui Nhơn, dưới sự chủ tọa của Đại Tá Nguyễn mộng Hùng Tỉnh Trưởng Tỉnh Bình Định và dưới sự bảo-trợ của Hội Văn Hóa Tỉnh Bình Định, Họa sĩ Phạm đình Khương triển lãm họa phẩm của mình.

Như chúng ta đã biết, Họa sĩ Phạm đình Khương sanh năm 1946 tại Nhơn Hưng, An Nhơn Bình Định.

Vào năm 1968 tham dự triển lãm hội họa của Sinh Viên Cao đẳng Mỹ thuật Huế, tại phòng Thông Tin Huế.

Đến năm 1970, tham dự triển lãm Hội-Họa và Điêu khắc do Sinh Viên Cao đẳng Mỹ Thuật Huế tại phòng Thông Tin Huế

Mùa Thu 1970 triển lãm hội họa tại Qui nhơn.

Họa sĩ Phạm đình Khương đã tốt-nghệp Cao đẳng Mỹ Thuật Huế.

Anh đã có một sức sáng tạo phong phú về lượng cũng như về phẩm.

Cuộc triển-lãm được mở ra từ ngày 19 đến 25 tháng 09 năm 1970.

Đã được sự hưởng ứng nồng nhiệt của các giới yêu Nghệ Thuật.

40 họa phẩm đã trải ra một chân trời màu sắc mộng mơ, đậm đà phong thái dân tộc cổ truyền và độc sáng :

- 1 — Tình Đới
- 2 — Luyến Thu
- 3 — Phấn bướm

- 4 — Tâm trang đen
- 5 — Diễm sử
- 6 — Nguyễn cầu
- 7 — Ác mộng
- 8 — Bạc phận
- 9 — Cho người nằm xuống
- 10 — Máu và Lệ
- 11 — Thiên Nga
- 12 — Kiếp bèo
- 13 — Sống ngọt
- 14 — Ngưỡng vọng
- 15 — Người về dưới nguyệt
- 16 — Phũ phàng
- 17 — Nét vũ điệu
- 18 — Người, Nàng và Mặt Trời
- 19 — Gởi cho mây ngàn
- 20 — Trơ vơ
- 21 — Nhạc buồn
- 22 — Đường cùng
- 23 — Bình Minh và Hoàng Hôn
- 24 — Vùng kết hợp
- 25 — Tình Mẫu Tử
- 26 — Niềm Ưu tư
- 27 — Nguyễn Trãi
- 28 — Vào Thu
- 29 — Tháp Chàm (Qui Nhơn)
- 30 — Dưới mưa
- 31 — Hồ Tịnh Tâm
- 32 — Thái Miếu
- 33 — Cung Diên Thọ
- 34 — Dưới bóng
- 35 — Miếu xưa
- 36 — Chiều trên xóm ghe
- 37 — Ghềnh Ráng (Qui Nhơn)
- 38 — Bến Hương Giang

- 39 — Phố Lễ
- 40 — Đò trên sông

Trong 40 họa phẩm ở trên, mỗi một đều có sắc thái riêng, vẻ đẹp riêng.

Chúng tôi thấy nổi bật nhất là họa phẩm SUỐI NGỌT. Họa sĩ minh họa dưới hình thái ấn tượng.

Các họa phẩm theo môn phái này đã làm sáng chói gian phòng.

Chúng tôi xin hỏi họa sĩ, họa phẩm nào ưng ý nhất.

Được họa sĩ cho biết là CHO NGƯỜI NÀM XUỐNG qua cái nhìn say mê, đắm đuối nhưng xót xa cay đắng vô cùng.

Cuộc chiến bao giờ chấm dứt, biết bao người đã nằm xuống cho đất nước này vươn lên !

Chấp tay nguyện cầu cho đất nước sớm thanh bình, dân tộc Việt Nam biết thương yêu nhau phải không họa sĩ PHẠM ĐÌNH KHƯƠNG ?

Qui Nhơn 22-9-1970

LƯƠNG TRỌNG MINH



➔ **Trên nhánh sông mưa**

Thi tập của Trần thị Tuệ Mai, một nữ sĩ đã có 3 tập thơ xuất bản từ 1962.

«Những nỗi dờ dang này

Xin gói bằng hơi thở

Hơi thở chiều sông mưa

Đầy giòng xanh biển biệt.»

(Trên nhánh sông mưa)

Sáng tạo X.B. — 1970 — Sài Gòn

★ **Tình khúc 30**

Thơ của Nguyễn-Phú.

Tác giả xuất bản.

● **Tục thờ cúng**

Của ngư phủ Khánh Hòa

Của Lê - quang - Nghiêm

Giải 1 Biên khảo 1969 của Pen-club V.N

● **Thềm về**

Thơ của Thái tú Hạp

Nhà xuất bản «Thơ».

27 Trần Bình Trọng, Đà-Nẵng

Những người của cảm thông văn nghệ
Những người của tuổi trẻ cấp tiến
Những người của lang thang, bơ phờ, đói rách.
Người ở huế — chưa ở huế — từng ở huế.
ĐỌC CHO KỲ ĐƯỢC :

TẠP CHÍ NHẬP CUỘC

Tờ báo văn nghệ rách nhất Việt Nam

Số một : TÌNH LANG THANG TRẦN HỮU NGHIỆM

số hai : NG-ĐẮC-NGÂN — NG-CANG — L-T-DỪNG —
T-HỮU-NGHIÊM

liên lạc : Trần hữu Nghiễm Hộp thư 77 Huế

● **Sinh Hoạt Văn Nghệ Đan Tay**

Ngày 5-10-70 Tình yêu tuổi trẻ.

● **Thân ái mừng**

hai Bạn Thoại-Nguyên và Ngu-Í

Khai giảng lớp mẫu giáo tại Chợ-Quán, số 102-104B đường
Nguyễn Trãi. Chợ-lớn ngày 3-10-1970

N.V.

● **SOẠN THẢO CÔNG VĂN**

Soạn-giả Lê-Thái-ẤT, giảng-viên Học-Viện Quốc-Gia Hành.
Chánh giáo sư Nguyễn-Văn-Bông đề tựa, do Hội Nghiên-cứu Hành-
Chánh phát hành, số 10, đường Trần-Quốc-Toản Saigon.

Loại sách chuyên môn dành cho công chức, về nguyên-tắc và
thực hành trong việc soạn thảo công văn.

Khi một người gái xứ Quảng-Ngãi chịu «nâng khăn»
một người trai vùng Hà-tĩnh đẻ rồi khai sanh

SUỐI BÙN REO

hay

15 câu chuyện phụ nữ

thì bạn đọc thử nào lại chẳng tìm đọc tác phẩm song đôi
(phải đợi «15 năm ấy...» mới chào đời) của

Thoại Nguyên Nguyễn-Thị-Thoại-Dung

và

Ngu-f Nguyễn - Hữu - Ngu

* Phù sinh

Truyện dài của Phạm Quốc Hùng.

Tủ sách văn nghệ 4, khai phóng

* Đọc trong NGƯỜI MỸ XẤU XÍ (The Ugly Ameri can của W. Lederer, do Lưu Bằng dịch vừa phát hành

— Những vụng về của Mỹ trong chính sách đối ngoại ở ĐNÁ và
Việt-nam

— Những trận kinh hồn giữa Lê-dương và Việt-minh sau khi
Điện-biên-Phủ thất thủ

— Đề hiệu tại sao NGƯỜI MỸ XẤU XÍ làm chấn động dư luận
Mỹ

● Đạo Đức cổ nhân

12 gương xử thế của người xưa trên lĩnh vực đạo đức.

Nguyễn-hữu-Trọng biên khảo.

Nhà X.B. Thanh-Tâm. 110 Cao Thắng Sài Gòn.

BẮT NGẮT MỘT TÌNH YÊU CHO NGƯỜI TRON

thơ tình của một thi sĩ Việt-nam trên đất Mỹ

Thơ phương tấn người trẻ Việt-nam tái bản

Mọi liên lạc với nhà xuất bản và tác giả : 220/150/17 Trương-
Giảng Sài Gòn

● Đời nay

Bán nguyệt Báo THỜI NAY đến ngày 03-10-70 sẽ xuất bản

một tuần báo mới lấy tên là «ĐỜI NAY, tuần báo của những
hoạt mới».

Tuần báo ĐỜI NAY gồm đủ các đề mục và thành phần tin tức,
kiến và giải trí, không ngoài mục đích theo dõi và giới thiệu
các sinh hoạt mọi ngành và khắp nơi trong nước cũng như ở
ngoại quốc.

Chủ nhiệm chủ bút : Nguyễn-Văn-Thái

Hỷ Tin

* Thân ái mừng cháu LÊ-DUNG, ái nữ của ông
Bà Lê-Tràng Kiều, 528/15/151, Trương-minh-Giảng,
Sài Gòn, đẹp duyên với PHAN-HUYỀN con trai của
bà Phan-văn-Phổ, và chúc đôi tân hôn tình yêu
hạnh phúc bền lâu.

● Vui mừng chúc cháu GIUSE PHAN THẠCH
LĨNH, trưởng nam của ông bà Phan-Thạch Uyển,
Sài Gòn, và MARIA VUU THI HUỆ KHANH, thứ nữ
của ông bà Vương-quốc-Phương Bạc-Liên, được
loạn phụng hòa minh, sắc cảm hảo-hiệp.

Nguyễn-Vỹ

Xi-rô

NICO B6

BÊ BÊ

CÓ SINH-TỐ B6 + SINH-TỐ PP

trị
em nhỏ:

**ỢC SỮA
ĐEN
LỖ LỖI NGOÀI DA
SUY NHUỘC**

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
VIỆN BẢO-CHÊ NGỌC-DIỆP CHOLON



XI-RÔ

TONIVITAL

của trẻ em

Gồm có các
sinh-tố:

A - C
D - PP
B1 - B2
B12
B6
LYSINE



*Bổ-dưỡng cơ-thể
Giúp trẻ em chóng lớn*

trị: **BIỀNG ĂN - GÂY CƠM
SUNG LƯỖI - SUNG RUỘT**

Viện Bảo-Chê
NGỌC-DIỆP
CHOLON

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PHONG-PHÚ

SEN/NTT/TO-6-69

trị: ỈA CHẢY. NHIỄM ĐỘC
Ở RUỘT

KIỆT-LY CÓ ĐÂM MAU

Dùng thuốc

TANIGELAMIDE

Thuốc viên cho người lớn
Thuốc bột cho trẻ em.

PHONG-THO

Hợp với
người lớn
trẻ em

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

206c/BTT/XI-3-67

NƯỚC NGỌT

"CON CỌP"



Ở mọi nơi,
Thôn quê,
Thành thị.

Nước ngọt Con Cọp
ở đâu,
Đây là Khỏe Mạnh,
Sống lâu, Trẻ Đời.

Brasseries et Glacières
de l'Indochine

6, Hai-Bà-Trung, Saigon Tél: 20.311

Nhà hàng Đại-La - Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ p ép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lâu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bản thân đã dượt hay là đang hành
kinh mà đau bụng, uống **Lôi Công Hoàn « Ông Tiên »**. Các tiệm
thuốc Bắc có bán lẻ. **Nhà thuốc Ông-Tiên** Phú-Lâm Cholon.
K.N.BYT. số 9.5-63

Phong ngứa Ghê chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới
đó không phải thoa phết sơ sai ngoài da mà hết. Uống **Già
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên »** Trên 30 năm danh
tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú-Lâm, Cholon
(K.N, BY. số 3-9-5-63)

Giấy phép số 292 CDV/TT/ND ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

In tại nhà in riêng của **PHỒ-THÔNG**

231, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Đ.T. : 25.861

GIÁ : 50 đ

Công sở : gấp đôi